BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559- XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Huỳnh Thị Trang
Sinh viên thực hiện : Hà Thị Phương Thanh
Mã số sinh viên : 2254010060
Khóa học : 2022-2026
Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 05, năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559- XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Huỳnh Thị Trang
Sinh viên thực hiện : Hà Thị Phương Thanh
Mã số sinh viên : 2254010060
Khóa học : 2022-2026
Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 05, năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày…. tháng….năm 2026

NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Năm học: 2025-2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Hà Thị Phương Thanh.
- Chuyên ngành: Kế toán.
- Trình độ đào tạo: Đại học.
- Khóa học: 2022 – 2026.

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559- XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP.

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

- Giáo trình, tài liệu và các nghiên cứu liên quan.
- Báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính).
- Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, Sổ chi tiết các tài khoản.
- Chứng từ kế toán: hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi, phiếu đề xuất,…
- Các tài liệu nội bộ có liên quan đến công tác kế toán tại Chi nhánh.

4. Các bảng biểu

Các bảng biểu được đính kèm ở phần danh mục.

5. Cán bộ hướng dẫn

ThS. Huỳnh Thị Trang.

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP ..1

1.1 Kế toán doanh thu và thu nhập khác 1

1.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 1

1.1.1.1 Khái niệm và điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 1

1.1.1.2 Các phương thức bán hàng.....2

1.1.1.3 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.....3

1.1.1.4 Phương pháp hạch toán.....3

1.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 5

1.1.2.1 Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu 5

1.1.2.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.....6

1.1.2.3 Phương pháp hạch toán.....7

1.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính 7

1.1.3.1 Khái niệm doanh thu hoạt động tài chính 7

1.1.3.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.....7

1.1.3.3 Phương pháp hạch toán.....8

1.1.4 Kế toán thu nhập khác.....9

1.1.4.1 Khái niệm thu nhập khác 9

1.1.4.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.....9

1.1.4.3 Phương pháp hạch toán.....9

1.2 Kế toán chi phí 10

1.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....10

1.2.1.1 Khái niệm giá vốn hàng bán 10

1.2.1.2 Các phương thức xác định giá vốn 11

1.2.1.3 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng.....12

1.2.1.4 Phương pháp hạch toán.....13

1.2.2 Kế toán chi phí tài chính 15

1.2.2.1 Khái niệm chi phí tài chính 15
1.2.2.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng 15
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán 16
1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng 16
1.2.3.1 Khái niệm chi phí bán hàng 16
1.2.3.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng 16
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán 17
1.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp 18
1.2.4.1 Khái niệm chi phí quản lý doanh nghiệp 18
1.2.4.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng 19
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán 20
1.2.5 Kế toán chi phí khác 20
1.2.5.1 Khái niệm chi phí khác 20
1.2.5.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng 21
1.2.5.3 Phương pháp hạch toán 22
1.2.6 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 22
1.2.6.1 Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 22
1.2.6.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng 23
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán 24
1.3 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh 24
1.3.1 Khái niệm xác định kết quả kinh doanh 24
1.3.2 Các chỉ tiêu xác định kết quả kinh doanh 25
1.3.3 Tài khoản sử dụng 25
1.3.4 Sổ sách sử dụng 26
1.3.5 Phương pháp hạch toán 26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559- XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP 26

2.1 Tổng quan về chi nhánh công ty Cổ Phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 27

2.1.1 Quá trình hình thành, phát triển của chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 27

2.1.1.1 Giới thiệu chung về chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 27

2.1.1.2 Quá trình hình thành, phát triển của chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 27

2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ của chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 28

2.1.2.1 Chức năng của Chi nhánh 28

2.1.2.2 Nhiệm vụ của Chi nhánh 28

2.1.3 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 29

2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý của chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 29

2.1.4.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Chi nhánh 29

2.1.4.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận 30

2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán của chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 30

2.1.5.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Chi nhánh 30

2.1.5.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí kế toán 31

2.1.6 Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán được chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp áp dụng 31

2.1.7 Hình thức ghi sổ kế toán tại chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 32

2.2 Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí tại chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 34

2.2.1 Kế toán các khoản doanh thu và thu nhập tại chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 34

2.2.1.1 Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại chi nhánh 34

2.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại chi nhánh 45
2.2.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại chi nhánh 45
2.2.1.4 Kế toán thu nhập khác tại chi nhánh 49
2.2.2 Kế toán các khoản chi phí tại chi nhánh 49
2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán tại chi nhánh 49
2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính tại chi nhánh 60
2.2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng tại chi nhánh 60
2.2.2.4 Kế toán chi phí quản lí doanh nghiệp tại chi nhánh 60
2.2.2.5 Kế toán chi phí khác tại chi nhánh 68
2.2.2.6 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại chi nhánh 74
2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh 76
2.2.3.1 Sổ sách kế toán sử dụng 76
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng 76
2.2.3.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh 76
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 559- XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP 76
3.1 Nhận xét và đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 81
3.1.1 Nhận xét chung 81
3.1.2 Ưu điểm 81
3.1.3 Nhược điểm 82
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp 82

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

1	TSCĐ	Tài sản cố định
2	TK	Tài khoản
3	GTGT	Giá trị gia tăng
4	TT	Thông tư
5	BTC	Bộ tài chính
6	HTK	Hàng tồn kho
7	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
8	KH&CN	Khoa học và công nghệ
9	HĐKD	Hoạt động kinh doanh
10	CSKH	Chăm sóc khách hàng
11	TGNH	Tiền gửi ngân hàng
12	TH	Trường hợp
13	CP	Chi phí
14	CCDC	Công cụ dụng cụ
15	VPP	Văn phòng phẩm
16	HC-NS	Hành chính – Nhân sự
17	BHXH	Bảo hiểm xã hội
18	BHYT	Bảo hiểm y tế
19	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
20	BHTNLĐ	Bảo hiểm tai nạn lao động
21	UNC	Ủy nhiệm chi
22	PP	Phương pháp
23	NVLTT	Nguyên vật liệu trực tiếp
24	KC	Kết chuyển

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng trực tiếp (TK 511).
Sơ đồ 1.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp (TK 511).
Sơ đồ 1.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (TK 521).
Sơ đồ 1.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính (TK 515).
Sơ đồ 1.5 Kế toán thu nhập khác (TK 711).
Sơ đồ 1.6 Kế toán giá vốn hàng bán theo PP Kê khai thường xuyên (TK 632).
Sơ đồ 1.7 Kế toán giá vốn hàng bán theo PP Kiểm kê định kỳ (TK 632).
Sơ đồ 1.8 Kế toán chi phí tài chính (TK 635).
Sơ đồ 1.9 Kế toán chi phí bán hàng (TK 641).
Sơ đồ 1.10 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642).
Sơ đồ 1.11 Kế toán chi phí khác (TK 811).
Sơ đồ 1.12 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 821).
Sơ đồ 1.13 Kế toán xác định kết quả kinh doanh (TK 911).
Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý Chi nhánh công ty CP Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp.
Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán tại Chi nhánh công ty CP Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp.
Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật Ký Chung.
Sơ đồ 2.4 Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán tại Chi nhánh.

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình ảnh 2.1 Giao diện phần mềm Chi nhánh sử dụng.
Hình ảnh 2.2 Giao diện phần mềm xuất hóa đơn.
Hình ảnh 2.3 Bảng kê chi tiết giặt là hàng hóa TH1.
Hình ảnh 2.4 Giao diện phần mềm xuất hóa đơn ngày 19/12/2025.
Hình ảnh 2.5 Hóa đơn GTGT 2002 ngày 19/12/2025.
Hình ảnh 2.6 Giao diện phần mềm hạch toán doanh thu ngày 19/12/2025.
Hình ảnh 2.7 Phiếu giao nhận TH2.
Hình ảnh 2.8 Giao diện phần mềm xuất hóa đơn TH2.
Hình ảnh 2.9 Hóa đơn GTGT 2073.
Hình ảnh 2.10 Giao diện phần mềm hạch toán doanh thu ngày 29/12/2025.
Hình ảnh 2.11 Giấy báo Nợ/Có ngày 31/12/2025 TK 078.
Hình ảnh 2.12 Giấy báo Nợ/Có ngày 31/12/2025 TK 076.
Hình ảnh 2.13 Giao diện phần mềm hạch toán lãi tiền gửi TK 078.
Hình ảnh 2.14 Giao diện phần mềm hạch toán lãi tiền gửi TK 076.
Hình ảnh 2.15 Phiếu yêu cầu xuất vật tư: hóa chất.
Hình ảnh 2.16 Giao diện hạch toán phiếu xuất kho hóa chất.
Hình ảnh 2.17 Phiếu xuất kho hóa chất.
Hình ảnh 2.18 Phiếu yêu cầu xuất vật tư xà phòng, hồ ủi.
Hình ảnh 2.19 Giao diện hạch toán phiếu xuất kho hồ ủi xà phòng.
Hình ảnh 2.20 Phiếu xuất kho xà phòng, hồ ủi.
Hình ảnh 2.21 Bảng thanh toán tiền lương tháng 10.2025.
Hình ảnh 2.22 Giao diện hạch toán tiền lương tháng 10.2025.
Hình ảnh 2.23 Biên bản kiểm kê cuối tháng số lượng củi xuất dùng trong tháng.
Hình ảnh 2.24 Giao diện hạch toán phiếu xuất kho củi tháng 10.2025.
Hình ảnh 2.25 Phiếu xuất kho củi đốt lò tháng 10.2025.
Hình ảnh 2.26 Bảng thanh toán tiền lương tháng 10.2025.
Hình ảnh 2.27 Giao diện hạch toán tiền lương tháng 10.2025.
Hình ảnh 2.28 Danh sách trích đóng BHXH, BHYT, BHTN tháng 10.2025.
Hình ảnh 2.29 Giao diện hạch toán BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ tháng 10.2025.
Hình ảnh 2.30 Hóa đơn GTGT 119725.
Hình ảnh 2.31 Giao diện hạch toán UNC06.
Hình ảnh 2.32 Phiếu yêu cầu xuất vật tư (VPP).
Hình ảnh 2.33 Giao diện hạch toán phiếu xuất kho VPP.
Hình ảnh 2.34 Phiếu xuất kho VPP.
Hình ảnh 2.35 Giấy đề nghị thanh toán.

Hình ảnh 2.36 Giao diện phần mềm hạch toán chi tiền mặt.
Hình ảnh 2.37 Phiếu chi vá lốp xe và thay lót dù xe tải.
Hình ảnh 2.38 Biên bản xác nhận bồi thường hàng hư hỏng.
Hình ảnh 2.39 Giao diện hạch toán phiếu kế toán CN59.
Hình ảnh 2.40 Phiếu ghi Nợ/Có tài khoản công nợ.
Hình ảnh 2.41 Tờ khai tạm tính thuế TNDN Quý 4 Năm 2025.
Hình ảnh 2.42 Giao diện tạo bút toán tự động.
Hình ảnh 2.43 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 Năm 2025.
Hình ảnh 3.1 Phiếu xuất kho đề xuất.

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng biểu 2.1 Sổ chi tiết TK 51131.
Bảng biểu 2.2 Sổ Cái TK 511.
Bảng biểu 2.3 Sổ chi tiết TK 5151.
Bảng biểu 2.4 Sổ Cái TK 515.
Bảng biểu 2.5 Sổ chi tiết tài khoản 63211.
Bảng biểu 2.6 Sổ chi tiết tài khoản 632122.
Bảng biểu 2.7 Sổ chi tiết tài khoản 632123.
Bảng biểu 2.8 Sổ chi tiết tài khoản 6271.
Bảng biểu 2.9 Sổ chi tiết tài khoản 62721.
Bảng biểu 2.10 Sổ chi tiết tài khoản 63214.
Bảng biểu 2.11 Sổ Cái TK 632.
Bảng biểu 2.12 Sổ chi tiết TK 6421.
Bảng biểu 2.13 Sổ chi tiết TK 64271.
Bảng biểu 2.14 Sổ chi tiết TK 64273.
Bảng biểu 2.15 Sổ chi tiết TK 64274.
Bảng biểu 2.16 Sổ Cái TK 642.
Bảng biểu 2.17 Sổ chi tiết TK 8111.
Bảng biểu 2.18 Sổ chi tiết TK 8118.
Bảng biểu 2.19 Sổ Cái TK 811.
Bảng biểu 2.20 Sổ Cái TK 911.
Bảng biểu 2.21 SỔ NHẬT KÝ CHUNG Quý 4 Năm 2025.
Bảng biểu 3.1 Sổ cái TK 621.
Bảng biểu 3.2 Sổ cái TK 622.
Bảng biểu 3.3 Sổ cái TK 627.
Bảng biểu 3.4 Sổ cái TK 632.

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến Ban Giám hiệu trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, các Thầy/Cô giáo đặc biệt là các Thầy/Cô trong Khoa Kinh Tế đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho em những kiến thức quý báu, luôn quan tâm, hỗ trợ trong suốt quá trình học tập tại trường. Những kiến thức và kỹ năng mà em tiếp thu được chính là nền tảng quan trọng giúp em hoàn thành khóa luận này cũng như hành trang cho công việc trong tương lai.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Cô Huỳnh Thị Trang giảng viên hướng dẫn của em – người đã tận tình chỉ bảo, định hướng, góp ý và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Những ý kiến đóng góp quý báu của cô đã giúp em hoàn thiện khóa luận một cách tốt nhất.

Em cũng xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng toàn thể Anh/Chị tại Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp đã tạo điều kiện cho em được thực tập, học hỏi và tiếp cận với môi trường làm việc thực tế. Sự giúp đỡ và chia sẻ kinh nghiệm của mọi người đã giúp em tích lũy thêm nhiều kiến thức và kỹ năng quý giá.

Với trình độ kiến thức còn hạn chế, bài viết này có thể còn nhiều thiếu sót, vì vậy em rất mong nhận được ý kiến góp ý, sửa sai của quý Thầy/ Cô để từ đó em có thể rút ra cho mình những kinh nghiệm quý báu để làm hành trang cho bước đường tương lai sau này của em.

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển, ngành dịch vụ giữ vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội, trong đó dịch vụ giặt là đang có xu hướng mở rộng mạnh mẽ, đặc biệt tại các khu vực đô thị và du lịch. Hoạt động dịch vụ giặt là thường xuyên phát sinh nhiều nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đòi hỏi công tác kế toán phải được tổ chức hợp lý, chính xác và kịp thời.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những chỉ tiêu quan trọng phản ánh hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Việc ghi nhận đúng doanh thu, kiểm soát chặt chẽ chi phí cũng như xác định chính xác kết quả kinh doanh không chỉ giúp doanh nghiệp đánh giá hiệu quả hoạt động mà còn là cơ sở để đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559 -Xưởng Giặt Là Công Nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giặt là. Từ đó, em chọn đề tài Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559 -Xưởng Giặt Là Công Nghiệp để làm khóa luận tốt nghiệp, với mong muốn phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại doanh nghiệp.

Mục tiêu của kỳ thực tập là phân tích và đánh giá thực trạng quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp, nhằm hiểu rõ cách thức vận hành và thực hiện các quy trình này trong thực tế. Đồng thời, so sánh giữa lý thuyết đã học tại trường với thực tế áp dụng tại doanh nghiệp để xác định những điểm tương đồng và khác biệt. Từ đó, làm rõ các ưu điểm và hạn chế trong quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Chi nhánh, đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

* Đối tượng nghiên cứu

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản nghiên cứu: 511,515,632,642,811,821,911.

Nghiên cứu các chứng từ, sổ sách quy trình hạch toán, tổ chức công tác kế toán của chi nhánh và tài liệu liên quan đến đề tài tại Chi nhánh.

* Phạm vị nghiên cứu

Dựa theo cơ sở lý luận đã được học và đọc: chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Thu thập dữ liệu, chứng từ và số liệu trong kỳ kế toán gần nhất (2025) của Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

- Quan sát tìm hiểu môi trường làm việc, quá trình tổ chức và vận hành kế toán.
- Học hỏi và tìm hiểu những vấn đề phát sinh, các thắc mắc gặp phải từ các Anh/Chị trong phòng kế toán tại chi nhánh.
- Làm theo các ý kiến của giáo viên hướng dẫn.
- Tham khảo các tài liệu trên sách, web, tài liệu hướng dẫn làm khóa luận và các tài liệu khác liên quan đến đề tài nghiên cứu.
- Thu thập số liệu từ các chứng từ nghiệp vụ phát sinh thực tế có liên quan đến các tài khoản cần nghiên cứu trong đề tài
- Phân tích để làm rõ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời đánh giá thực trạng công tác kế toán tại đơn vị. Ngoài ra, còn có so sánh và đối chiếu được sử dụng nhằm so sánh giữa lý thuyết và thực tế, qua đó nhận diện những điểm phù hợp và chưa phù hợp. Cuối cùng, tổng hợp để đưa ra nhận xét và đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

4. Cấu trúc của đề tài

Ngoài lời mở đầu và kết luận, đề tài được chia thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559 – Xưởng Giặt Là Công Nghiệp.

Chương 3: Một số nhận xét, kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559 – Xưởng Giặt Là Công Nghiệp.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Kế toán doanh thu và thu nhập khác

1.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.1.1 Khái niệm và điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Khái niệm

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ, theo phương thức cho thuê hoạt động.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ là khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sau khi đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo khoản 1.3 Điều 79 Thông tư 200/2014/TT-BTC

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thõa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.1.1.2 Các phương thức bán hàng

Bán buôn hàng hóa là hình thức bán hàng cho các đơn vị thương mại, các doanh nghiệp sản xuất, thường được bán theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Trong bán buôn thường bao gồm hai hình thức:

- Bán buôn hàng hóa qua kho là hàng hóa được mua vào và dự trữ trong kho sau đó xuất ra bán. Bán buôn hàng hóa qua kho có thể thực hiện dưới hai hình thức:

  + Bán buôn hàng hóa qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: Doanh nghiệp xuất kho hàng hóa và giao trực tiếp cho đại diện bên mua.

  + Bán buôn hàng hóa qua kho theo hình thức chuyển hàng: Căn cứ vào hợp đồng hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp xuất kho hàng hóa, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng.
- Bán buôn hàng hóa không qua kho là hình thức doanh nghiệp mua hàng hóa để bán ngay mà không qua nhập kho. Bán buôn không qua kho có thể thực hiện hai hình thức:

  + Bán buôn hàng hóa không qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: Doanh nghiệp sau khi mua hàng, giao trực tiếp cho đại diện bên mua tại kho người bán. Sau khi đại diện bên mua ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác nhận là tiêu thụ.

  + Bán buôn hàng hóa không qua kho theo hình thức chuyển hàng: Doanh nghiệp sau khi mua hàng, nhận hàng mua, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc thuê ngoài vận chuyển hàng đến giao cho bên mua ở địa điểm được thỏa thuận. Hàng hóa chuyển bán trong trường hợp này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi nhận được tiền của bên mua thanh toán hoặc giấy báo của bên mua đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì mới được xác định là tiêu thụ.

1.1.1.3 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng.
- Các bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ.
- Phiếu thu, Giấy báo có,…

b. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Thông tư 200/2014/TT-BTC, Tài khoản 511 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 6 tài khoản cấp 2.

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm.

Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - TK 511: Không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 511

Tài khoản 511

Nợ	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, Tiêu thụ đặc biệt, Xuất khẩu, Bảo vệ môi trường). - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh.	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vu tại đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
TK 511: Không có số dư cuối kỳ	

c. Số sách sử dụng

- Sổ chi tiết doanh thu.
- Sổ chi tiết công nợ khách hàng.
- Sổ cái TK 511 và các tài khoản liên quan.

1.1.1.4 Phương pháp hạch toán

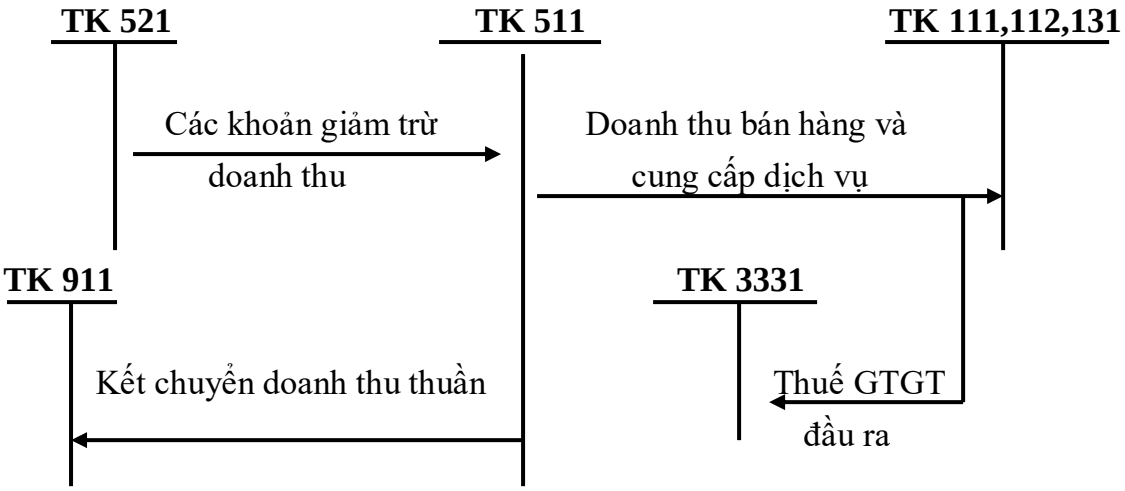

Sơ đồ 1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng trực tiếp (TK 511)

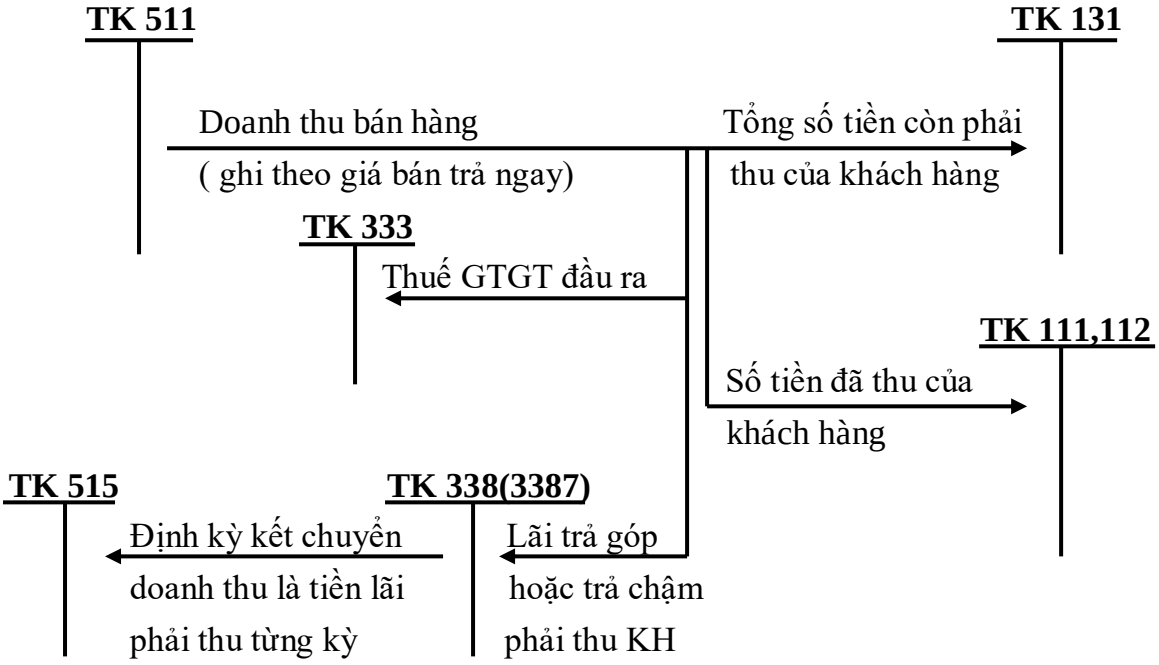

Sơ đồ 1.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp (TK 511)

Bổ sung: Theo TT 99/2025/TT-BTC ghi nhận doanh thu có sự thay đổi:
Doanh thu ghi nhận theo mô hình 5 bước (IFRS 15)
Không còn tùy thuộc vào thời điểm chuyển giao rủi ro, mà theo 5 bước:
Bước 1: Xác định hợp đồng với khách hàng.
Bước 2: Xác định nghĩa vụ thực hiện.
Bước 3: Xác định giá giao dịch.
Bước 4: Phân bổ giá giao dịch.
Bước 5: Ghi nhận doanh thu khi (hoặc khi nào) hoàn thành nghĩa vụ.
Tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" theo thông tư 99/2025/TT-BTC giữ nguyên tên gọi và bản chất so với TT 200. Theo TT 200, TK 511 được quy định chi tiết thành các tài khoản cấp 2: TK 5111, TK 5112, TK 5113,….Thông tư 99 không quy định hệ thống tài khoản cấp 2 bắt buộc, doanh nghiệp được tự chủ mở tài khoản chi tiết phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý.

1.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.2.1 Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu

Theo định nghĩa được quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng hay cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ. Các loại tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp được tính theo phương pháp trực tiếp. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản như sau:

- Chiết khấu thương mại: khoản doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.
- Giảm giá hàng bán, dịch vụ: khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách, giá trị dịch vụ không đạt chất lượng, không đúng tiêu chuẩn được quy định trong hợp đồng.
- Hàng bán, dịch vụ bị trả lại:

+ Hàng bị khách hàng trả lại do nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Hàng bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lí do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu bị trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu bị trả lại một phần hàng), đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp với số hàng trên.

+ Dịch vụ hủy hoặc khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng dịch vụ, chất lượng không đạt yên cầu hoặc dịch vụ không đúng mô tả như thỏa thuận.

Các khoản giảm trừ doanh thu được hiểu là các khoản phát sinh làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Tùy theo chế độ kế toán mà doanh nghiệp sẽ ghi nhận các khoản này theo các phương thức khác nhau.

1.1.2.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán: Hóa đơn GTGT điều chỉnh, Bảng kê chiết khấu thương mại, Biên bản thỏa thuận chiết khấu, Hợp đồng mua bán (hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ)…

Hàng bán bị trả lại: Hóa đơn GTGT điều chỉnh, Biên bản hoàn trả hàng hóa, dịch vụ, Phiếu nhập kho (phiếu xuất kho đối với hàng hóa trả lại), Biên bản thỏa thuận hoặc hợp đồng sửa đổi (nếu có)…

b. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu, Kế toán sử dụng Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu.

Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Các khoản giảm trừ doanh thu – Tài khoản 521: Không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu nội dung phản ảnh của TK 521:

Tài khoản 521

Nợ	**Có**
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Số giảm giá hàng bán, dịch vụ đã chấp thuận cho người mua hàng. - Doanh thu hàng bán, dịch vụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ về các khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.	- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, dịch vụ, doanh thu của hàng bán, dịch vụ bị trả lại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
TK 521: Không có số dư cuối kỳ	

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 521.
- Sổ chi tiết TK 521.
- Sổ cái TK 3331.
- Sổ cái TK 111,112,131,…

1.1.2.3 Phương pháp hạch toán

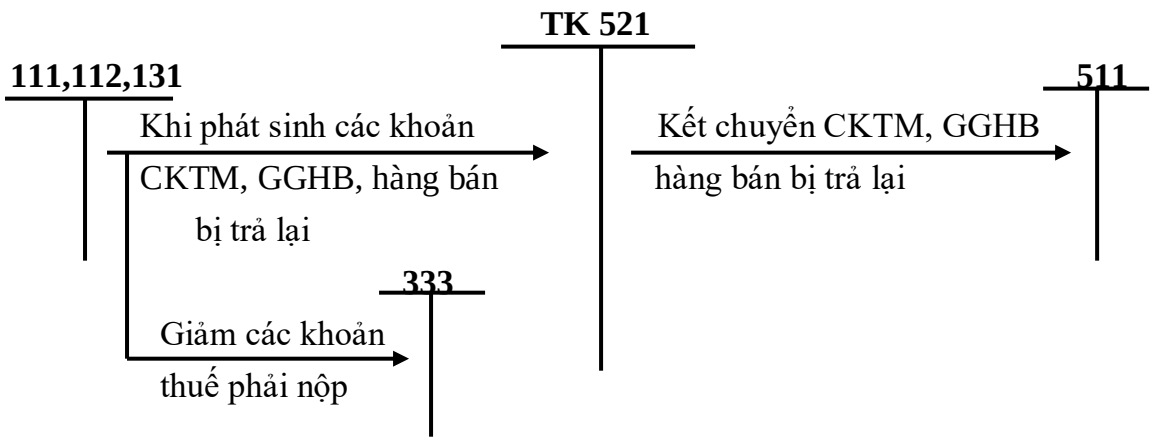

Sơ đồ 1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (TK 521)

**** Bổ sung:*** Theo TT 99/2025/TT-BTC, TK 521 giữ nguyên tên gọi ở tài khoản cấp 1 so với TT200/2014/TT-BTC và không quy định tài khoản cấp 2 bắt buộc, doanh nghiệp tự thiết kế tài khoản cấp 2 phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yên cầu quản lý.

1.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.3.1 Khái niệm doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính không đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà từ các khoản đầu tư tài chính, bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán, được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,…
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn đầu tư sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, lãi do bán ngoại tệ.
- Các doanh thu hoạt động tài chính khác,….

1.1.3.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng hoặc thỏa thuận tài chính.
- Chứng từ thu lãi vay.
- Thông báo cổ tức.
- Giấy chứng nhận đầu tư.

- Hóa đơn chứng từ (nếu có),..

b. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính, Kế toán sử dụng Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính – TK 515: Không có số dư cuối kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính – TK 515: Không có tài khoản cấp 2.

Kết cấu nội dung phản ánh TK 515:

Tài khoản 515

Nợ	Có
- Thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911	- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ như: Số tiền lãi, lợi nhuận và cổ tức, nhượng bán các khoản đầu tư, lãi chênh lệch tỷ giá, chiết khấu thanh toán,…
TK 515: Không có số dư cuối kỳ	

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 515.
- Sổ chi tiết TK 515 và các tài khoản liên quan.

1.1.3.3 Phương pháp hạch toán

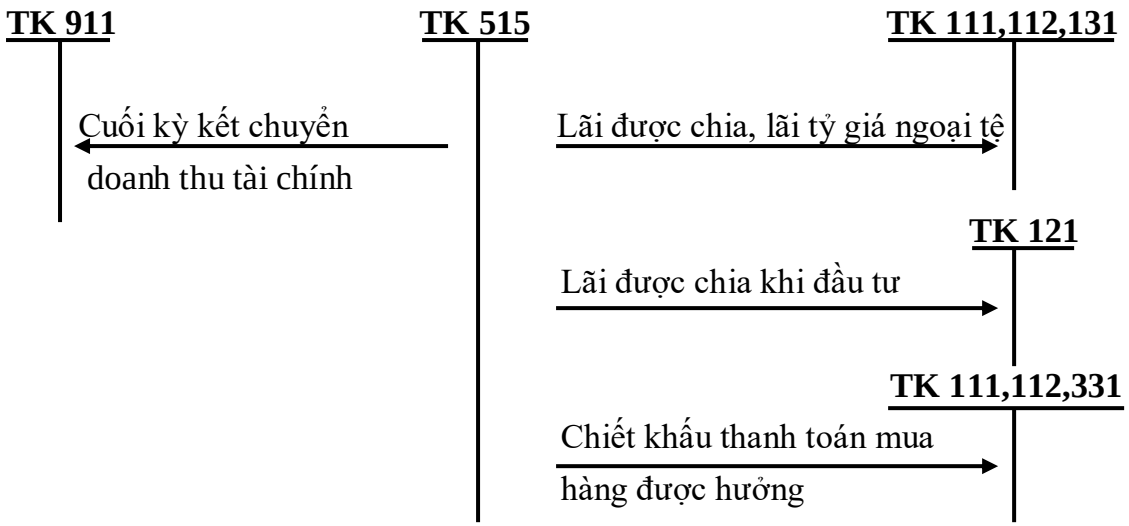

Sơ đồ 1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính (TK 515)

**** Bổ sung:*** Theo TT 99/2025/TT-BTC, TK 515 giữ nguyên tên gọi so với TT200/2014/TT-BTC và không quy định tài khoản cấp 2 bắt buộc, doanh nghiệp tự thiết kế tài khoản cấp 2 phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yên cầu quản lý.

1.1.4 Kế toán thu nhập khác

1.1.4.1 Khái niệm thu nhập khác

Doanh thu và thu nhập khác, " Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu".

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ.
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

1.1.4.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, Giấy báo có.
- Giấy đề nghị thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh thu nhập khác, Kế toán sử dụng Tài khoản 711 – Thu nhập khác.

Thu nhập khác – TK 711: Không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 711.

Tài khoản 711

Nợ	Có
- Thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
TK 711: Không có số dư cuối kỳ	

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 711.
- Sổ chi tiết TK 711 và các tài khoản liên quan.

1.1.4.3 Phương pháp hạch toán

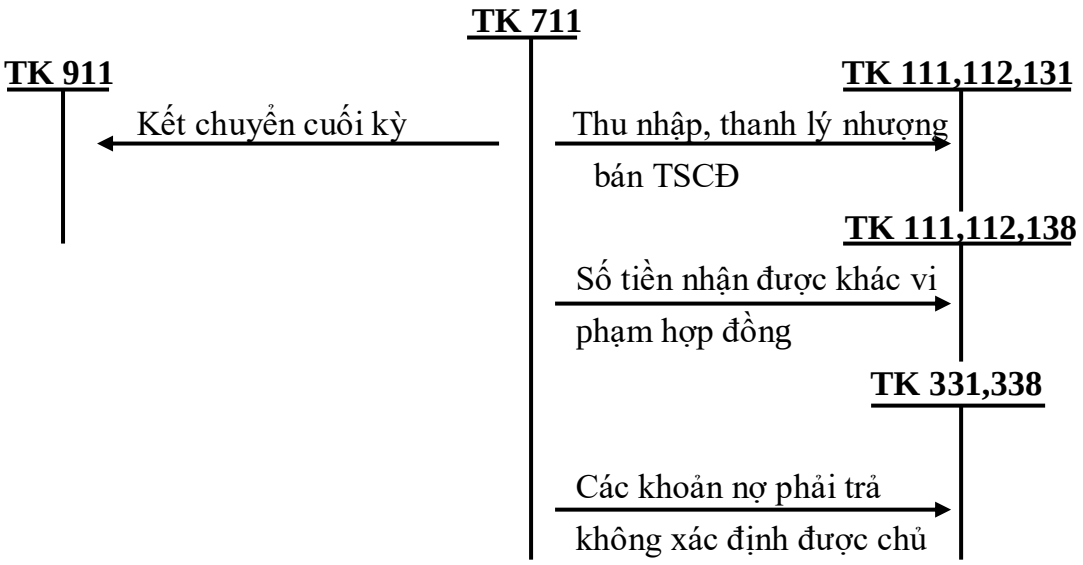

Sơ đồ 1.4 Kế toán thu nhập khác (TK 711)

**** Bổ sung:*** Theo TT 99/2025/TT-BTC, TK 711 giữ nguyên tên gọi so với TT200/2014/TT-BTC và không quy định tài khoản cấp 2 bắt buộc, doanh nghiệp tự thiết kế tài khoản cấp 2 phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yên cầu quản lý.

1.2 Kế toán chi phí

1.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.1.1 Khái niệm giá vốn hàng bán

Theo quy định tại điều 89 Thông tư 200/2014/TT-BTC

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư…

Các khoản chi phí giá vốn bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, công cụ dụng cụ sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí nhân công trực tiếp (lương và các khoản phụ cấp của nhân viên trực tiếp tham gia sản xuất và cung cấp dịch vụ).
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho việc sản xuất, cung cấp dịch vụ.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ sản xuất, cung cấp dịch vụ.
- Các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến sản xuất, cung cấp dịch vụ.

Khi phát sinh, các tài khoản chi phí trên sẽ được tập hợp vào tài khoản 621,622,627.

Rồi kết chuyển sang tài khoản 154 để tính giá thành sản phẩm hoặc dịch vụ. Từ tài khoản 154 kết chuyển sang tài khoản 632 xác định giá vốn trong kỳ.

1.2.1.2 Các phương thức xác định giá vốn

Doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp sau để xác định giá vốn hàng bán:

- Phương pháp tính theo giá đích danh: Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.
- Phương pháp bình quân gia quyền:

+ Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kì hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

+ Tùy thuộc vào hệ thống quản lý hàng tồn kho tại doanh nghiệp mà áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ hay bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ (còn được gọi là bình quân gia quyền cuối kỳ): Giá vốn hàng hóa được tính bằng giá trị và số lượng của loại hàng hóa tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ. Công thức:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng i nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Giá trị thực tế hàng i tồn kho cuối kỳ} = \text{Số lượng mặt hàng i tồn kho cuối kỳ} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân của hàng tồn kho i}$$

$$\text{Giá trị thực tế hàng i xuất dùng trong kỳ} = \text{Giá thực tế hàng i tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng i mua vào trong kỳ} - \text{Giá thực tế hàng i tồn kho cuối kỳ}$$

+ Theo phương pháp giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm) giá xuất kho hàng hóa được tính sau từng lô hàng nhập về. Công thức:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Giá trị thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n}}$$

$$\text{Giá thực tế mặt mặt hàng i xuất kho} = \text{Số lượng mặt hàng i xuất dùng} \times \text{Đơn giá thực tế của hàng i sau lần nhập n}$$

$$\text{Giá thực tế hàng i tồn kho cuối kỳ} = \text{Giá trị thực tế hàng i tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng i mua và nhập kho} - \text{Giá thực tế hàng i xuất kho}$$

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): Phương pháp nhập trước, xuất trước được áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn được mua hoặc được sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Tức là hàng nào nhập trước thì ưu tiên xuất trước và cuối kỳ số hàng tồn còn lại trong kho thì có giá trị của hàng nhập gần hoặc cuối kỳ.

1.2.1.3 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho, phiếu tính giá thành sản phẩm.
- Phiếu xuất kho.
- Hóa đơn GTGT.
- Bảng kê chi tiết nhập xuất tồn.

b. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh giá vốn hàng bán, Kế toán sử dụng Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán – TK 632: Không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu nội dung phản ánh của TK 632.

Tài khoản 632

Nợ	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.
TK 632: Không có số dư cuối kỳ	

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 632.
- Sổ chi tiết TK 632 và các tài khoản liên quan.

1.2.1.4 Phương pháp hạch toán

Phương pháp kiểm kê HTK: Kê khai thường xuyên.

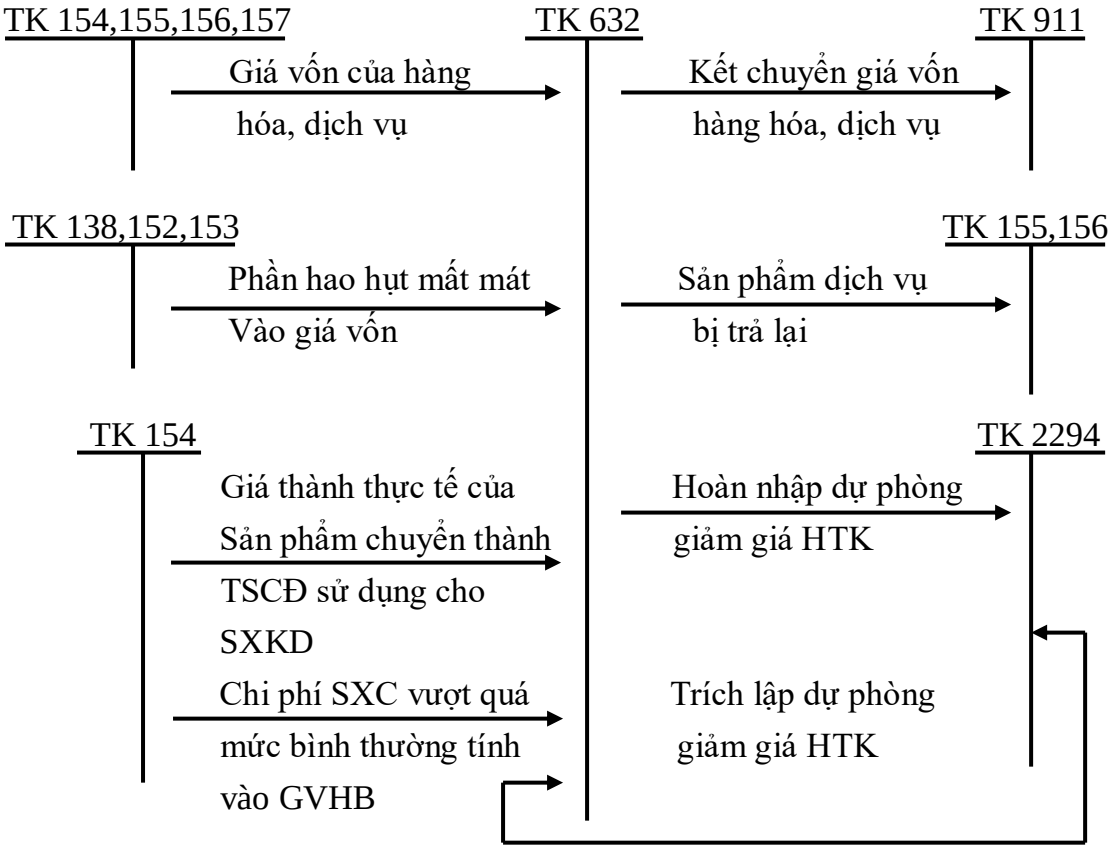

Sơ đồ 1.5 Kế toán giá vốn hàng bán theo PP Kê khai thường xuyên (TK 632)

Phương pháp kiểm kê HTK: Kiểm kê định kỳ.

Sơ đồ 1.6 Kế toán giá vốn hàng bán theo PP Kê khai định kì (632)

Bổ sung: Theo TT 99/2025/TT-BTC, TK 632 giữ nguyên tên gọi so với TT200/2014/TT-

BTC và không quy định tài khoản cấp 2 bắt buộc, doanh nghiệp tự thiết kế tài khoản cấp 2 phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yên cầu quản lý.

1.2.2 Kế toán chi phí tài chính

1.2.2.1 Khái niệm chi phí tài chính

Theo điều 90 Thông tư 200/2014/TT-BTC, Tài khoản 635 – Chi phí tài chính, " Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái…"

1.2.2.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, Giấy báo nợ.
- Phiếu tính lãi đi vay…

b. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh chi phí tài chính, Kế toán sử dụng Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Chi phí tài chính – TK 635: Không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 635:

Tài khoản 635

Nợ	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
TK 635: Không có số dư cuối kỳ	

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 635.
- Sổ chi tiết TK 635 và các tài khoản liên quan.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

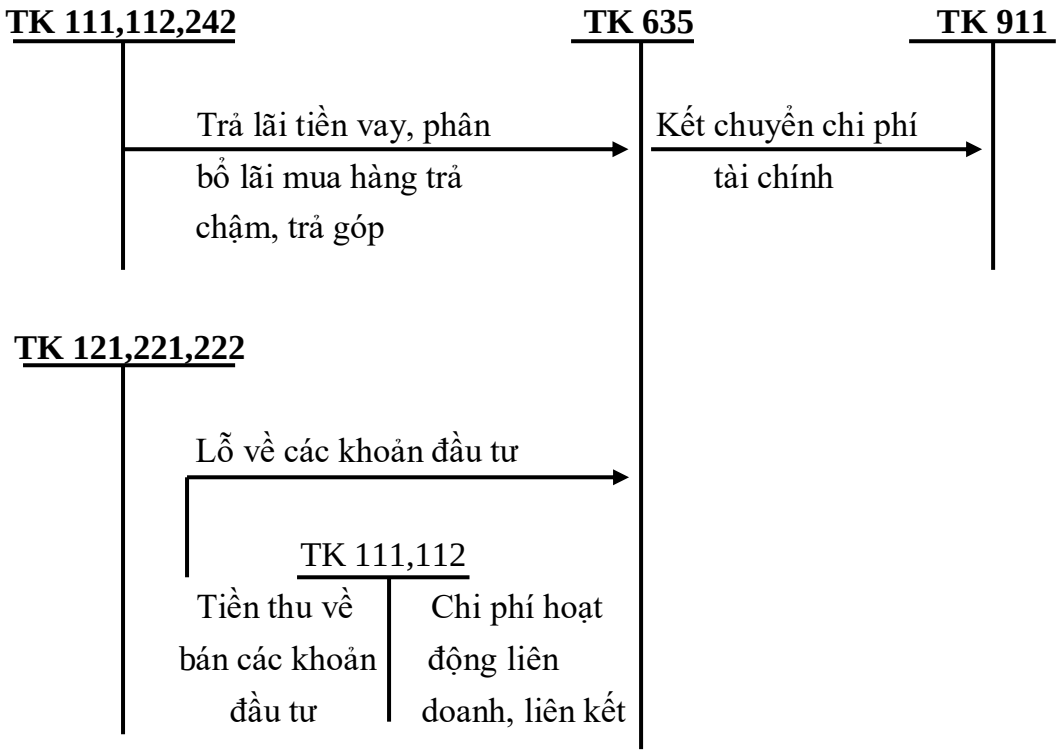

Sơ đồ 1.7 Kế toán chi phí tài chính (TK 635)

**** Bổ sung:*** Theo TT 99/2025/TT-BTC, TK 635 giữ nguyên tên gọi so với TT200/2014/TT-BTC và không quy định tài khoản cấp 2 bắt buộc, doanh nghiệp tự thiết kế tài khoản cấp 2 phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yên cầu quản lý.

1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng

1.2.3.1 Khái niệm chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

1.2.3.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Hóa đơn dịch vụ.
- Phiếu chi tiền mặt, ủy nhiệm chi.
- Bảng kê chi phí bán hàng.
- Phiếu xuất kho.

- Hợp đồng dịch vụ.

b. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh chi phí bán hàng, Kế toán sử dụng Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.

Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên.

Tài khoản 6412 – Chi phí nguyên vật liệu, bao bì.

Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng.

Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ.

Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành.

Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.

Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác.

Chi phí bán hàng – TK 641: Không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 641:

Tài khoản 641

Nợ	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.	- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
TK 641: Không có số dư cuối kỳ	

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 641.
- Sổ chi tiết TK 641 và các tài khoản liên quan.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

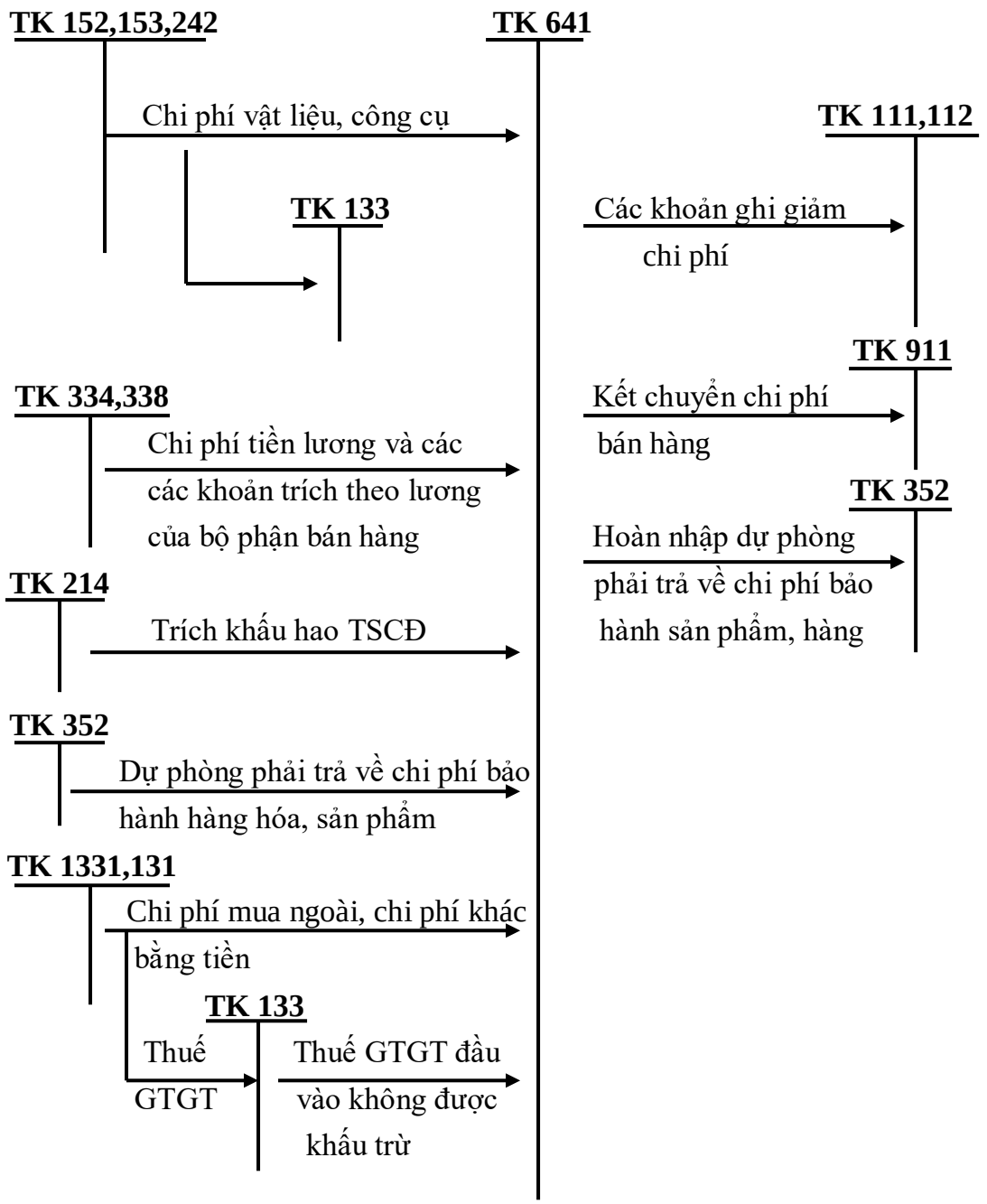

Sơ đồ 1.8 Kế toán chi phí bán hàng (TK 641)

**** Bổ sung:*** Theo TT 99/2025/TT-BTC thì tài khoản này có thay đổi: Đổi tên TK cấp 2 TK 6415 " Chi phí bảo hành" (TT200) sang " Thuế, phí lệ phí" (TT99).

1.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1 Khái niệm chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chi phí quản lí doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn

phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) …

1.2.4.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn mua hàng, Phiếu chi tiền mặt, Hóa đơn dịch vụ, Bảng lương và các khoản trích theo lương, Hợp đồng thuê văn phòng, thuê tài sản, …

b. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp, Kế toán sử dụng Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên quản lý.

Tài khoản 6422 – Chi phí nguyên vật liệu quản lí.

Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng.

Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ.

Tài khoản 6425 – Thuế, phí và lệ phí.

Tài khoản 6426 – Chi phí dự phòng.

Tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.

Tài khoản 6428 – Chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý daonh nghiệp – TK 642: Không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 642:

Tài khoản 642

Nợ	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
TK 642: Không có số dư cuối kỳ	

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 642.

- Sổ chi tiết TK 642 và các tài khoản liên quan khác.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

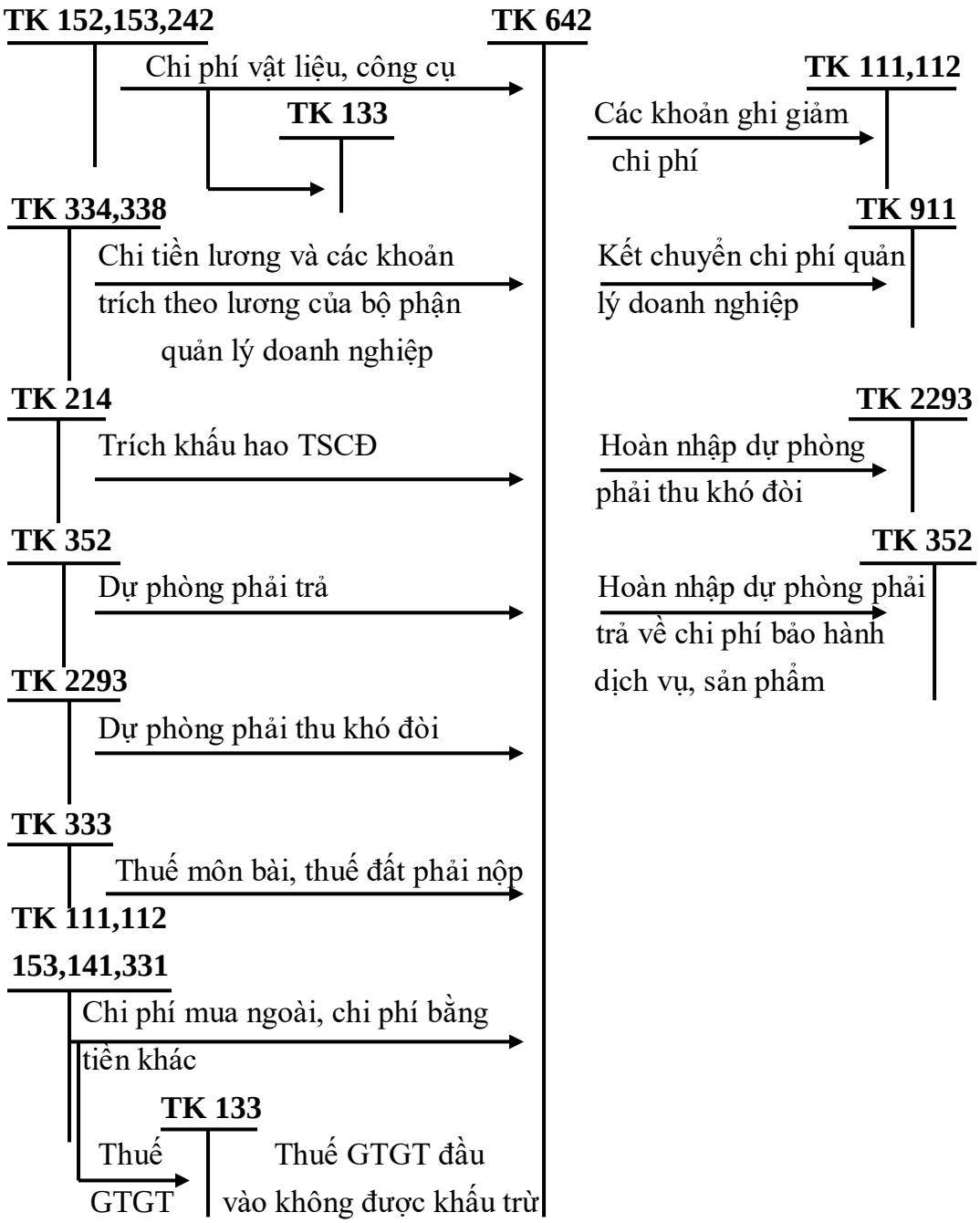

Sơ đồ 1.9 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642)

**** Bổ sung:*** Theo TT 99/2025/TT-BTC, TK 642 giữ nguyên tên gọi so với TT200/2014/TT-BTC và không quy định tài khoản cấp 2 bắt buộc, doanh nghiệp tự thiết kế tài khoản cấp 2 phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yên cầu quản lý.

1.2.5 Kế toán chi phí khác

1.2.5.1 Khái niệm chi phí khác

Chi phí khác phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính.
- Các khoản chi phí khác.

1.2.5.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo Nợ.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Hợp đồng kinh tế.
- Quyết định của cơ quan thuế…

b. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, để phản ánh chi phí khác, Kế toán sử dụng Tài khoản 811 – Chi phí khác.

Chi phí khác – TK 811: Không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 811:

Tài khoản 811

Nợ	Có
- Các khoản chi phí phát sinh như: chi phí thanh lí, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý,…	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
TK 811: Không có số dư cuối kỳ	

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 811.

- Sổ chi tiết TK 811 và các tài khoản liên quan khác.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

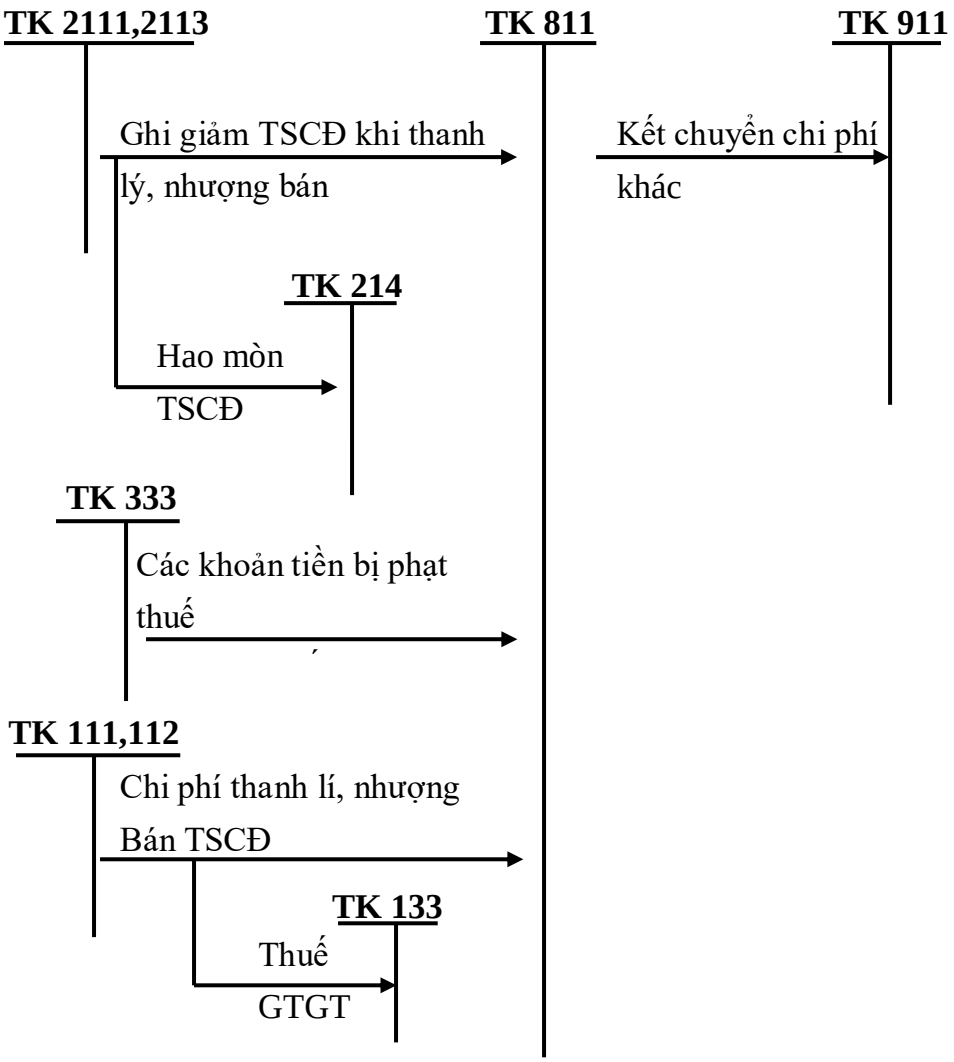

Sơ đồ 1.10 Kế toán chi phí khác (TK 811)

**** Bổ sung:*** Theo TT 99/2025/TT-BTC, TK 811 giữ nguyên tên gọi so với TT200/2014/TT-BTC và không quy định tài khoản cấp 2 bắt buộc, doanh nghiệp tự thiết kế tài khoản cấp 2 phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yên cầu quản lý.

1.2.6 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.6.1 Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kêt quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Công thức xác định chi phí thuế TNDN hiện hành nha sau:

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Thuế suất thuế TNDN hiện hành:

+ Doanh nghiệp siêu nhỏ: 15%.

+ Doanh nghiệp nhỏ: 17%.

+ Mức tiêu chuẩn: 20%.

+ Khai thác dầu khí: 25%-50%.

+ Khai thác tài nguyên quý hiếm: 50% mức phổ thông.

Nếu doanh nghiệp có trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ thì tính như sau:

Thuế TNDN phải nộp = [Thu nhập tính thuế - Phần trích lập quỹ KH&CN] x Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Thu nhập tính thuế được tính theo công thức sau:

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - [Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển]

Thu nhập chịu thuế được tính theo công thức sau:

Thu nhập chịu thuế = [Doanh thu - Chi phí được trừ] + Các khoản thu nhập khác

1.2.6.2 Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

Bảng tạm tính thuế TNDN, Tờ khai quyết toán thuế TNDN, Ủy nhiệm chi, Biên lai nộp thuế…

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tài khoản 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập daonh nghiệp – TK 821: Không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 821:

Tài khoản 821

Nợ	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh";
TK 821: Không có số dư cuối kỳ	

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 821, TK 3334
- Sổ cái TK 821, TK 3334

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

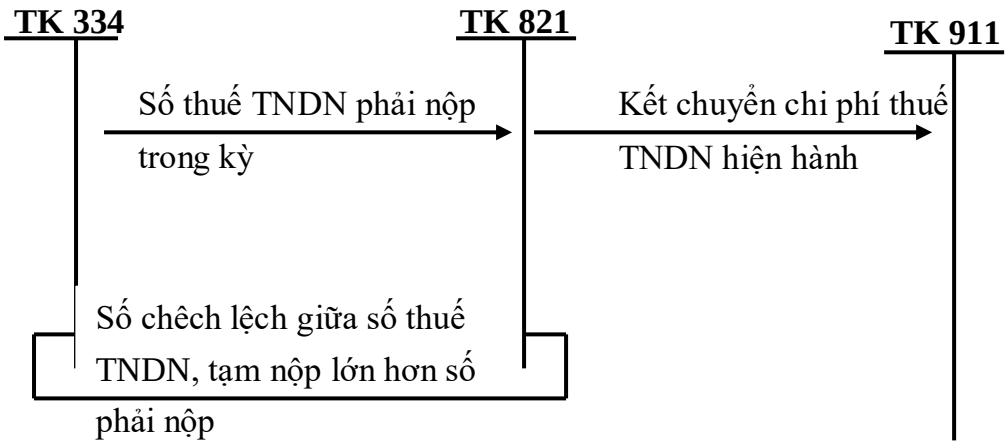

Sơ đồ 1.11 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 821)

**** Bổ sung:*** Theo TT 99/2025/TT-BTC thì tài khoản này có thay đổi: Giữ nguyên tên Tk cấp 1 và cấp 2, bổ sung chi tiết Tk cấp 3

+ TK 82111: Chi phí thuế TNDN hiện hành theo quy định của Luật thuế TNDN.

+ TK 82112: Chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

1.3 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.3.1 Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh là để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết

quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

1.3.2 Các chỉ tiêu xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ	–	Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	–	Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ HĐKD	=	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu hoạt động tài chính	–	Chi phí hoạt động tài chính	–	Chi bán hàng	– Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh khác được xác định như sau:

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	–	Chi phí khác

Lợi nhuận kinh doanh trước thuế được xác định như sau:

Lợi nhuận trước thuế = Lợi nhuận thuần từ HĐKD + Lợi nhuận khác

Kết quả kinh doanh sau thuế TNDN được xác định như sau:

Lợi nhuận sau thuế	=	Lợi nhuận trước thuế	+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.3 Tài khoản sử dụng

Tài TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Xác định kết quả kinh doanh – TK 911: Không có só dư cuối kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 911:

Tài khoản 911

Nợ	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
TK 911: Không có số dư cuối kỳ	

1.3.4 Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 911.
- Sổ chi tiết TK 911 và các tài khoản liên quan.

1.3.5 Phương pháp hạch toán

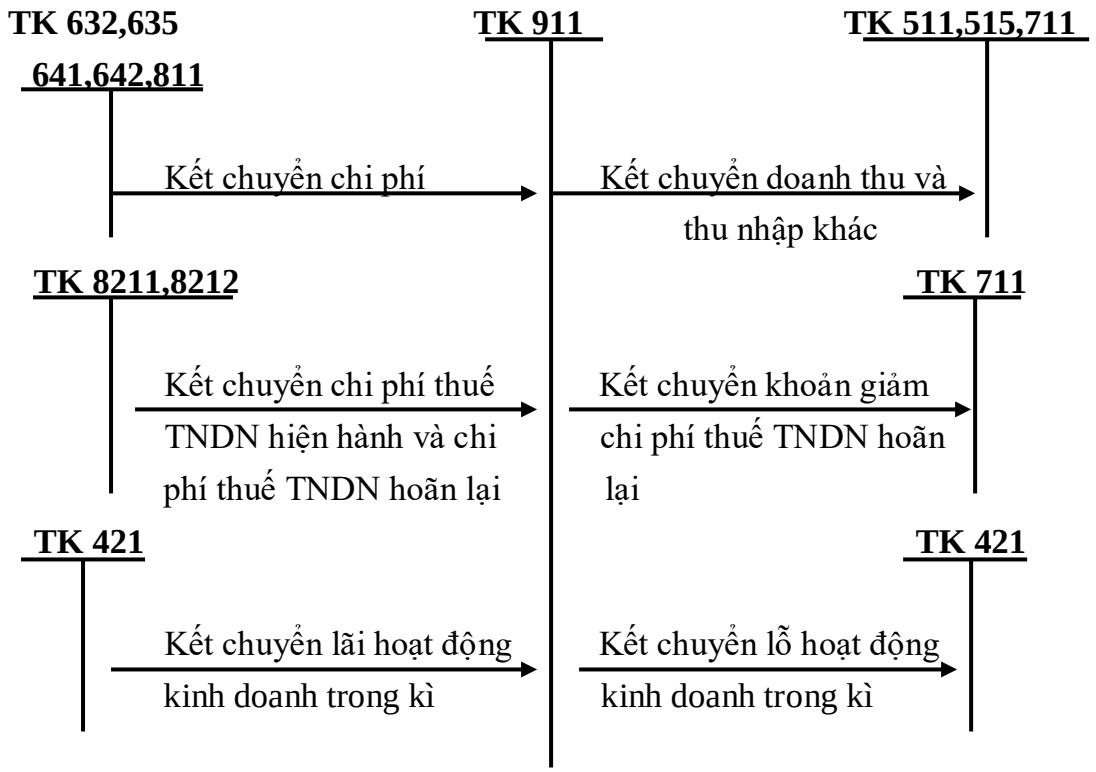

Sơ đồ 1.12 Kế toán xác định kết quả kinh doanh (TK 911)

**** Bổ sung:*** Theo TT 99/2025/TT-BTC, TK 911 giữ nguyên tên gọi ở tài khoản cấp 1 so với TT200/2014/TT-BTC.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559- XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP

2.1 Tổng quan về Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

2.1.1 Quá trình hình thành, phát triển của Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

2.1.1.1 Giới thiệu chung về Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

- Tên đơn vị: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559- XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP.
- Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, Khu công nghiệp Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, Tp. Đà Nẵng.
- Lĩnh vực hoạt động: Dịch vụ giặt là công nghiệp (khách sạn, nhà hàng,..).
- MST: 0400580789-003.
- Người đại diện: Thân Đức Tiết.
- Điện thoại: 05103944559.
- Ngày cấp giấy phép: 17/02/2014.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần ngoài Nhà nước.

2.1.1.2 Quá trình hình thành, phát triển của Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

Thời điểm thành lập: Chi Nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559-Xưởng Giặt Là Công Nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 17/02/2014 và bắt đầu hoạt động từ ngày 17/02/2014 tại Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam (Trước sáp nhập).

Các giai đoạn phát triển của Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp:

- Giai đoạn hình thành (2014–2015):

  Xưởng được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 2/2014. Ban đầu quy mô nhân sự và trang thiết bị còn khiêm tốn, chủ yếu phục vụ mục tiêu cung cấp dịch vụ giặt công nghiệp cho các khách hàng trong khu vực. Xây dựng quy trình, đội ngũ nhân viên và cơ sở vận hành ban đầu.

- Giai đoạn ổn định và mở rộng (2016–2020):

  Sau vài năm hoạt động, Xưởng từng bước cải thiện quy trình, nâng cấp trang thiết bị, mở rộng thị trường phục vụ. Tăng số lượng lao động và năng lực xử lý giặt là, từ đó phục vụ được nhiều khách hàng hơn.

- Giai đoạn phát triển bền vững (2021–nay):

Xưởng tiếp tục tối ưu hoá quy trình vận hành, duy trì chất lượng dịch vụ. Hợp tác với nhiều đối tác lớn nhỏ trong vùng và ngoài tỉnh nhờ uy tín dịch vụ giặt công nghiệp. Thúc đẩy tăng trưởng doanh thu và đóng góp vào hoạt động kinh doanh chung của công ty mẹ.

Vai trò của xưởng giặt trong hoạt động chung của Công ty Cổ phần Đầu tư 559, Xưởng Giặt đóng vai trò rất quan trọng trong hệ thống hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư 559 (công ty mẹ thành lập năm 2007):

+ Tăng doanh thu và đa dạng hóa nguồn thu: Dịch vụ giặt là công nghiệp tạo thêm dòng doanh thu, giảm phụ thuộc vào các mảng đầu tư khác.

+ Mở rộng thị trường dịch vụ: Phục vụ khách hàng công nghiệp, dịch vụ lớn và các hợp đồng giặt theo hợp đồng dài hạn, góp phần tăng độ phủ dịch vụ của công ty mẹ.

+ Tạo công ăn việc làm và phát triển nguồn nhân lực địa phương: Giúp công ty tuyển dụng và sử dụng số lao động ổn định tại địa phương, góp phần phát triển kinh tế khu vực.

+ Góp phần nâng cao uy tín thương hiệu: Hoạt động hiệu quả của Xưởng giặt góp phần xây dựng hình ảnh công ty với đối tác và khách hàng trong khu vực kinh tế – xã hội.

2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ của Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

2.1.2.1 Chức năng của Chi nhánh

Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559 – Xưởng Giặt Là Công Nghiệp có chức năng tiếp nhận, xử lý và cung cấp dịch vụ giặt, sấy, là (ủi) nhằm đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và hỗ trợ hoạt động chung của đơn vị.

2.1.2.2 Nhiệm vụ của Chi nhánh

Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559 – Xưởng Giặt Là Công Nghiệp có nhiệm vụ tiếp nhận, phân loại và xử lý đồ giặt của khách hàng hoặc các bộ phận liên quan theo đúng quy trình đã quy định. Trong quá trình hoạt động, chi nhánh phải đảm bảo thực hiện các công đoạn giặt, sấy, là (ủi) phù hợp với từng loại chất liệu nhằm giữ gìn chất lượng và độ bền của sản phẩm. Đồng thời, chi nhánh có trách nhiệm kiểm tra chất lượng sau khi giặt để đảm bảo đồ sạch sẽ, không bị hư hỏng trước khi tiến hành đóng gói và giao trả đúng thời gian cam kết, tránh xảy ra sai sót hoặc nhầm lẫn.

Bên cạnh đó, chi nhánh giặt là còn đảm nhiệm việc quản lý và sử dụng hiệu quả máy móc, thiết bị, hóa chất cũng như các nguồn lực khác trong quá trình vận hành, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Ngoài ra, chi nhánh cần tiếp nhận và xử lý kịp thời các ý kiến phản hồi, khiếu nại của

khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Cuối cùng, chi nhánh có trách nhiệm thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động, sản lượng và hiệu quả kinh doanh cho cấp quản lý, góp phần hỗ trợ công tác quản lý và đưa ra các định hướng phát triển phù hợp.

2.1.3 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ giặt là công nghiệp, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú, phục vụ các khách hàng có nhu cầu giặt với số lượng lớn như khách sạn, nhà hàng, khu nghỉ dưỡng, spa, cơ sở lưu trú,... tại khu vực Tp. Đà Nẵng sau sáp nhập.

Đối tượng khách hàng chủ yếu của Xưởng giặt là:

- Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú: khách sạn, nhà nghỉ, homestay, resort.
- Nhà hàng, quán ăn, trung tâm tổ chức sự kiện cần xử lý khăn bàn, rèm, đồng phục.
- Khách hàng cá nhân.

Phương thức cung cấp dịch vụ:

- Xưởng tiếp nhận đồ bẩn → phân loại → giặt/sấy/là → đóng gói và bàn giao lại cho khách.
- Cung cấp dịch vụ tại xưởng hoặc nhận – trả hàng tận nơi theo hợp đồng.
- Đơn vị có thể ký hợp đồng dài hạn với khách hàng doanh nghiệp.

Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng.
- Khách hàng doanh nghiệp: thanh toán định kỳ (cuối tuần/tháng) hoặc theo hợp đồng và hóa đơn.

2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

2.1.4.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Chi nhánh

Cơ cấu tổ chức quản lý: Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp có cơ cấu tổ chức quản lý theo chức năng, trong đó mỗi chức năng quản lý được phân chia và đảm nhận bởi một bộ phận riêng biệt.

Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý Chi nhánh công ty CP Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

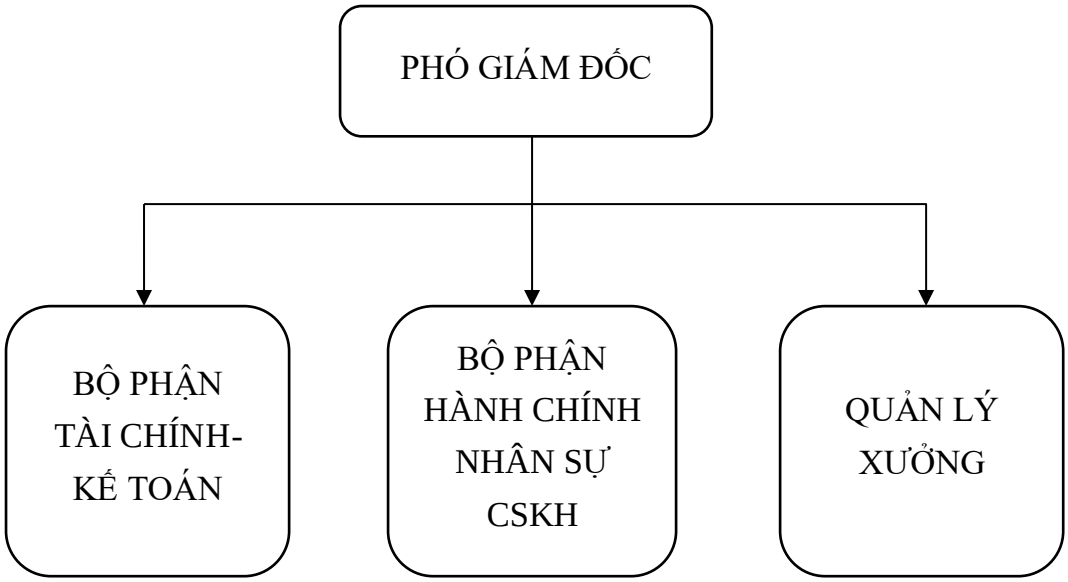

2.1.4.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

- Phó giám đốc chi nhánh: Điều hành toàn bộ hoạt động xưởng, phân công nhân sự, Kiểm tra tiến độ chất lượng, chịu trách nhiệm trước ban giám đốc.
- Hành chính – Nhân sự - CSKH: Tuyển dụng, chấm công, bố trí ca làm, quản lý hồ sơ nhân sự và chính sách lao động. Báo giá, trao đổi, tiếp nhận, ký hợp đồng,… với khách hàng.
- Kế toán – Tài chính: Theo dõi chứng từ, quản lý doanh thu – chi phí, lập báo cáo nội bộ, đề xuất kế hoạch chi phí và thanh toán.
- Quản lý xưởng:

+ Bộ phận Giặt, Ủi Lô, Kiểm Hàng, Giao Nhận: trực tiếp thực hiện quy trình giặt công nghiệp, đóng gói – bàn giao, vận chuyển đơn hàng, kiểm soát thời gian giao nhận

+ Bộ phận kỹ thuật: Bảo trì máy giặt công nghiệp, máy sấy, hệ thống ủi; sửa chữa thiết bị, bảo dưỡng định kỳ; đảm bảo hóa chất – dụng cụ sử dụng an toàn và đúng tiêu chuẩn.

2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán của Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

2.1.5.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Chi nhánh

Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán tại Chi nhánh

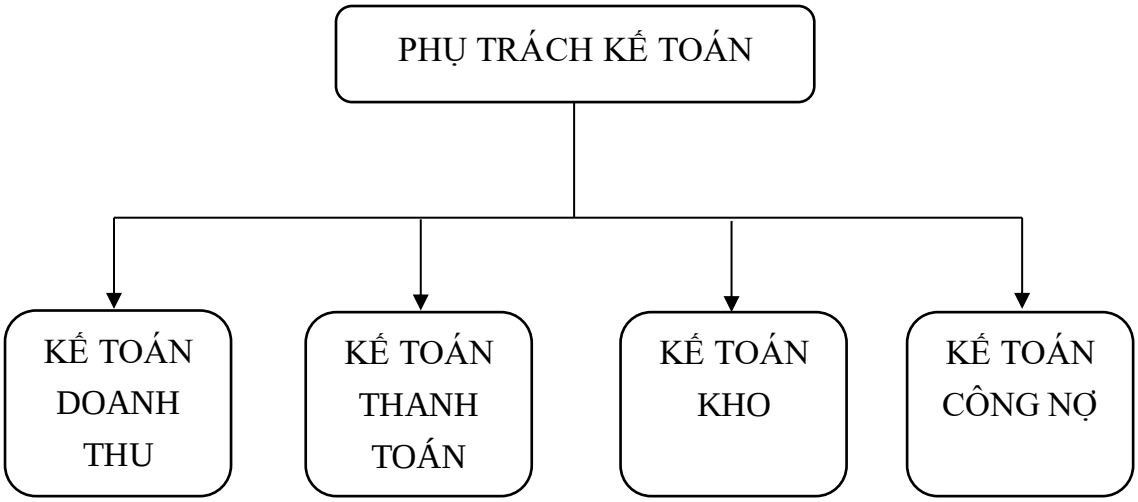

2.1.5.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí kế toán

Căn cứ vào đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ giặt là công nghiệp và quy mô của Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559, bộ máy kế toán tại Chi nhánh được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung, với sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng vị trí nhằm đảm bảo công tác kế toán được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Bộ máy kế toán của Chi nhánh gồm 05 vị trí, bao gồm: Phụ trách kế toán, Kế toán kho, Kế toán doanh thu, Kế toán công nợ và Kế toán thanh toán.

+ *Phụ trách kế toán* là người đứng đầu bộ phận kế toán tại Chi nhánh, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành toàn bộ công tác kế toán; kiểm tra, giám sát hoạt động của các kế toán viên.

+ *Kế toán kho* chịu trách nhiệm theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho vật tư, hóa chất và công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động giặt là.

+ *Kế toán doanh thu* có nhiệm vụ theo dõi, ghi nhận doanh thu phát sinh từ hoạt động cung cấp dịch vụ giặt là; lập và xuất hóa đơn GTGT.

+ *Kế toán công nợ* chịu trách nhiệm theo dõi các khoản phải thu của khách hàng và phải trả nhà cung cấp; thực hiện đối chiếu công nợ định kỳ và kiểm soát tình hình thanh toán.

+ *Kế toán thanh toán* đảm nhiệm việc theo dõi các nghiệp vụ mua sắm vật tư, hóa chất; lập và thực hiện các chứng từ thanh toán; phối hợp với kế toán kho và kế toán công nợ trong việc quản lý chi phí và công nợ.

2.1.6 Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán được Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp áp dụng

Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban

hành. Đây là chế độ kế toán được sử dụng phổ biến đối với các công ty có quy mô vừa và lớn.

Hình thức kế toán: Trên máy vi tính, thực hiện theo phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING.

Phương pháp tính giá xuất kho: Bình quân gia quyền cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận: Giá gốc

Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu từ.

Đơn vị tiền tệ: Việt Nam Đồng (VNĐ).

Khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng.

Năm tài chính: Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

2.1.7 Hình thức ghi sổ kế toán tại Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp ghi sổ theo hình thức " Nhật ký chung" và áp dụng phần mềm FAST ACCOUNTING giúp cho việc lập chứng từ, ghi sổ kế toán, theo dõi các phần hành, các tài khoản, và lập báo cáo tài chính trở nên dễ dàng, nhanh gọn.

Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung:

Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật Ký Chung

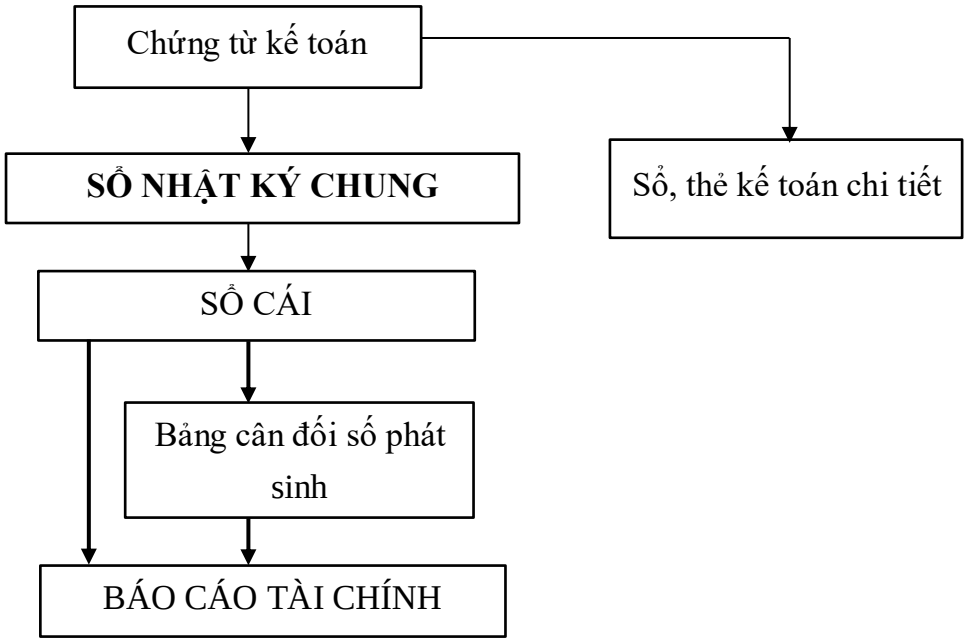

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: ⟶

Ghi cuối tháng: ⟶

**Giao diện phần mềm Chi nhánh sử dụng*

Hình ảnh 2.1 Giao diện phần mềm Chi nhánh sử dụng

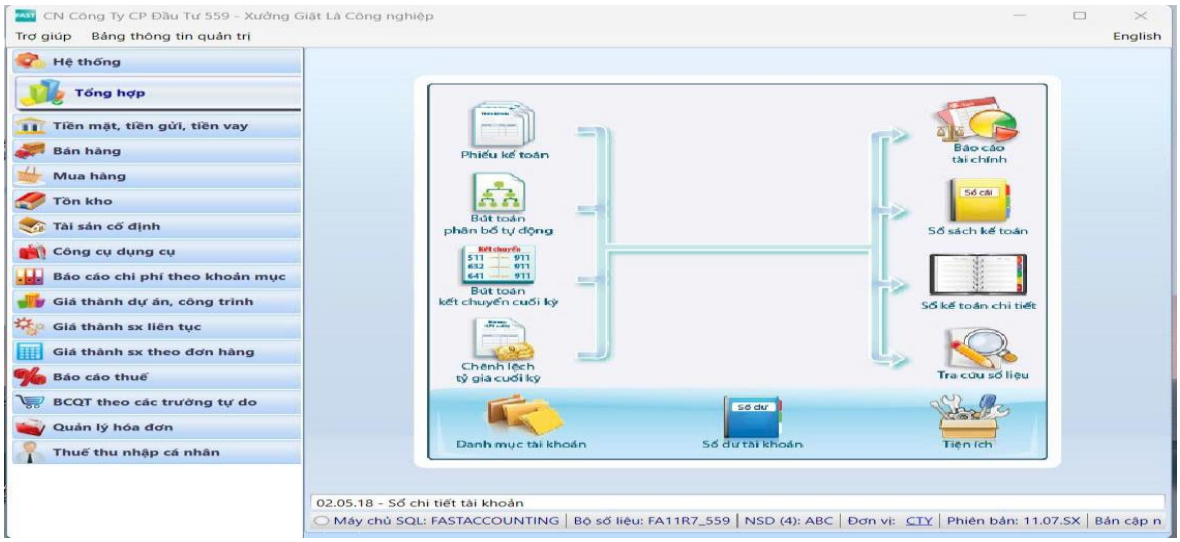

** Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán tại Chi nhánh:*

Tại đơn vị, trình tự luân chuyển chứng từ kế toán được tổ chức theo các bước từ khâu phát sinh nghiệp vụ đến kiểm tra, ghi sổ và lưu trữ nhằm đảm bảo tính đầy đủ, hợp pháp và minh bạch của thông tin kế toán. Quy trình được thực hiện như sau:

Bước 1: Phát sinh nghiệp vụ và lập chứng từ ban đầu

Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh (giao nhận đồ giặt, thu – chi tiền mặt, mua vật tư, thanh toán nhà cung cấp…), bộ phận liên quan lập chứng từ ban đầu.

Các loại chứng từ gồm: Phiếu giao nhận đồ giặt, phiếu thu – phiếu chi, hóa đơn mua hàng, phiếu nhập – xuất kho, hợp đồng dịch vụ, hóa đơn GTGT…

→ Kết quả: Chứng từ được lập đúng thời điểm phát sinh để làm căn cứ ghi nhận kế toán.

Bước 2: Kiểm tra và phê duyệt chứng từ

Bộ phận kế toán kiểm tra tính hợp lệ – hợp pháp – hợp lý của chứng từ.

Trình lên ban giám đốc ký duyệt các chứng từ quan trọng như thanh toán, mua sắm, hợp đồng lớn.

Những chứng từ không hợp lệ phải được điều chỉnh hoặc bổ sung giải trình.

→ Mục đích: Ngăn ngừa sai sót, đảm bảo kiểm soát nội bộ.

Bước 3: Ghi sổ kế toán (Hạch toán)

Sau khi được duyệt, chứng từ được nhập vào phần mềm kế toán (FAST ACCOUNTING).

Kế toán tiến hành hạch toán và tự động ghi vào:

Sổ Nhật ký chung

Sổ Cái các tài khoản

Sổ chi tiết (công nợ, doanh thu, tiền mặt, ngân hàng…)

Cuối kỳ đối chiếu số liệu giữa các sổ đảm bảo khớp đúng.

→ Kết quả: Số liệu được chuẩn hóa và sẵn sàng cho báo cáo tài chính.

Bước 4: Lưu trữ và bảo quản chứng từ

Chứng từ được sắp xếp theo từng phần hành: doanh thu, tiền mặt, ngân hàng, công nợ, kho.

Lưu trữ bản giấy trong tủ hồ sơ và bản mềm trên phần mềm.

→ Đảm bảo: tra cứu nhanh, phục vụ kiểm toán – quyết toán thuế – đối chiếu nội bộ.

Sơ đồ 2.4 Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán tại Chi nhánh

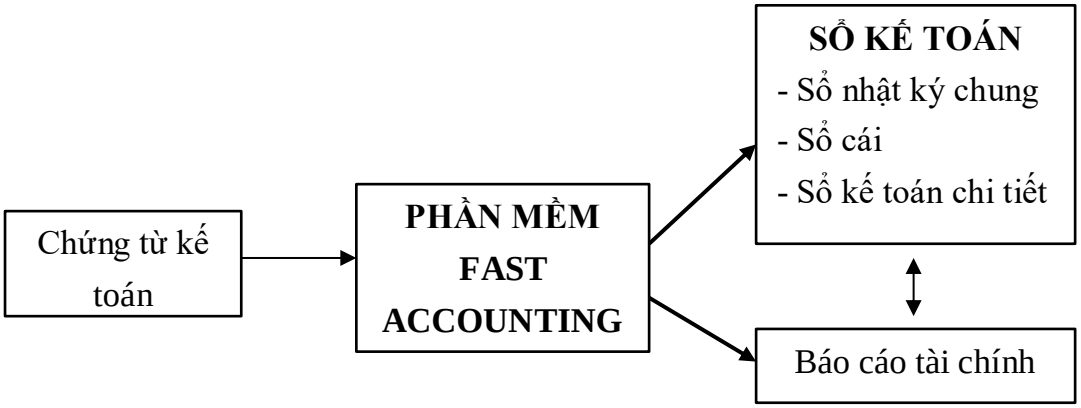

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: ⟶

Ghi sổ, báo cáo cuối kì kế toán: ⟶

Đối chiếu, kiểm tra: ⟷

2.2 Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí tại Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

2.2.1 Kế toán các khoản doanh thu và thu nhập tại Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

2.2.1.1 Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh

Đặc điểm về kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh

Thời điểm ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành, khách hàng đã nhận hàng và chấp thuận kết quả dịch vụ.

  + Đối với khách hàng hợp đồng dài hạn: Doanh thu ghi nhận theo từng kỳ (7 ngày) khi hoàn thành nghĩa vụ cung cấp dịch vụ.

  + Đối với khách lẻ: Doanh thu được ghi nhận khi doanh nghiệp đã hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng, bàn giao cho khách hàng và chấp thuận kết quả dịch vụ.

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu giao nhận.
- Hợp đồng dịch vụ giặt là.
- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu/ Giấy báo có.
- Bảng kê chi tiết dịch vụ giặt là.
- Sao kê thanh toán Ngân hàng.
- Biên bảng đối chiếu công nợ.

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết doanh thu cung cấp dịch vụ 5113.
- Sổ chi tiết công nợ khách hàng.
- Sổ cái TK 511 và các tài khoản liên quan,…

c. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 200/2014/TT- BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và lớn, tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tài khoản 511- " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ".

Các khoản doanh thu của Chi nhánh chủ yếu là khoản thu về việc cung cấp dịch vụ cho Khách hàng nên Chi nhánh sẽ sử dụng tài khoản chi tiết là TK 5113 " Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Các tài khoản kế toán sử dụng có liên quan.

TK 131: Phải thu khách hàng.

TK 111,112: Tiền mặt, TGNH.

TK 3331: Thuế GTGT phải nộp.

* Giao diện phần mềm xuất hóa đơn

Hình ảnh 2.2 Giao diện phần mềm xuất hóa đơn

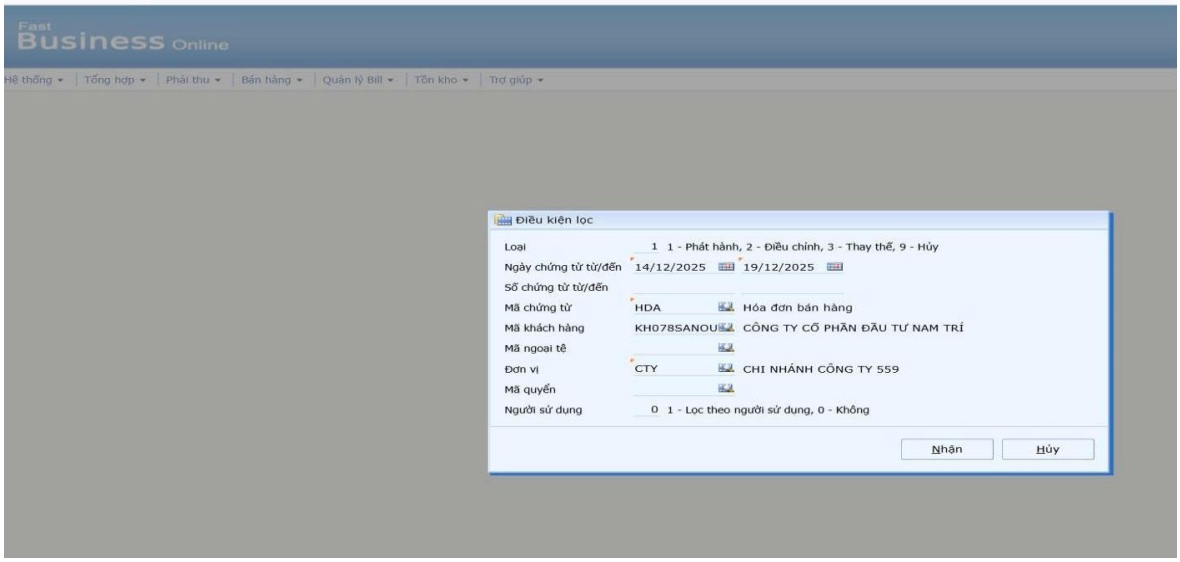

d. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh

Trường hợp 1: Cung cấp dịch vụ giặt là công nghiệp cho doanh nghiệp chưa thu tiền

Sau khi tiếp nhận hàng giặt, bộ phận giao nhận sẽ lập phiếu giao nhận ghi rõ số lượng, phân loại,… có chữ kí xác nhận của hai bên bộ phận giao nhận – khách hàng.

Xưởng tiến hành giặt – sấy – ủi – đóng gói theo quy trình kỹ thuật. Sau khi hoàn tất, bộ phận giao nhận bàn giao lại cho khách hàng. Số lượng thực tế hoàn thành được tổng hợp và đối chiếu với phiếu giao nhận ban đầu.

Xem phiếu giao nhận trường hợp 1 tại phụ lục số 01

Đối với Khách hàng hợp đồng dài hạn sẽ tổng hợp nhiều phiếu giao nhận trong vòng 7 ngày để lập Bảng kê chi tiết dịch vụ. Hình ảnh trên là minh họa cho một mẫu phiếu giao nhận

Kế toán căn cứ, tổng hợp phiếu giao nhận trong vòng 7 ngày để lập **Bảng kê chi tiết giặt là hàng hóa** (khách hàng hợp đồng dài hạn 7 ngày sẽ xuất hóa đơn một lần).

Hình ảnh 2.3 Bảng kê chi tiết giặt là hàng hóa TH1

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559 - XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP
Lô số 7, Đường số 6, Khu CN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIẶT LÀ HÀNG HÓA

Từ ngày 10/12/2025 đến ngày 16/12/2025
Số: .....
Kèm theo HD số: 2022 ngày 19/12/2025

Bên thuê giặt là: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM TRÍ**
Địa chỉ: **68 Phan Châu Trinh, Phường Hải Châu , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
MST: **0401309677**
Bên giặt là: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559 - XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP**
Địa chỉ: **Lô số 7, Đường số 6, Khu CN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng, Việt Nam**
MST: **0400580789-003**
Địa điểm giao nhận hàng là: SANOUVA HOTEL

Stt	Mã VT	Tên sản phẩm	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	GUEST.01	DỊCH VỤ GIẶT ỦI ĐỒ KHÁCH-NGƯỜI LỚN	18		671,000
1	GE.DR12	Đồ vest (bộ-giặt khô)	2	95,500	191,000
2	GE.DR16	Áo khoác (giặt khô)	1	47,500	47,500
3	GE.DR29	Áo ghi -lê (giặt khô)	1	47,500	47,500
4	GE.NO02	Áo thun	7	27,500	192,500
5	GE.NO03	Quần dài	6	27,500	165,000
6	GE.NO21	Áo len	1	27,500	27,500
	HOUSE.02	DỊCH VỤ GIẶT ỦI ĐỒ VẢI BUỒNG PHÒNG	4,411		15,655,453
1	HK.005	Áo gối lớn	368	1,634	601,312
2	HK.006	Khăn tắm	853	5,125	4,371,625
3	HK.007	Khăn tay	890	1,516	1,349,240
4	HK.008	Khăn mặt	701	1,274	893,074
5	HK.009	Khăn chân	481	3,189	1,533,909
6	HK.024	Áo gối nhỏ	347	1,447	502,109
7	HK.212	Ra giường siêu lớn 2m	135	7,170	967,950
8	HK.213	Ra giường trung 1m6	30	6,526	195,780
9	HK.214	Ra giường nhỏ T2 -1m4-1m2	151	6,522	984,822
10	HK.215	Ra giường nhỏ T1 - 1m	55	5,463	300,465
11	HK.216	Bọc chăn siêu lớn 2m	151	11,232	1,696,032
12	HK.217	Bọc chăn trung 1m6-1m4	60	9,136	548,160
13	HK.218	Bọc chăn nhỏ T2 - 1m2	141	9,131	1,287,471
14	HK.219	Bọc chăn nhỏ T1 - 1m	48	8,823	423,504
	HOUSE.03	DỊCH VỤ GIẶT ỦI ĐỒ VẢI BP GIẢI TRÍ & HỒ BƠI	76		443,762
1	HK.011	Khăn hồ bơi	67	5,736	384,312
2	HK.013	Bảo vệ nệm	5	5,694	28,470
3	HK.034	Ruột gối lớn	4	7,745	30,980
	SPA.01	DỊCH VỤ GIẶT ỦI ĐỒ VẢI SPA	607		1,468,266
1	SP.001	Ra giường kem Spa	1	5,463	5,463
2	SP.008	Khăn tắm trắng Spa	5	5,125	25,625
3	SP.009	Khăn tắm đà Spa	104	5,125	533,000
4	SP.011	Khăn tay trắng Spa	21	1,516	31,836
5	SP.013	Khăn tay đà Spa	391	1,516	592,756
6	SP.014	Khăn mặt trắng Spa	37	1,274	47,138
7	SP.017	Thảm chân Spa	7	3,189	22,323
8	SP.020	Áo choàng tắm Spa	41	5,125	210,125
		Tổng cộng		**5,112**	**18,238,481**
		VAT		**8%**	**1,459,078**
		Thành tiền			**19,697,559**

Bằng chữ: Mười chín triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng chẵn

Ngày 19 tháng 12 năm 25

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thảo

Kế toán tiến hành xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Hình ảnh 2.4 Giao diện phần mềm xuất hóa đơn ngày 19/12/2025

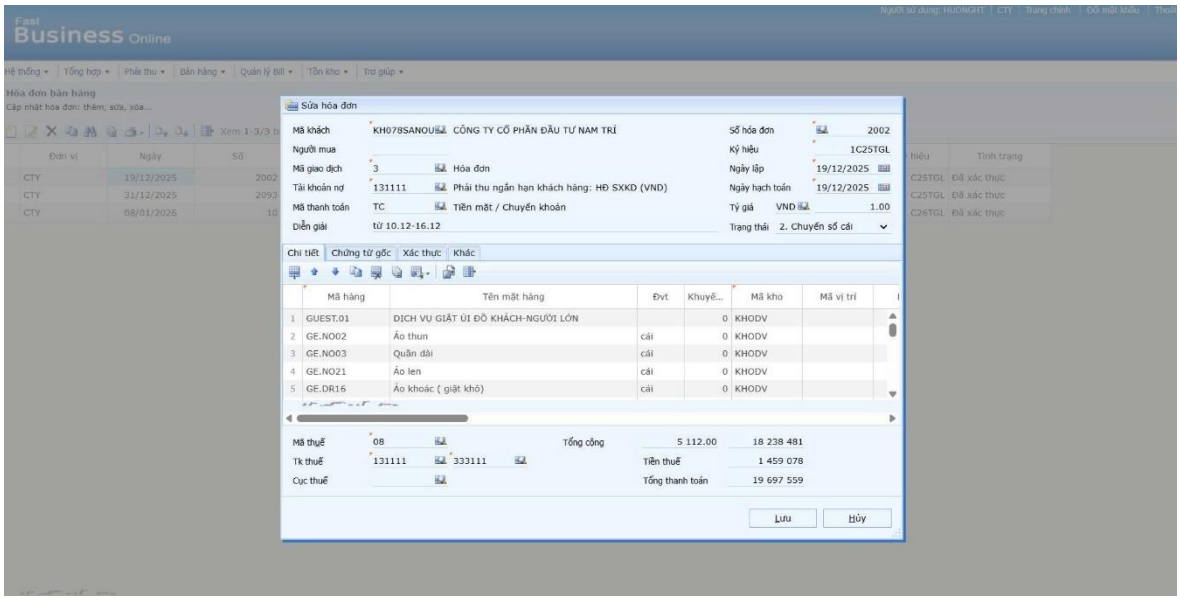

Hình ảnh 2.5 Hóa đơn GTGT 2002 ngày 19/12/2025

559 Investments Laundry

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VAT INVOICE

Ngày (Day) 19 tháng (month) 12 năm (year) 2025 Ký hiệu (Serial No.): 1C25TGL
MCQT cấp (Verification Code): 0055C113CB9DE84CD296C42570DBB16450 Số (Invoice No.): 2002

Đơn vị bán hàng (Seller): Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Đầu Tư 559 – Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Mã số thuế (Tax Code): 0400580789-003
Địa chỉ (Address): Lô số 7, Đường số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Số tài khoản (Account No.): 0651000761076, Ngân hàng Vietcombank - CN Quảng Nam
Điện thoại (Phone): 0235 3944 559

Họ tên người mua hàng (Buyer):
Tên đơn vị (Company): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM TRÍ
Mã số thuế (Tax Code): 0401309677 Đồng tiền thanh toán (Payment Currency): VNĐ
Địa chỉ (Address): 68 Phan Châu Trinh, Phường Hải Châu , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Số tài khoản (Account No.): Hình thức thanh toán (Method of Payment): CK/TM

Stt No.	Tên hàng hóa, dịch vụ Item	Đvt UOM	Số lượng Quantity	Đơn giá Price	Thành tiền Amount
1	2	3	4	5	6=4x5
1	DỊCH VỤ GIẶT ỦI ĐỒ KHÁCH-NGƯỜI LỚN				
2	Áo thun	cái	7	27.500	192.500
3	Quần dài	cái	6	27.500	165.000
4	Áo len	cái	1	27.500	27.500
5	Áo khoác (giặt khô)	cái	1	47.500	47.500
6	Đồ vest (bộ-giặt khô)	bộ	2	95.500	191.000
7	Áo ghi -lê (giặt khô)	cái	1	47.500	47.500
8	DỊCH VỤ GIẶT ỦI ĐỒ VẢI BUỒNG PHÒNG				
9	Ra giường siêu lớn 2m	cái	135	7.170	967.950
10	Ra giường trung 1m6	cái	30	6.526	195.780
11	Ra giường nhỏ T2 -1m4-1m2	cái	151	6.522	984.822
12	Ra giường nhỏ T1 - 1m	cái	55	5.463	300.465
13	Bọc chăn siêu lớn 2m	cái	151	11.232	1.696.032
14	Bọc chăn trung 1m6-1m4	cái	60	9.136	548.160
15	Bọc chăn nhỏ T2 - 1m2	cái	141	9.131	1.287.471
16	Bọc chăn nhỏ T1 - 1m	cái	48	8.823	423.504
17	Áo gối lớn	cái	368	1.634	601.312
18	Áo gối nhỏ	cái	347	1.447	502.109
19	Khăn tắm	cái	853	5.125	4.371.625
20	Khăn tay	cái	890	1.516	1.349.240
21	Khăn mặt	cái	701	1.274	893.074
22	Khăn chân	cái	481	3.189	1.533.909
23	DỊCH VỤ GIẶT ỦI ĐỒ VẢI BP GIẢI TRÍ & HỒ BƠI				
24	Ruột gối lớn	cái	4	7.745	30.980
25	Khăn hồ bơi	cái	67	5.736	384.312
26	Bảo vệ nệm	cái	5	5.694	28.470

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST (www.fast.com.vn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 1 48C 11E 2K6 71P 0DX
Tra cứu tại (Search on): https://einvoice.fast.com.vn

Trang (Page) 1/2

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VAT INVOICE

Ngày *(Day)* 19 tháng *(month)* 12 năm *(year)* 2025 Ký hiệu *(Serial No.)*: 1C25TGL

MCQT cấp *(Verification Code)*: 0055C113CB9DE84CD296C42570DBB16450 Số *(Invoice No.)*: **2002**

Đơn vị bán hàng *(Seller)*: Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Đầu Tư 559 – Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0400580789-003**

Địa chỉ *(Address)*: Lô số 7, Đường số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản *(Account No.)*: 0651000761076, Ngân hàng Vietcombank - CN Quảng Nam

Điện thoại *(Phone)*: 0235 3944 559

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM TRÍ

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0401309677** Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VNĐ

Địa chỉ *(Address)*: 68 Phan Châu Trinh, Phường Hải Châu , Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản *(Account No.)*: Hình thức thanh toán *(Method of Payment)*: CK/TM

Stt *No.*	Tên hàng hóa, dịch vụ *Item*	Đvt *UOM*	Số lượng *Quantity*	Đơn giá *Price*	Thành tiền *Amount*
1	2	3	4	5	6=4x5
27	DỊCH VỤ GIẶT ỦI ĐỒ VẢI SPA				
28	Ra giường kem Spa	cái	1	5.463	5.463
29	Khăn tắm đả Spa	cái	104	5.125	533.000
30	Khăn tay trắng Spa	cái	21	1.516	31.836
31	Khăn tay đả Spa	cái	391	1.516	592.756
32	Khăn mặt trắng Spa	cái	37	1.274	47.138
33	Áo choàng tắm Spa	cái	41	5.125	210.125
34	Thảm chân Spa	cái	7	3.189	22.323
35	Khăn tắm trắng Spa	cái	5	5.125	25.625
	Cộng tiền hàng *(Total Amount)*:				**18.238.481**
Thuế suất GTGT *(VAT Rate)*:	**8%**	**Tiền thuế GTGT** *(VAT)*:			**1.459.078**
	Tổng cộng tiền thanh toán *(Total)*:				**19.697.559**

Số tiền viết bằng chữ: *Mười chín triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng chẵn*
Amount (in words)

Người mua hàng
Buyer
(Chữ ký số (nếu có))
(Digital Certificate (If any))

Người bán hàng
Seller
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)
(Digital Certificate)

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559 - XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP
(Signed by)

Ký ngày: 19/12/2025
(Date)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
(Please do check, compare when issuing, delivering and receiving invoice)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): I 48C 11E 2K6 71P 0DX
Tra cứu tại (Search on): https://einvoice.fast.com.vn

tiếp theo trang trước *(Continued from previous page)* - Trang *(Page)* 2/2

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST. MST: 0100727053 (www.fast.com.vn)

Từ chứng từ gốc, kế toán nhập liệu vào phần mềm FAST ACCOUNTING

Bước 1: Vào phân hệ bán hàng chọn hóa đơn bán hàng => chọn hóa đơn dịch vụ.

Bước 2: Chọn ngày hạch toán, ngày chứng từ, rồi nhập các thông tin chi tiết trên tab, thực hiện định khoản, phải thêm cụ thể tên khách hàng và số hóa đơn vào phần mềm.

Bước 3: Sau đó nhấn nút "cất" thì phần mềm sẽ tự động cập nhật sô liệu vào Sổ chi tiết tài khoản 5113, Sổ Nhật Ký Chung, Sổ Cái TK 511.

Hình ảnh 2.6 Giao diện phần mềm hạch toán doanh thu ngày 19/12/2025

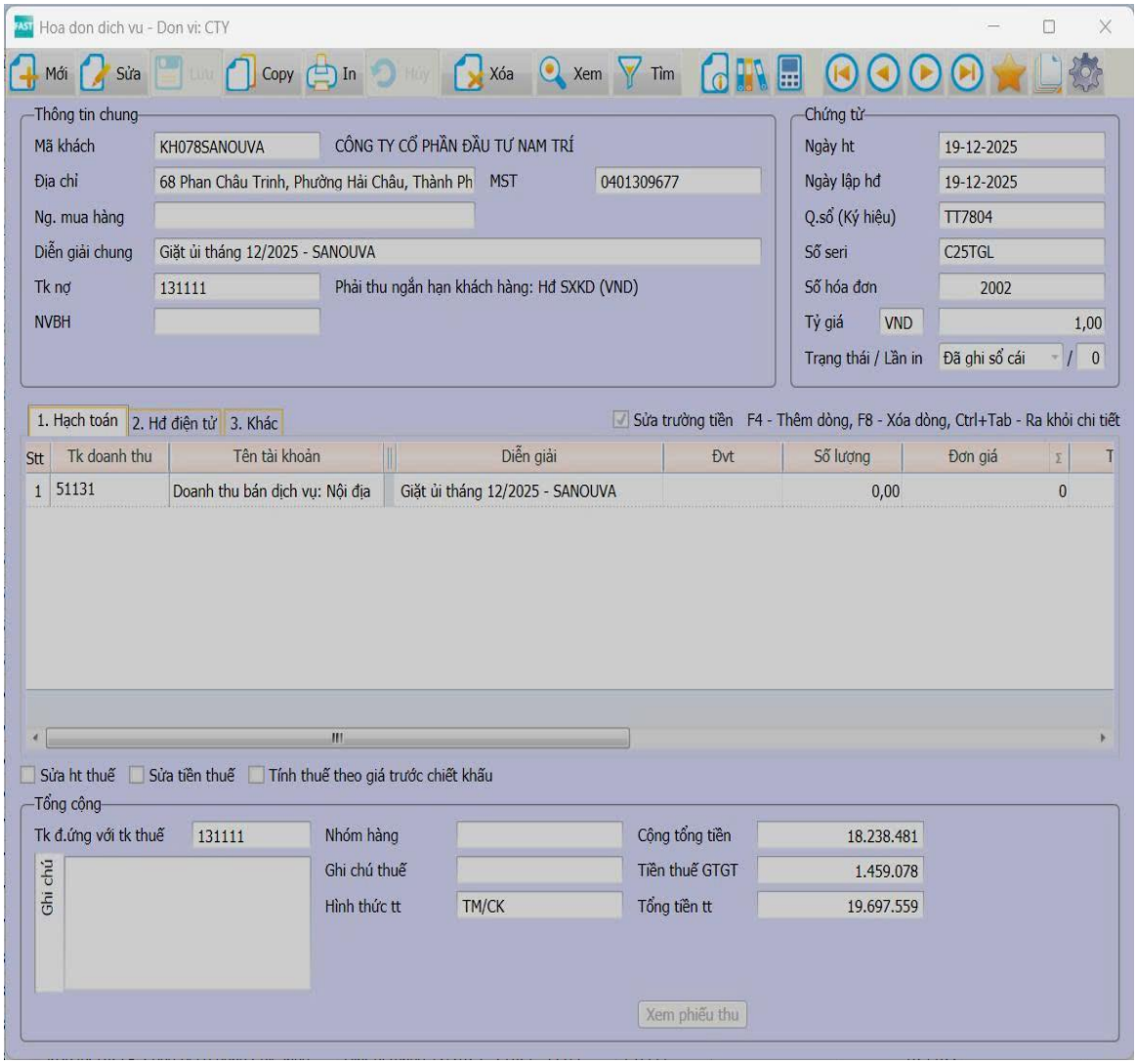

Đến ngày 26/01/2026 công ty Cổ phần Đầu tư Nam Trí thanh toán tiền cho Chi nhánh qua tài khoản ngân hàng, nhận được giấy báo Có của ngân hàng nhưng do hầu hết các khách hàng là doanh nghiệp của chi nhánh đều gộp nhiều công nợ thanh toán một lần nên tổng tiền ở giấy báo Có sẽ không khớp với hóa đơn riêng lẻ trên.

Xem Giấy báo Có và màn hình nhập liệu chứng từ ngân hàng tại phụ lục số 02 và 03.

Trường hợp 2: Cung cấp dịch vụ giặt là cho khách lẻ, khách hàng thanh toán bằng TGNH.

Ngày 24/12/2025 sau khi tiếp nhận hàng giặt, bộ phận giao nhận sẽ lập phiếu giao nhận ghi rõ số lượng, phân loại,… có chữ kí xác nhận của hai bên bộ phận giao nhận – khách hàng. Xưởng tiến hành giặt – sấy – ủi – đóng gói theo quy trình kỹ thuật.

Hình ảnh 2.7 Phiếu giao nhận TH2

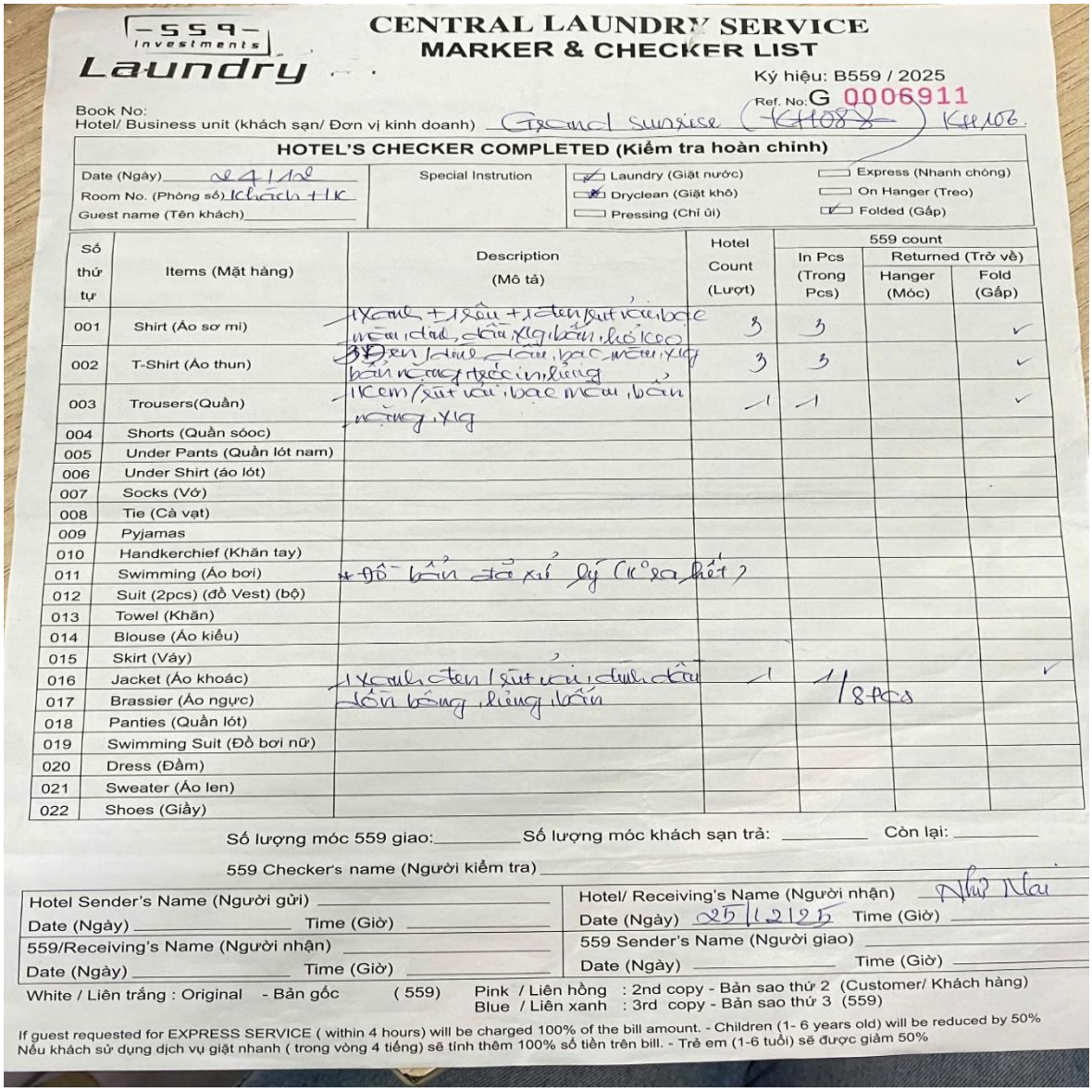

559 Investments Laundry

CENTRAL LAUNDRY SERVICE
MARKER & CHECKER LIST

Ký hiệu: B559 / 2025
Ref. No: G 0006911

Book No:
Hotel/ Business unit (khách sạn/ Đơn vị kinh doanh) Grand sunrise (KH088) KH106.

HOTEL'S CHECKER COMPLETED (Kiểm tra hoàn chỉnh)

Date (Ngày) 24/12
Room No. (Phòng số) 1 khách + 1K
Guest name (Tên khách)

Special Instrution

☑ Laundry (Giặt nước) ☑ Dryclean (Giặt khô) ☐ Pressing (Chỉ ủi)
☐ Express (Nhanh chóng) ☐ On Hanger (Treo) ☑ Folded (Gấp)

Số thứ tự	Items (Mặt hàng)	Description (Mô tả)	Hotel Count (Lượt)	559 count: In Pcs (Trong Pcs)	Returned (Trở về): Hanger (Móc)	Returned (Trở về): Fold (Gấp)
001	Shirt (Áo sơ mi)	1 áo nữ + 1 sơ mi + 1 áo sút nữ, bạc màu, đen, dài, dài xg, bẩn, hỏng	3	3		✓
002	T-Shirt (Áo thun)	3 áo nam, dài, dài, bạc màu, xg bẩn nặng, rách, hỏng	3	3		✓
003	Trousers(Quần)	1 kem / sút nữ, bạc màu, bẩn nặng, xg	1	1		✓
004	Shorts (Quần sóoc)					
005	Under Pants (Quần lót nam)					
006	Under Shirt (áo lót)					
007	Socks (Vớ)					
008	Tie (Cà vạt)					
009	Pyjamas					
010	Handkerchief (Khăn tay)					
011	Swimming (Áo bơi)	+ đồ bẩn đã xử lý (cũ sa hết?)				
012	Suit (2pcs) (đồ Vest) (bộ)					
013	Towel (Khăn)					
014	Blouse (Áo kiểu)					
015	Skirt (Váy)					
016	Jacket (Áo khoác)	1 áo nữ + 1 áo sút nữ, dính dầu	1	1/8 pcs		✓
017	Brassier (Áo ngực)	bẩn bông, hỏng, bẩn				
018	Panties (Quần lót)					
019	Swimming Suit (Đồ bơi nữ)					
020	Dress (Đầm)					
021	Sweater (Áo len)					
022	Shoes (Giầy)					

Số lượng móc 559 giao: _____ Số lượng móc khách sạn trả: _____ Còn lại: _____

559 Checker's name (Người kiểm tra)

Hotel Sender's Name (Người gửi)
Date (Ngày) Time (Giờ)
559/Receiving's Name (Người nhận)
Date (Ngày) Time (Giờ)

Hotel/ Receiving's Name (Người nhận) Như Nai
Date (Ngày) 25/12/25 Time (Giờ)
559 Sender's Name (Người giao)
Date (Ngày) Time (Giờ)

White / Liên trắng : Original - Bản gốc (559)
Pink / Liên hồng : 2nd copy - Bản sao thứ 2 (Customer/ Khách hàng)
Blue / Liên xanh : 3rd copy - Bản sao thứ 3 (559)

If guest requested for EXPRESS SERVICE (within 4 hours) will be charged 100% of the bill amount. - Children (1- 6 years old) will be reduced by 50%
Nếu khách sử dụng dịch vụ giặt nhanh (trong vòng 4 tiếng) sẽ tính thêm 100% số tiền trên bill. - Trẻ em (1-6 tuổi) sẽ được giảm 50%

Ngày 27/12/2025 Khách lẻ thanh toán trước bằng tài khoản ngân hàng, Chi nhánh nhận được giấy báo Có từ ngân hàng và Kế toán hạch toán vào phân hệ tiền gửi như trường hợp trên.

Xem Giấy báo Có và màn hành hạch toán chứng từ ngân hàng tại phụ lục số 04 và 05.

Ngày 29/12/2025 sau khi hoàn tất, bộ phận giao nhận bàn giao lại cho khách hàng. Số lượng thực tế hoàn thành được tổng hợp và đối chiếu với phiếu giao nhận ban đầu. Kế toán tiến hành xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Hình ảnh 2.8 Giao diện phần mềm xuất hóa đơn TH2

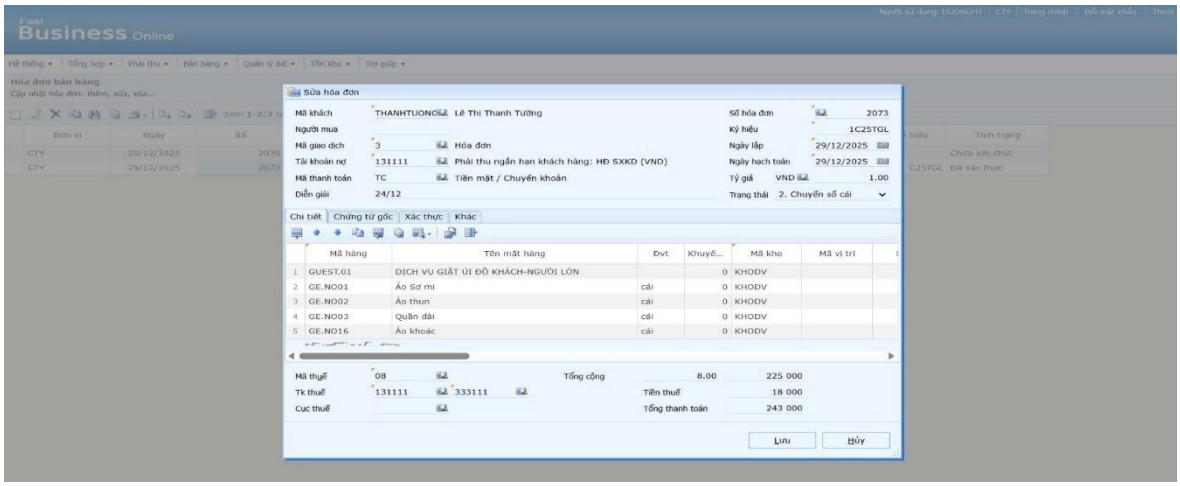

Hình ảnh 2.9 Hóa đơn GTGT 2073

559 Investments Laundry

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VAT INVOICE

Ngày *(Day)* 29 tháng *(month)* 12 năm *(year)* 2025 Ký hiệu *(Serial No.)*: 1C25TGL
MCQT cấp *(Verification Code)*: 00822FD984C6344623873694851F992C48 Số *(Invoice No.)*: **2073**

Đơn vị bán hàng *(Seller)*: Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Đầu Tư 559 – Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Mã số thuế *(Tax Code)*: **0 4 0 0 5 8 0 7 8 9 - 0 0 3**
Địa chỉ *(Address)*: Lô số 7, Đường số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Số tài khoản *(Account No.)*: 0651000761076, Ngân hàng Vietcombank - CN Quảng Nam
Điện thoại *(Phone)*: 0235 3944 559

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:
Tên đơn vị *(Company)*: Lê Thị Thanh Tường
Mã số thuế *(Tax Code)*: **0 4 9 1 9 4 0 1 0 8 8 9** Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VNĐ
Địa chỉ *(Address)*: Thôn An Cường, Quế Thọ, Hiệp Đức, Quảng Nam
Số tài khoản *(Account No.)*: Hình thức thanh toán *(Method of Payment)*: CK/TM

Stt *No.*	Tên hàng hóa, dịch vụ *Item*	Đvt *UOM*	Số lượng *Quantity*	Đơn giá *Price*	Thành tiền *Amount*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	DỊCH VỤ GIẶT ỦI ĐỒ KHÁCH-NGƯỜI LỚN				
2	Áo Sơ mi	cái	3	27.500	82.500
3	Áo thun	cái	3	27.500	82.500
4	Quần dài	cái	1	27.500	27.500
5	Áo khoác	cái	1	32.500	32.500
				Cộng tiền hàng *(Total Amount)*:	**225.000**
Thuế suất GTGT *(VAT Rate)*:	**8%**			**Tiền thuế GTGT** *(VAT)*:	**18.000**
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total)*:	**243.000**

Số tiền viết bằng chữ: *Hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng chẵn*
Amount (in words)

Người mua hàng
Buyer
(Chữ ký số (nếu có))
(Digital Certificate (If any))

Người bán hàng
Seller
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)
(Digital Certificate)

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559 - XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP
(Signed by)
Ký ngày: 29/12/2025
(Date)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
(Please do check, compare when issuing, delivering and receiving invoice)

Hóa đơn này thay thế cho hóa đơn số: 2070, ký hiệu: 1C25TGL, ngày 29/12/2025
Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 1 418 317 29C EIR 39M
Tra cứu tại (Search on): https://einvoice.fast.com.vn

Từ chứng từ gốc, kế toán hạch toán tương tự như TH1.

Hình ảnh 2.10 Giao diện phần mềm hạch toán doanh thu ngày 29/12/2025

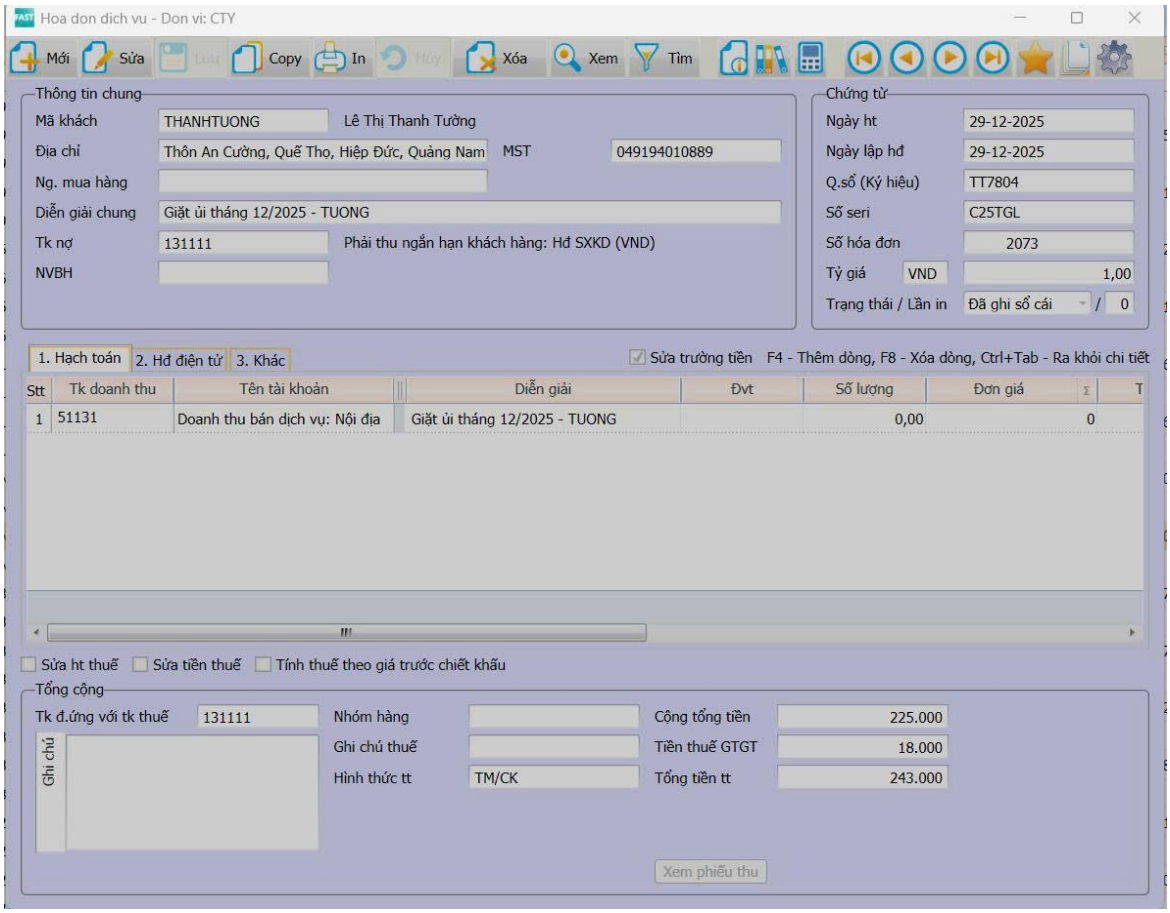

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết, để mở sổ chi tiết TK 51131 " Doanh thu bán dịch vụ nội địa" kế toán thực hiện thao tác: Vào Tổng hợp => Sổ sách kế toán Sổ chi tiết một tài khoản => Gõ chọn TK chi tiết 51131 => Đồng ý

Bảng biểu 2.1 Sổ chi tiết TK 51131

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Dùng cho TK 511
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 51131
Đối tượng: Doanh thu bán dịch vụ nội địa
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
03/10/2025	1621	03/10/2025	Giặt ủi tháng 10/2025 - NESTAHA	131111		7.791.707
07/10/2025	1622	07/10/2025	Giặt ủi tháng 10/2025 - KLSALT	131111		6.743..619
07/10/2025	1623	07/10/2025	Giặt ủi tháng 10/2025 - CICILIA	131111		42.044.371
07/10/2025	1624	07/10/2025	Giặt ủi tháng 10/2025 - KLACUONG	131111		2.380.301
			…			
16/12/2025	1995	16/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA	131111		5.863.669
16/12/2025	1996	16/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA	131111		4.350.870
16/12/2025	1997	16/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA	131111		1.534.542
17/12/2025	1998	17/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - MTOAN	131111		22.579.654
			…			
19/12/2025	1999	19/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - MTOAN	131111		21.042.197
19/12/2025	2000	19/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - LUNAR	131111		17.572.029
19/12/2025	2001	19/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - GRANDVRIO	131111		15.009.137
19/12/2025	**2002**	**19/12/2025**	**Giặt ủi tháng 12/2025 - SANOUVA**	**131111**		**18.238.481**
19/12/2025	2003	19/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - SEA FRONT	131111		12.663.285
			…….....			…….....
29/12/2025	2064	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - EVERLAND	131111		8.894.381
29/12/2025	2065	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - ENSORETREAT	131111		2.208.090
29/12/2025	2066	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA	131111		5.431.750
29/12/2025	2067	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA	131111		2.372.353
29/12/2025	2068	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA	131111		8.373.902
29/12/2025	2069	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA	131111		6.563.385
29/12/2025	2071	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - HAIANPHO	131111		15.842.012
29/12/2025	2072	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - CICILIA	131111		48.169.696
29/12/2025	**2073**	**29/12/2025**	**Giặt ủi tháng 12/2025 - THANHTUONG**	**131111**		**225.000**
			…….....			…….....
31/12/2025	2111	31/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - FURAMA	131111		9.820.202
31/12/2025	2112	31/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025- LANGCHAI	131111		34.135.615
31/12/2025	KT284	31/12/2025	Kết chuyển 51131->911 tháng 12/2025	911	3.231.032.488	
			- Cộng số phát sinh	x	**8.658.495.579**	**8.658.495.579**
			Tổng cộng		**8.658.495.579**	**8.658.495.579**

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu vào phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày ở trang 78.

Sau khi lên Sổ Nhật Ký Chung số liệu sẽ được trích theo tài khoản Sổ Cái. Để mở Sổ Cái TK 511 " Doanh thu bán dịch vụ " kế toán thực hiện thao tác: Vào Tổng hợp Sổ sách kế toán => Sổ cái một tài khoản => Gõ chọn TK 511=> Đồng ý.

Bảng biểu 2.2 Sổ Cái TK 511

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 4 Năm 2025
Tên tài khoản: Doanh thu bán dịch vụ
Số hiệu : 511

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				**0**	**0**
			Số phát sinh trong kỳ					
03/10/2025	1621	03/10/2025	Giặt ủi tháng 10/2025 - NESTAHA			131111		7.791.707
07/10/2025	1622	07/10/2025	Giặt ủi tháng 10/2025 - KLSALT			131111		6.743..619
07/10/2025	1623	07/10/2025	Giặt ủi tháng 10/2025 - CICILIA			131111		42.044.371
07/10/2025	1624	07/10/2025	Giặt ủi tháng 10/2025 - KLACUONG			131111		2.380.301
			…					
16/12/2025	1995	16/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA			131111		5.863.669
16/12/2025	1996	16/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA			131111		4.350.870
16/12/2025	1997	16/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA			131111		1.534.542
17/12/2025	1998	17/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - MTOAN			131111		22.579.654
			…					
19/12/2025	1999	19/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - MTOAN			131111		21.042.197
19/12/2025	2000	19/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - LUNAR			131111		17.572.029
19/12/2025	2001	19/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - GRANDVRIO			131111		15.009.137
19/12/2025	**2002**	**19/12/2025**	**Giặt ủi tháng 12/2025 - SANOUVA**			131111		**18.238.481**
19/12/2025	2003	19/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - SEA FRONT			131111		12.663.285
			…….....					…….....
29/12/2025	2064	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - EVERLAND			131111		8.894.381
29/12/2025	2065	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - ENSORETREAT			131111		2.208.090
29/12/2025	2066	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA			131111		5.431.750
29/12/2025	2067	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA			131111		2.372.353
29/12/2025	2068	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA			131111		8.373.902
29/12/2025	2069	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - NAMIA			131111		6.563.385
29/12/2025	2071	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - HAIANPHO			131111		15.842.012
29/12/2025	2072	29/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - CICILIA			131111		48.169.696
29/12/2025	**2073**	**29/12/2025**	**Giặt ủi tháng 12/2025 - THANHTUONG**			131111		**225.000**
			…..					
31/12/2025	2111	31/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025 - FURAMA			131111		9.820.202
31/12/2025	2112	31/12/2025	Giặt ủi tháng 12/2025- LANGCHAI			131111		34.135.615
31/12/2025	KT284	31/12/2025	Kết chuyển 51131->911 tháng 12/2025			911	3.231.032.488	
			Cộng số phát sinh				**8.658.495.579**	**8.658.495.579**
			Số dư cuối kỳ				**0**	**0**

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Người đại diện theo pháp luật**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Chi nhánh

Trong năm 2025 Chi nhánh không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Chi nhánh

Đặc điểm Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại chi nhánh

Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559 – Xưởng Giặt Là Công Nghiệp chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ nên doanh thu tài chính chủ yếu từ lãi thu được tư các khoản tiền gửi ngân hàng.

a. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có.
- Phiếu thu.
- Sao kê ngân hàng.

b. Tài khoản sử dụng

TK 515 " Doanh thu hoạt động tài chính".

TK 5151 – Lãi tiền cho vay, tiền gởi.

TK 5152 – Chênh lệch lãi tỷ giá phát sinh trong kỳ.

TK 5153 – Cổ tức và lợi nhuận được chia.

TK 5154 – Lãi do bán các loại chứng khoán.

TK 5155 – Lãi bán ngoại tệ.

TK 5156 – Lãi bán hàng trả chậm.

TK 5157 – Chiết khấu thanh toán được hưởng.

TK 5158 – Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại.

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515 và các tài khoản liên quan khác.

d. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Chi nhánh

Cuối mỗi tháng, chi nhánh nhận được Giấy báo Nợ/ Có của ngân hàng về khoản tiền lãi gửi của ngân hàng. Kế toán căn cứ vào đó để tổng hợp, kiểm tra rồi từ Giấy báo Nợ/Có, Kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, sau đó phần mềm tự động lên Sổ cái TK 515. Do chi nhánh có 2 STK nên sẽ nhận 2 Giấy báo Nợ/Có.

Hình ảnh 2.11 Giấy báo Nợ/Có ngày 31/12/2025 TK 00651000761078

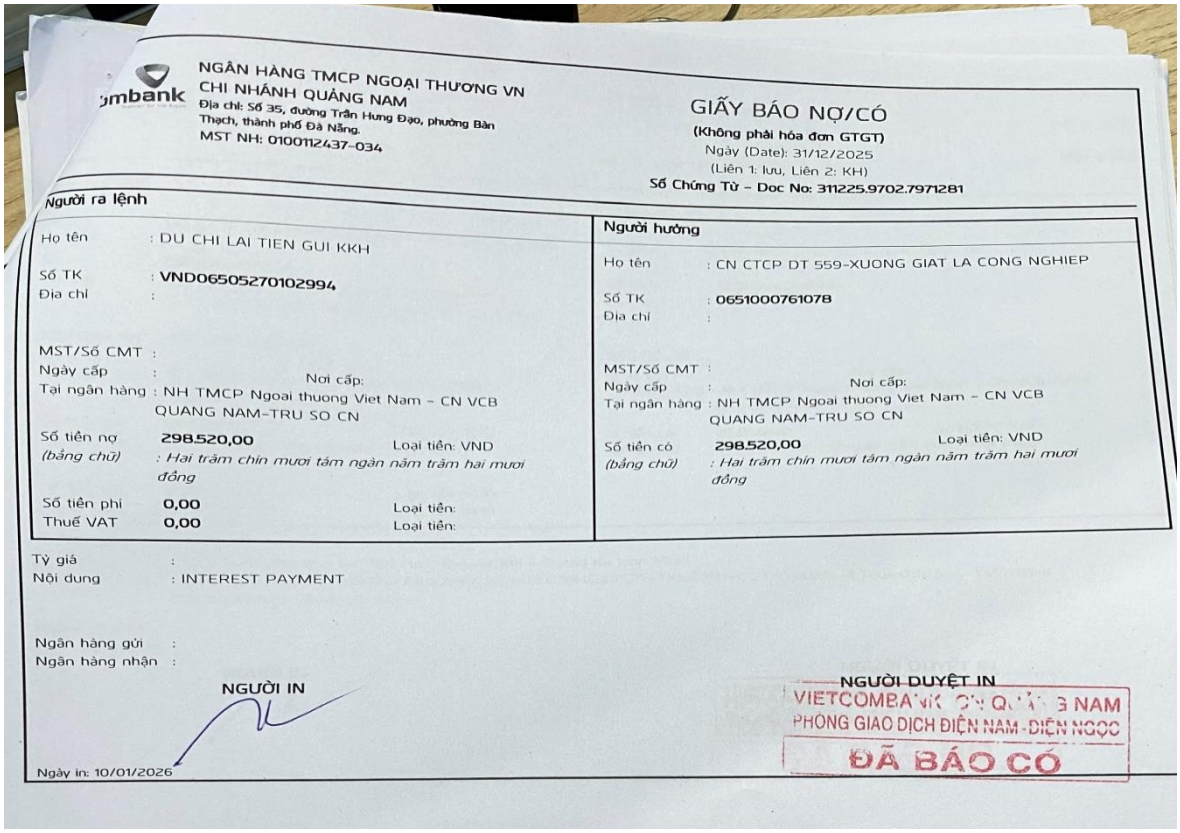

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN
CHI NHÁNH QUẢNG NAM
Địa chỉ: Số 35, đường Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng.
MST NH: 0100112437-034

GIẤY BÁO NỢ/CÓ
(Không phải hóa đơn GTGT)
Ngày (Date): 31/12/2025
(Liên 1: lưu, Liên 2: KH)
Số Chứng Từ – Doc No: 311225.9702.7971281

Người ra lệnh
Họ tên : DU CHI LAI TIEN GUI KKH
Số TK : VND06505270102994
Địa chỉ :
MST/Số CMT :
Ngày cấp : Nơi cấp:
Tại ngân hàng : NH TMCP Ngoai thuong Viet Nam – CN VCB QUANG NAM-TRU SO CN
Số tiền nợ (bằng chữ) 298.520,00 Loại tiền: VND
: Hai trăm chín mươi tám ngàn năm trăm hai mươi đồng
Số tiền phí 0,00 Loại tiền:
Thuế VAT 0,00 Loại tiền:

Người hưởng
Họ tên : CN CTCP DT 559-XUONG GIAT LA CONG NGHIEP
Số TK : 0651000761078
Địa chỉ :
MST/Số CMT :
Ngày cấp : Nơi cấp:
Tại ngân hàng : NH TMCP Ngoai thuong Viet Nam – CN VCB QUANG NAM-TRU SO CN
Số tiền có (bằng chữ) 298.520,00 Loại tiền: VND
: Hai trăm chín mươi tám ngàn năm trăm hai mươi đồng

Tỷ giá :
Nội dung : INTEREST PAYMENT
Ngân hàng gửi :
Ngân hàng nhận :

NGƯỜI IN
NGƯỜI DUYỆT IN
VIETCOMBANK CN QUẢNG NAM
PHÒNG GIAO DỊCH ĐIỆN NAM-ĐIỆN NGỌC
ĐÃ BÁO CÓ
Ngày in: 10/01/2026

Hình ảnh 2.12 Giấy báo Nợ/Có ngày 31/12/2025 TK 0651000761076

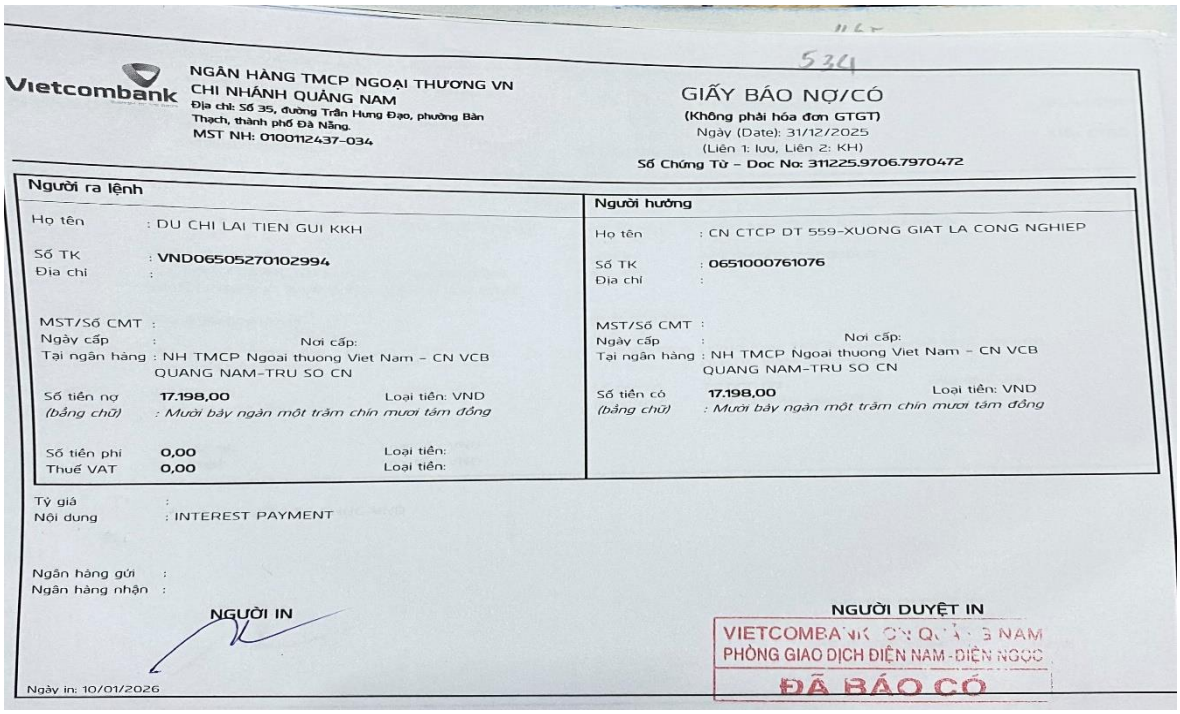

Vietcombank

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN
CHI NHÁNH QUẢNG NAM
Địa chỉ: Số 35, đường Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng.
MST NH: 0100112437-034

534

GIẤY BÁO NỢ/CÓ
(Không phải hóa đơn GTGT)
Ngày (Date): 31/12/2025
(Liên 1: lưu, Liên 2: KH)
Số Chứng Từ – Doc No: 311225.9706.7970472

Người ra lệnh	Người hưởng
Họ tên : DU CHI LAI TIEN GUI KKH	Họ tên : CN CTCP DT 559-XUONG GIAT LA CONG NGHIEP
Số TK : VND0650527010299 4	Số TK : 0651000761076
Địa chỉ :	Địa chỉ :
MST/Số CMT :	MST/Số CMT :
Ngày cấp : Nơi cấp:	Ngày cấp : Nơi cấp:
Tại ngân hàng : NH TMCP Ngoai thuong Viet Nam – CN VCB QUANG NAM-TRU SO CN	Tại ngân hàng : NH TMCP Ngoai thuong Viet Nam – CN VCB QUANG NAM-TRU SO CN
Số tiền nợ 17.198,00 Loại tiền: VND	Số tiền có 17.198,00 Loại tiền: VND
(bằng chữ) : Mười bảy ngàn một trăm chín mươi tám đồng	(bằng chữ) : Mười bảy ngàn một trăm chín mươi tám đồng
Số tiền phí 0,00 Loại tiền:	
Thuế VAT 0,00 Loại tiền:	

Tỷ giá :
Nội dung : INTEREST PAYMENT

Ngân hàng gửi :
Ngân hàng nhận :

NGƯỜI IN

NGƯỜI DUYỆT IN

VIETCOMBANK CN QUẢNG NAM
PHÒNG GIAO DỊCH ĐIỆN NAM-ĐIỆN NGỌC
ĐÃ BÁO CÓ

Ngày in: 10/01/2026

Ngày 31/12/2025, căn cứ vào số liệu trên Giấy báo Nợ/Có của Ngân hàng kế toán ghi nhận khoản lãi tiền gửi ngân hàng 298.520 VNĐ và 17.198 VNĐ từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN (Vietcombank).

Kế toán tiến hành hạch toán vào phần mềm FAST ACCOUNTING.

Bước 1: Vào phân hệ tiền măt, tiền gửi, tiền vay -> Giấy báo Có (thu) của ngân hàng.

Bước 2: Chọn biểu tượng MỚI (hoặc F2) để thêm chứng từ.

Bước 3: Nhập thông tin: loại phiếu thu, tài khoản Nợ/Có, mã khách hàng, số tiền,…

Bước 4: Nhấn cất "Lưu" để ghi sổ.

Hình ảnh 2.13 Giao diện phần mềm hạch toán lãi tiền gửi TK 078

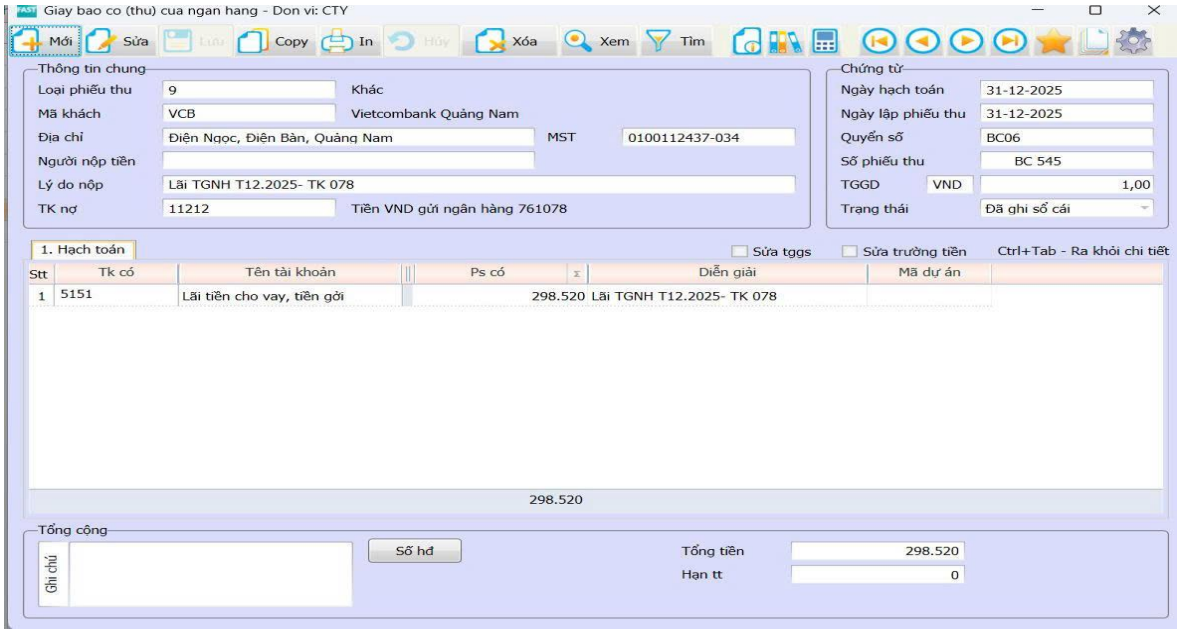

Hình ảnh 2.14 Giao diện phần mềm hạch toán lãi tiền gửi TK 076

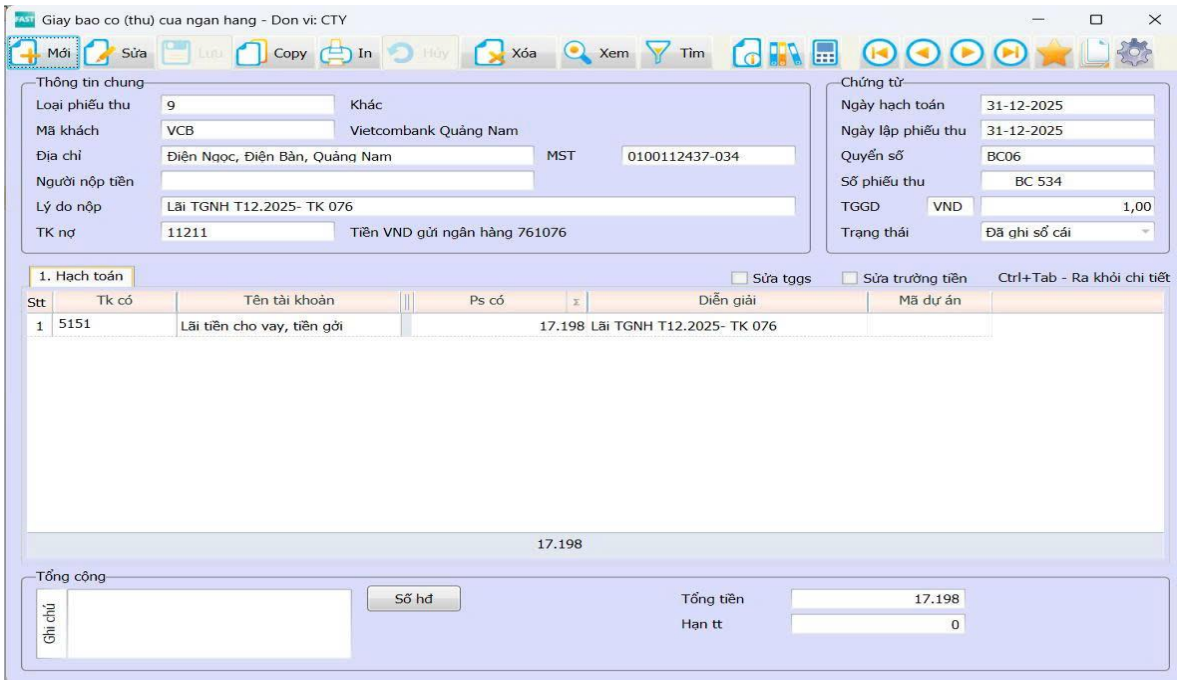

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết, để mở sổ chi tiết TK 515 " Doanh thu hoạt động tài chính" kế toán thực hiện thao tác: Vào Tổng hợp => Sổ sách kế toán Sổ chi tiết một tài khoản => Gõ chọn TK chi tiết 5151 => Đồng ý

Bảng biểu 2.3 Sổ chi tiết TK 5151

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Dùng cho TK 515
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 5151
Đối tượng: Doanh thu hoạt động tài chính
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
25/10/2025	BC440	25/10/2025	Lãi TGNH T10.2025 - TK 076	11211		17.664
25/10/2025	BC441	25/10/2025	Lãi TGNH T10.2025 - TK 078	11212		432.424
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 511-911	911	450.088	
25/11/2025	BC483	25/11/2025	Lãi TGNH T11.2025 - TK 076	11211		17.510
25/11/2025	BC484	25/11/2025	Lãi TGNH T11.2025 - TK 078	11212		224.123
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 511-911	911	241.633	
31/12/2025	BC534	31/12/2025	Lãi TGNH T12.2025 - TK 076	11211		17.198
31/12/2025	BC545	31/12/2025	Lãi TGNH T12.2025 - TK 078	11212		298.520
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 511-911	911	315.718	
			- Cộng số phát sinh	x	**1.007.439**	**1.007.439**
			Tổng cộng		**1.007.439**	**1.007.439**

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ *(Ký, họ tên)* | **Kế toán trưởng** *(Ký, họ tên)* | **Giám đốc** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu vào phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày ở trang 78.

Sau khi lên Sổ Nhật Ký Chung số liệu sẽ được trích theo tài khoản Sổ Cái. Để mở Sổ Cái TK 515 " Doanh thu hoạt động tài chính " kế toán thực hiện thao tác: Vào Tổng hợp => Sổ sách kế toán => Sổ cái một tài khoản => Gõ chọn TK 511 => Đồng ý.

Bảng biểu 2.4 Sổ Cái TK 515

Đơn vị: Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu Tư 559 - Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, TP. Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 4 Năm 2025
Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính
Số hiệu : 515

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm				**0**	**0**
			Số phát sinh trong tháng					
25/10/2025	BC440	25/10/2025	Lãi TGNH T10.2025 - TK 076			11211		17.664
25/10/2025	BC441	25/10/2025	Lãi TGNH T10.2025 - TK 078			11212		432.424
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 511-911			911	450.088	
25/11/2025	BC483	25/11/2025	Lãi TGNH T11.2025 - TK 076			11211		17.510
25/11/2025	BC484	25/11/2025	Lãi TGNH T11.2025 - TK 078			11212		224.123
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 511-911			911	241.633	
31/12/2025	BC534	31/12/2025	Lãi TGNH T12.2025 - TK 076			11211		17.198
31/12/2025	BC545	31/12/2025	Lãi TGNH T12.2025 - TK 078			11212		298.520
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 511-911			911	315.718	
			Cộng số phát sinh				**1.007.439**	**1.007.439**
			Số dư cuối kỳ				**0**	**0**
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) | **Người đại diện theo pháp luật** (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.4 Kế toán thu nhập khác tại Chi nhánh

Trong năm 2025 chi nhánh không phát sinh khoản thu nhập khác.

2.2.2 Kế toán các khoản chi phí tại Chi nhánh

2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán tại Chi nhánh

Đặc điểm Kế toán giá vốn hàng bán tại chi nhánh:

Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp toàn bộ doanh thu là từ cung cấp dịch vụ nên giá vốn của chi nhánh sẽ bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc cung cấp dịch vụ đó. Các chi phí được hạch toán vào giá vốn hàng bán của Chi nhánh bao gồm:

- Chi phí hàng hóa thành phẩm, hóa chất ECOLAB, hóa chất phụ: hóa chất giặt khô, hóa chất tẩy điểm.
- Chi phí xà phòng.
- Chi phí bao ni lông.
- Chi phí hóa chất CLEANCHEM.

=> Những chi phí có thể xác định trực tiếp cho hoạt động cung cấp dịch vụ trên sẽ được hạch toán trực tiếp vào TK 632.

- Chi phí nhân viên phân xưởng.
- Chi phí vật liệu: củi đốt, dầu nhen lò hơi, muối súc bồn.
- Chi phí dụng cụ sản xuất: phân bổ CCDC, sửa chữa thay thế vật tư, sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí dụng cụ sản xuất khác.
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: điện, nước, xử lý nước thải.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: xăng dầu, in biểu mẫu, thuê đất, bảo hiểm, rác thải, chi phí dịch vụ mua ngoài khác: diệt côn trùng, bảo trì máy móc, thuê máy phát điện.

=> Những chi phí phục vụ chung cho hoạt động của xưởng sẽ được hạch toán vào TK 627 sau đó sẽ kết chuyển vào TK 63214.

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi.
- Phiếu xuất kho,…

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632.
- Sổ chi tiết TK 632 và các tài khoản liên quan.

c. Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán.
  - TK 6321: Giá vốn hàng bán: hàng hóa, thành phẩm.
    + TK 63211: Giá vốn hàng bán: hóa chất ECOLAB.
    + TK 63212:Giá vốn hàng bán: hóa chất phụ.
      + TK 632121: Giá vốn hàng bán: hóa chất giặt khô.
      + TK 632122: Giá vốn hàng bán: hóa chất tẩy điểm.
      + TK 632123: Giá vốn hàng bán: xà phòng.
    + TK 63213: Giá vốn hàng bán: bao ni lông.
    + TK 63214:Giá vốn hàng bán: kết chuyển CP sản xuất.
    + TK 63215:Giá vốn hàng bán: hóa chất CLEANCHEM.
  - TK 6322: Giá vốn liên quan đến bất động sản đầu tư.
  - TK 6324: Giá trị hàng tồn kho mất mát trong kỳ.
  - TK 6325: Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác.
  - TK 6326: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- TK 627: Chi phí sản xuất chung.
  - TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng.
  - TK 6272: Chi phí vật liệu.
    + TK 62721: Chi phí vật liệu: củi đốt.
    + TK 62722: Chi phí vật liệu: dầu nhen lò hơi.
    + TK 62723: Chi phí vật liệu: muối xúc bồn.
  - TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất.
    + TK 62731: Chi phí dụng cụ sản xuất: phân bổ CCDC..
    + TK 62732: Chi phí dụng cụ sản xuất: sửa chữa, thay thế vật tư.

+ TK 62733: Chi phí dụng cụ sản xuất: sửa chữa lớn TSCĐ.

+ TK 62734: Chi phí dụng cụ sản xuất: khác.

- TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ TK 62771: Chi phí dịch vụ mua ngoài: điện.

+ TK 62772: Chi phí dịch vụ mua ngoài: nước.

+ TK 627721: Chi phí dịch vụ mua ngoài: nước sạch.

+ TK 627722: Chi phí dịch vụ mua ngoài: xử lý nước thải.

+ TK 62773: Chi phí dịch vụ mua ngoài xăng dầu, chi phí cho xe tải.

+ TK 62774: Chi phí dịch vụ mua ngoài: in biểu mẫu.

+ TK 62775: Chi phí dịch vụ mua ngoài: thuê đất.

+ TK 62776: Chi phí dịch vụ mua ngoài: bảo hiểm.

+ TK 62777: Chi phí dịch vụ mua ngoài: rác thải.

+ TK 62778: Chi phí dịch vụ mua ngoài: khác.

+ TK 627781: Chi phí dịch vụ mua ngoài: diệt côn trùng.

+ TK 627782: Chi phí dịch vụ mua ngoài: bảo trì máy móc.

+ TK 627783: Chi phí dịch vụ mua ngoài: thuê máy phát điện.

d. Kế toán giá vốn hàng bán tại Chi nhánh

Trường hợp 1: Ngày 30/12/2025 Chi nhánh phát sinh chi phí vật tư hóa chất được hạch toán vào TK 63211

Bộ phận lập phiếu yêu cầu xuất vật tư: hóa chất, Kế toán tiếp nhận và lập phiếu xuất kho.

Hình ảnh 2.15 Phiếu yêu cầu xuất vật tư: hóa chất

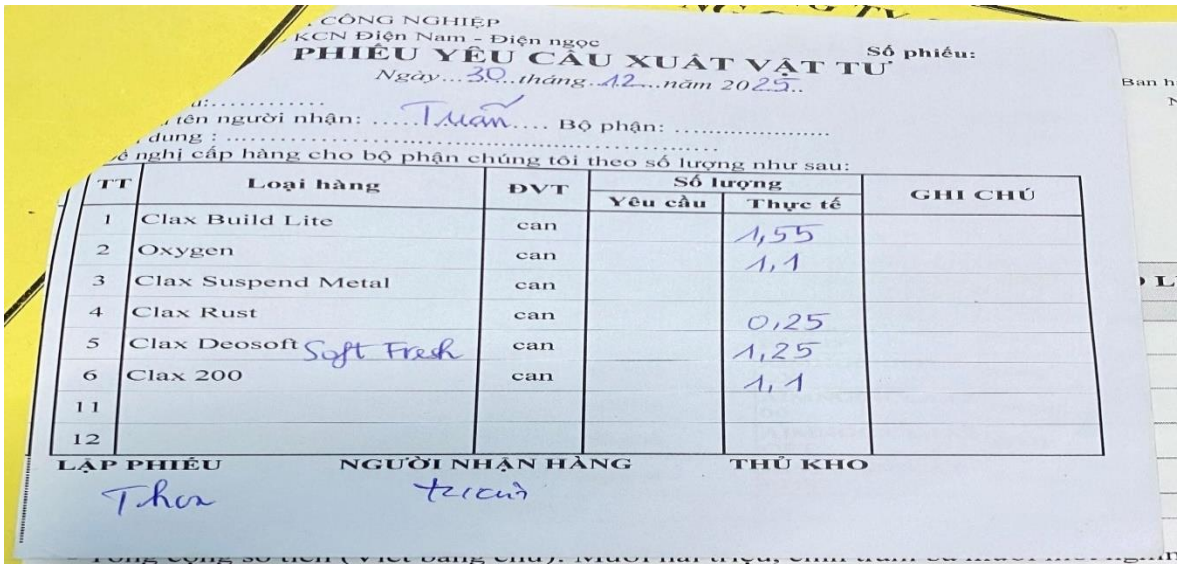

CÔNG NGHIỆP
KCN Điện Nam - Điện ngọc

PHIẾU YÊU CẦU XUẤT VẬT TƯ

Số phiếu:

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

tên người nhận: Tuấn Bộ phận:

dung :

đề nghị cấp hàng cho bộ phận chúng tôi theo số lượng như sau:

TT	Loại hàng	ĐVT	Số lượng		GHI CHÚ
			Yêu cầu	Thực tế	
1	Clax Build Lite	can		1,55	
2	Oxygen	can		1,1	
3	Clax Suspend Metal	can			
4	Clax Rust	can		0,25	
5	Clax Deosoft Soft Fresh	can		1,25	
6	Clax 200	can		1,1	
11					
12					

LẬP PHIẾU — NGƯỜI NHẬN HÀNG — THỦ KHO

Thơ — Tuấn

Vào phân hệ "Kho" -> Tính giá xuất kho. → tích chọn "tính tất cả các vật tư, hàng hóa" → Chọn "kỳ tính giá"→ Chọn "tính theo kho" → " Thực hiện".

Kế toán lập phiếu xuất kho trên phần mềm: Vào phân hệ Tồn kho => chọn mục Phiếu xuất kho, chọn xuất vật tư cho sản xuất => nhấn thêm " Mới" để tạo phiếu xuất kho => nhập các thông tin chung: diễn giải, ngày lập phiếu,…=> nhấn " Lưu" để hoàn tất.

Hình ảnh 2.16 Giao diện hạch toán phiếu xuất kho hóa chất

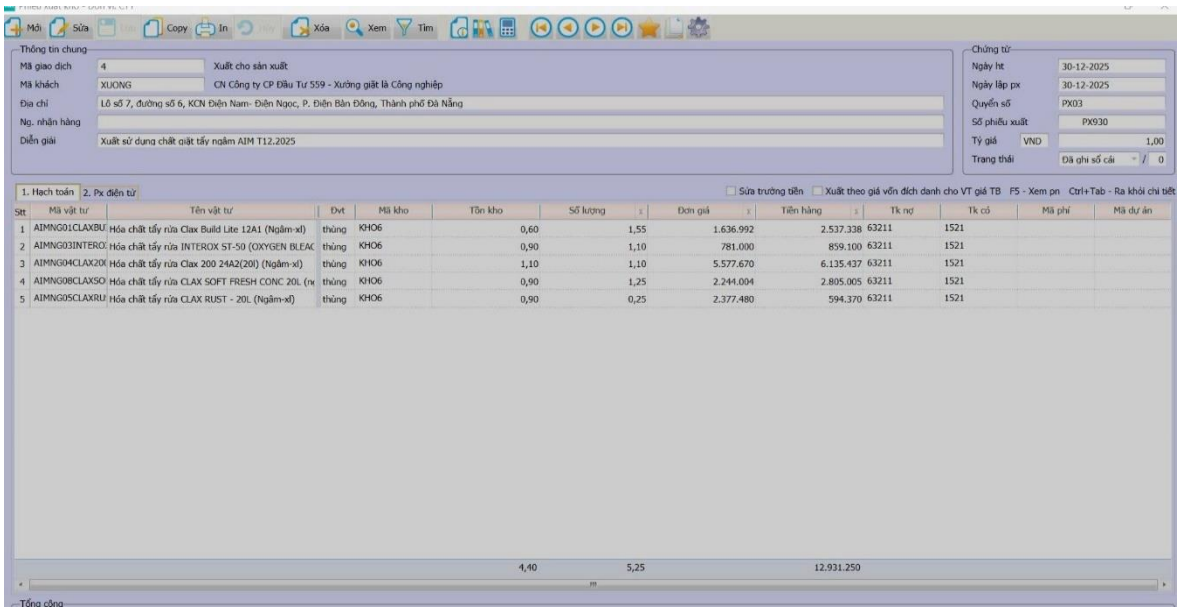

Hình ảnh 2.17 Phiếu xuất kho hóa chất

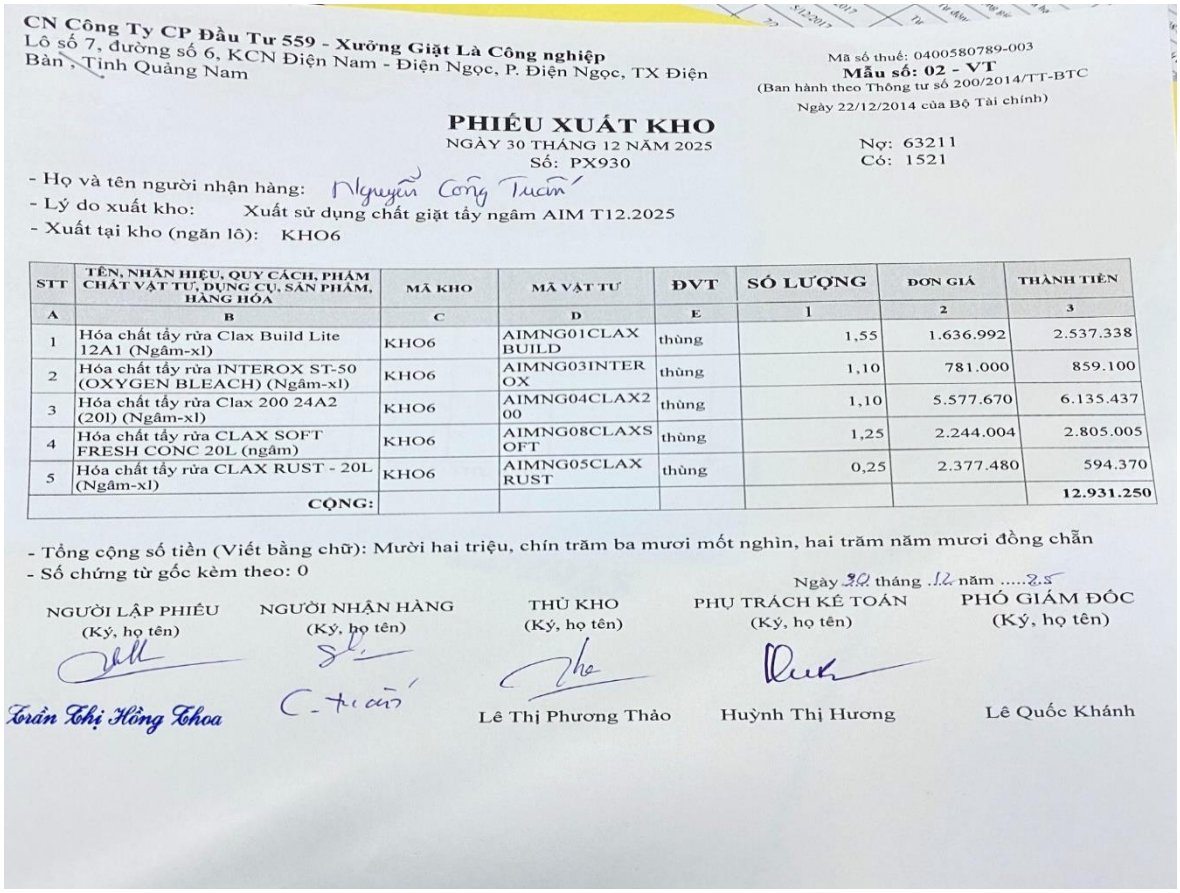

CN Công Ty CP Đầu Tư 559 - Xưởng Giặt Là Công nghiệp
Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Ngọc, TX Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

Mã số thuế: 0400580789-003
Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2025
Số: PX930

Nợ: 63211
Có: 1521

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Công Tuấn
- Lý do xuất kho: Xuất sử dụng chất giặt tẩy ngâm AIM T12.2025
- Xuất tại kho (ngăn lô): KHO6

STT	TÊN, NHÃN HIỆU, QUY CÁCH, PHẨM CHẤT VẬT TƯ, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA	MÃ KHO	MÃ VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	B	C	D	E	1	2	3
1	Hóa chất tẩy rửa Clax Build Lite 12A1 (Ngâm-xl)	KHO6	AIMNG01CLAX BUILD	thùng	1,55	1.636.992	2.537.338
2	Hóa chất tẩy rửa INTEROX ST-50 (OXYGEN BLEACH) (Ngâm-xl)	KHO6	AIMNG03INTER OX	thùng	1,10	781.000	859.100
3	Hóa chất tẩy rửa Clax 200 24A2 (20l) (Ngâm-xl)	KHO6	AIMNG04CLAX2 00	thùng	1,10	5.577.670	6.135.437
4	Hóa chất tẩy rửa CLAX SOFT FRESH CONC 20L (ngâm)	KHO6	AIMNG08CLAXS OFT	thùng	1,25	2.244.004	2.805.005
5	Hóa chất tẩy rửa CLAX RUST - 20L (Ngâm-xl)	KHO6	AIMNG05CLAX RUST	thùng	0,25	2.377.480	594.370
	CỘNG:						12.931.250

- Tổng cộng số tiền (Viết bằng chữ): Mười hai triệu, chín trăm ba mươi mốt nghìn, hai trăm năm mươi đồng chẵn
- Số chứng từ gốc kèm theo: 0

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP PHIẾU (Ký, họ tên)	NGƯỜI NHẬN HÀNG (Ký, họ tên)	THỦ KHO (Ký, họ tên)	PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN (Ký, họ tên)	PHÓ GIÁM ĐỐC (Ký, họ tên)
Trần Thị Hồng Thoa	Tuấn	Lê Thị Phương Thảo	Huỳnh Thị Hương	Lê Quốc Khánh

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết, để mở sổ chi tiết TK 63211, Kế toán thực

hiện thao tác: Vào Tổng hợp => Sổ sách kế toán => Sổ chi tiết một tài khoản => Gõ chọn TK chi tiết 63211, => Đồng ý.

Bảng biểu 2.5 Sổ chi tiết tài khoản 63211

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Dùng cho TK 632
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 63211
Đối tượng: Giá vốn hàng bán: hóa chất ECOLAB
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/10/2025	PX824	31/10/2025	Xuất sử dụng giặt tẩy AIM T10.2025	1521	261.450.000	
31/10/2025	PX825	31/10/2025	Xuất sử dụng giặt tẩy AIM T10.2025	1521	6.522.760	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 632-911 63211-911	911		267.972.760
29/11/2025	PX876	29/11/2025	Xuất sử dụng giặt tẩy AIM T11.2025	1521	223.817.760	
29/11/2025	PX877	29/11/2025	Xuất sử dụng giặt tẩy AIM T11.2025	1521	13.598.139	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 632-911 63211-911	911		237.415.899
30/12/2025	PX929	30/12/2025	Xuất sử dụng giặt tẩy AIM T12.2025	1521	247.937.760	
30/12/2025	PX930	30/12/2025	Xuất sử dụng giặt tẩy AIM T12.2025	1521	12.931.250	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 632-911 63211-911	911		260.869.010
			- Cộng số phát sinh	x	**766.257.669**	**766.257.669**
			Tổng cộng		**766.257.669**	**766.257.669**

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Trường hợp 2: Ngày 06/12/2025 Chi nhánh phát sinh chi phí vật tư hồ ủi, xà phòng được hạch toán vào TK 632122, TK 632123

Bộ phận lập phiếu yêu cầu xuất vật tư: xà phòng hồ ủi, Kế toán tiếp nhận và lập phiếu xuất kho.

Hình ảnh 2.18 Phiếu yêu cầu xuất vật tư xà phòng, hồ ủi

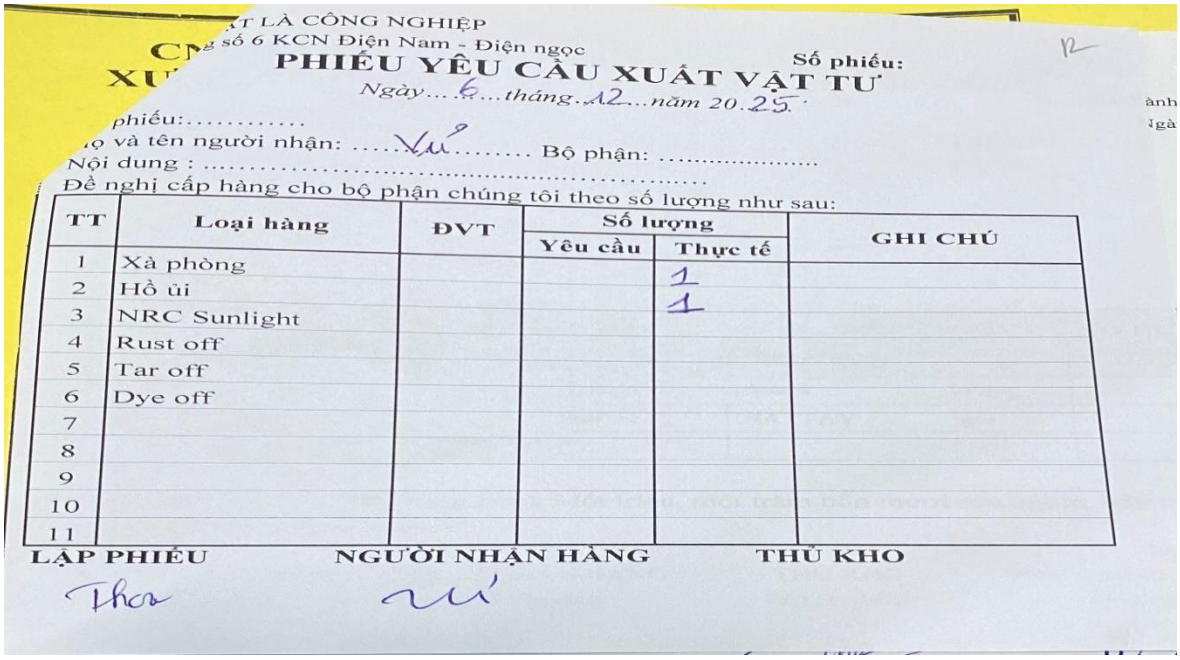
T LÀ CÔNG NGHIỆP
g số 6 KCN Điện Nam - Điện ngọc
Số phiếu:
PHIẾU YÊU CẦU XUẤT VẬT TƯ
Ngày 6 tháng 12 năm 20 25
phiếu:
ọ và tên người nhận: Vũ Bộ phận:
Nội dung :
Đề nghị cấp hàng cho bộ phận chúng tôi theo số lượng như sau:

TT	Loại hàng	ĐVT	Số lượng		GHI CHÚ
			Yêu cầu	Thực tế	
1	Xà phòng			1	
2	Hồ ủi			1	
3	NRC Sunlight				
4	Rust off				
5	Tar off				
6	Dye off				
7					
8					
9					
10					
11					

LẬP PHIẾU — NGƯỜI NHẬN HÀNG — THỦ KHO

Vào phân hệ “Kho” -> Tính giá xuất kho. → tích chọn “tính tất cả các vật tư, hàng hóa” → Chọn “kỳ tính giá”→ Chọn “tính theo kho” → “ Thực hiện”.

Kế toán lập phiếu xuất kho trên phần mềm: Vào phân hệ Tồn kho => chọn mục Phiếu xuất kho, chọn xuất vật tư cho sản xuất => nhấn thêm “ Mới” để tạo phiếu xuất kho => nhập các thông tin chung: diễn giải, ngày lập phiếu,…=> nhấn “ Lưu” để hoàn tất.

Hình ảnh 2.19 Giao diện hạch toán phiếu xuất kho hồ ủi xà phòng

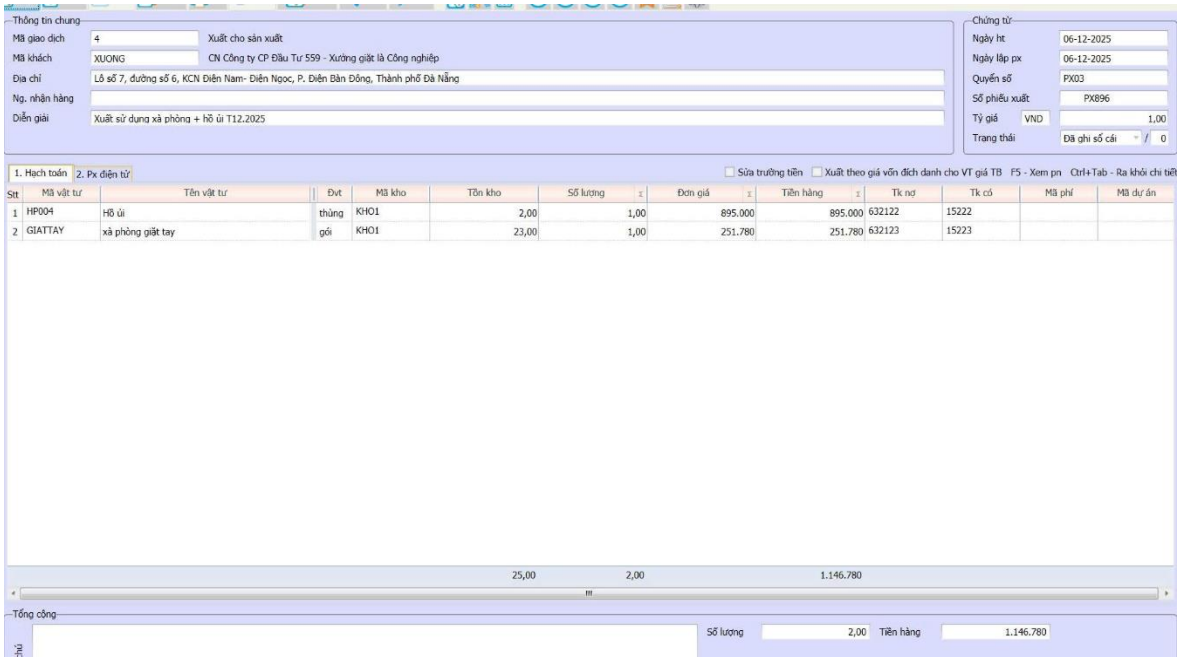

Hình ảnh 2.20 Phiếu xuất kho xà phòng, hồ ủi

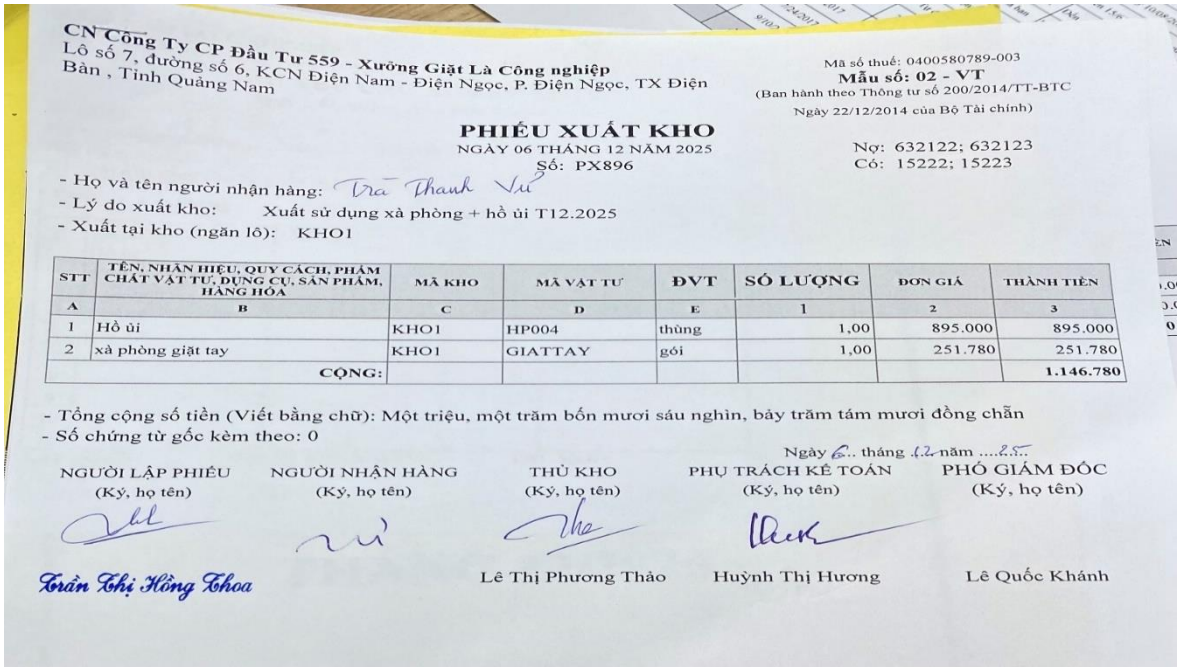

CN Công Ty CP Đầu Tư 559 - Xưởng Giặt Là Công nghiệp
Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Ngọc, TX Điện Bàn , Tỉnh Quảng Nam

Mã số thuế: 0400580789-003
Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
NGÀY 06 THÁNG 12 NĂM 2025
Số: PX896

Nợ: 632122; 632123
Có: 15222; 15223

- Họ và tên người nhận hàng: Trần Thanh Vũ
- Lý do xuất kho: Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T12.2025
- Xuất tại kho (ngăn lô): KHO1

STT	TÊN, NHÃN HIỆU, QUY CÁCH, PHẨM CHẤT VẬT TƯ, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA	MÃ KHO	MÃ VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	B	C	D	E	1	2	3
1	Hồ ủi	KHO1	HP004	thùng	1,00	895.000	895.000
2	xà phòng giặt tay	KHO1	GIATTAY	gói	1,00	251.780	251.780
	CỘNG:						1.146.780

- Tổng cộng số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, bảy trăm tám mươi đồng chẵn
- Số chứng từ gốc kèm theo: 0

Ngày 6.. tháng 12 năm ....25..

NGƯỜI LẬP PHIẾU	NGƯỜI NHẬN HÀNG	THỦ KHO	PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN	PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Trần Thị Hồng Thoa		Lê Thị Phương Thảo	Huỳnh Thị Hương	Lê Quốc Khánh

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết, để mở sổ chi tiết TK 632122,632123 Kế toán thực hiện thao tác: Vào Tổng hợp => Sổ sách kế toán => Sổ chi tiết một tài khoản => Gõ chọn TK chi tiết 632122, 632123 => Đồng ý.

Bảng biểu 2.6 Sổ chi tiết tài khoản 632122

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Dùng cho TK 632
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 632122
Đối tượng: Giá vốn hàng bán: Hóa chất tẩy điểm
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
11/10/2025	PX791	11/10/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T10.2025	15222	895.000	
21/10/2025	PX802	21/10/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T10.2025	15222	895.000	
25/10/2025	PX808	25/10/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T10.2025	15222	895000	
31/10/2025	PX814	31/10/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T10.2025	15222	4.432.500	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 632-911 632122-911	911		7.117.500
03/11/2025	PX838	03/11/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T11.2025	1522	895.000	
11/11/2025	PX851	11/11/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T11.2025	1522	895.000	
21/11/2025	PX864	21/11/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T11.2025	1522	895.000	
27/11/2025	PX873	27/11/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T11.2025	1522	3.092.000	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 632-911 632122-911	911		5.777.000
06/12/2025	PX896	06/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T12.2025	1522	895.000	
16/12/202/	PX907	16/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T12.2025	1522	895.000	
29/12/2025	PX926	29/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T11.2025	1522	3.747.499	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 632-911 632122-911	911		5.537.499
			- Cộng số phát sinh	x	**18.431.999**	**18.431.999**
			Tổng cộng		**18.431.999**	**18.431.999**

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ — *(Ký, họ tên)*
Kế toán trưởng — *(Ký, họ tên)*
Giám đốc — *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bảng biểu 2.7 Sổ chi tiết tài khoản 632123

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Dùng cho TK 632
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 632123
Đối tượng: Giá vốn hàng bán: xà phòng
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
02/10/2025	PX778	02/10/2025	Xuất sử dụng xà phòng T10.2025	15223	148.905	
06/10/2025	PX783	06/10/2025	Xuất sử dụng xà phòng T10.2025	15223	148.905	
11/10/2025	PX791	11/10/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T10.2025	15223	148.905	
			…			
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 632-911 632123->911	911		1.136.471
03/11/2025	PX838	03/11/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T11.2025	15223	148.905	
08/11/2025	PC333	08/11/2025	TT tiền mua bột giặt giặt đồ khách	1111	251.481	
08/11/2025	PX847	08/11/2025	Xuất sử dụng xà phòng + sunlight T11.2025	15223	243.041	
			…			
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 632-911 632123->911	911		1.557.883
01/12/2025	PX888	01/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng T12.2025	15223	251.780	
06/12/2025	PX896	06/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T12.2025	15223	251.780	
11/12/2025	PX901	11/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng T12.2025	15223	251.781	
			…			
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 632-911 632123->911	911		2.014.244
			- Cộng số phát sinh	x	**4.708.598**	**4.708.598**
			Tổng cộng		**4.708.598**	**4.708.598**

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ — *(Ký, họ tên)*
Kế toán trưởng — *(Ký, họ tên)*
Giám đốc — *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Trường hợp 3: Chi nhánh phát sinh chi phí nhân viên xưởng được hạch toán vào TK 6271 "Chi phí nhân viên phân xưởng" sau đó kết chuyển TK 6271 sang TK 63214 "Kết chuyển chi phí sản xuất".

Hình ảnh 2.21 Bảng thanh toán tiền lương tháng 10.2025

CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559
XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP

Tháng 10/2025

STT	Họ Tên	Chức danh	Số nhân viên	Mức lương	LƯƠNG THỜI GIAN									LƯƠNG TĂNG C	
					Công thời gian			Công làm việc đêm							
					Số công	Lương thực nhận	Ca đêm vào ca 17h30	Ca đêm vào ca 17h00	Ca đêm 16h30	Ca đêm 16h	Ca đêm 15h	Ca đêm 14h	Lương ca đêm	Tổng cộng	Tổng Cộng
	VĂN PHÒNG - BẢO VỆ														
TOTAL - VĂN PHÒNG & BẢO VỆ			11.0	115,293,909	284.0	120,779,165	-	-	-	-	-	-	-	123,954,165	131,251
	XƯỞNG				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
TOTAL - XƯỞNG			95	592,393,942	2,268	594,787,799	-	-	-	23	44	21	1,270,517	599,508,316	134,733,845
NA3	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nấu ăn	1	10,000,000	18.0	6,428,571							-	6,428,571	-
NA4	Lê Thị Hường	Nấu ăn	1	10,000,000	6.0	2,142,857							-	2,142,857	-
TOTAL - TOÀN CHI NHÁNH			108	727,687,851	2,576.0	721,995,535	-	-	-	23	44	21	1,270,517	732,033,910	134,865,096
					2,576.0		-	-	-	23	44	21			

Kế toán tiến hành hạch toán tiền lương phân xưởng trên phần mềm: Vào "Tổng hợp" chọn "Phiếu kế toán" điền các nội dung hiển thị.

Hình ảnh 2.22 Giao diện hạch toán tiền lương tháng 10.2025

Mới | Chọn hđ | Sửa | Copy | In | Xóa | Xem | Tìm

Chứng từ
Ngày hạch toán: 31-10-2025
Ngày lập c.từ: 31-10-2025
Quyển số: PKT06
Số c.từ: KT227
Tỷ giá: VND 1,00
Trạng thái: Đã ghi sổ cái
Diễn giải chung: Tính lương thời gian , lương ngoài giờ + tiền cơng nấu ăn tháng 10.2025

1. Hạch toán | 2. Hđ thuế

Sửa trường tiền Ctrl+Tab - Ra khỏi chi tiết

Stt	Tài khoản	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng	Ps nợ	Ps có	Diễn giải	Nhóm đk	Ngày ct0	Sí
1	6271	Chi phí nhân viên phân xưởng	XUONG	CN Công ty CP Đầu Tư 559 - Xưở	599.508.316	0	Tính lương thời gian tháng 10.2025 - Xưởng			
2	6271	Chi phí nhân viên phân xưởng	XUONG	CN Công ty CP Đầu Tư 559 - Xưở	8.571.429	0	Tiền cơng nấu ăn + phục vụ bếp tháng 10.2025			
3	6271	Chi phí nhân viên phân xưởng	XUONG	CN Công ty CP Đầu Tư 559 - Xưở	134.865.096	0	Tính lương ngoài giờ tháng 10.2025 - Xưởng			
4	6421	Chi phí nhân viên quản lý	XUONG	CN Công ty CP Đầu Tư 559 - Xưở	123.954.165	0	Tính lương thời gian tháng 10.2025 - VP			
5	3341	Phải trả công nhân viên	LUONG	Xưởng Giặt Là Công nghiệp	0	866.899.006	Tính lương thời gian , lương ngoài giờ + tiền cơng nấu ăn tháng 10.2025			
					866.899.006	866.899.006				

Trường hợp 4: Chi nhánh phát sinh chi phí xuất củi đốt lò dùng cho tháng 10.2025 được hạch toán vào TK 62721 "Chi phí vật liệu củi đốt" sau đó kết chuyển từ TK 62721 sang TK 63214 "Kết chuyển chi phí sản xuất".

Vào cuối tháng 31/10/2025 nhân viên kế toán kho và phụ trách bộ phận kĩ thuật sẽ tiến hành kiểm kê cuối tháng, sau khi kiểm kê hai bên xác định được số lượng củi xuất sử dụng trong tháng từ đó kế toán tiền hành lập phiếu xuất kho (cuối tháng lập phiếu xuất 1 lần).

Hình ảnh 2.23 Biên bản kiểm kê cuối tháng số lượng củi xuất dùng trong tháng

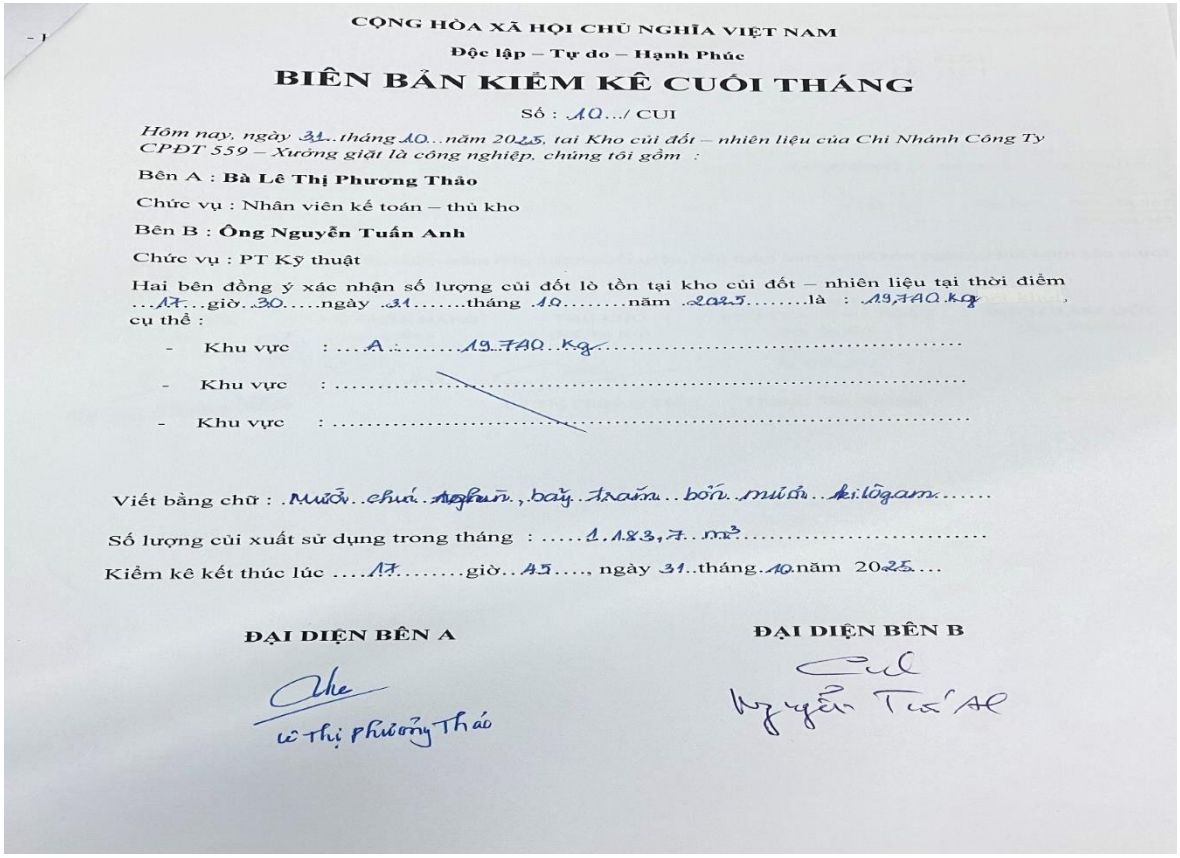

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ CUỐI THÁNG

Số : 10.../ CUI

Hôm nay, ngày 31..tháng 10...năm 2025, tại Kho củi đốt – nhiên liệu của Chi Nhánh Công Ty CPĐT 559 – Xưởng giặt là công nghiệp, chúng tôi gồm :

Bên A : **Bà Lê Thị Phương Thảo**

Chức vụ : Nhân viên kế toán – thủ kho

Bên B : **Ông Nguyễn Tuấn Anh**

Chức vụ : PT Kỹ thuật

Hai bên đồng ý xác nhận số lượng củi đốt lò tồn tại kho củi đốt – nhiên liệu tại thời điểm ...17...giờ..30....ngày ..31.....tháng .10.....năm .2025.....là : .19.740 kg, cụ thể :

- Khu vực : ...A.....19.740..kg.....
- Khu vực : .....
- Khu vực : .....

Viết bằng chữ : .Mười..chín..nghìn.,.bảy..trăm..bốn..mươi..kilôgam.....

Số lượng củi xuất sử dụng trong tháng : .....1.183,7..m³.....

Kiểm kê kết thúc lúc ....17.....giờ..45...., ngày 31..tháng.10.năm 2025...

ĐẠI DIỆN BÊN A

Lê Thị Phương Thảo

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Tuấn Anh

Vào phân hệ "Kho" -> Tính giá xuất kho. → tích chọn "tính tất cả các vật tư, hàng hóa" → Chọn "kỳ tính giá"→ Chọn "tính theo kho" → " Thực hiện".

Kế toán lập phiếu xuất kho trên phần mềm: Vào phân hệ Tồn kho => chọn mục Phiếu xuất kho, chọn xuất vật tư cho sản xuất => nhấn thêm " Mới" để tạo phiếu xuất kho => nhập các thông tin chung: diễn giải, ngày lập phiếu,…=> nhấn " Lưu" để hoàn tất.

Hình ảnh 2.24 Giao diện hạch toán phiếu xuất kho củi tháng 10.2025

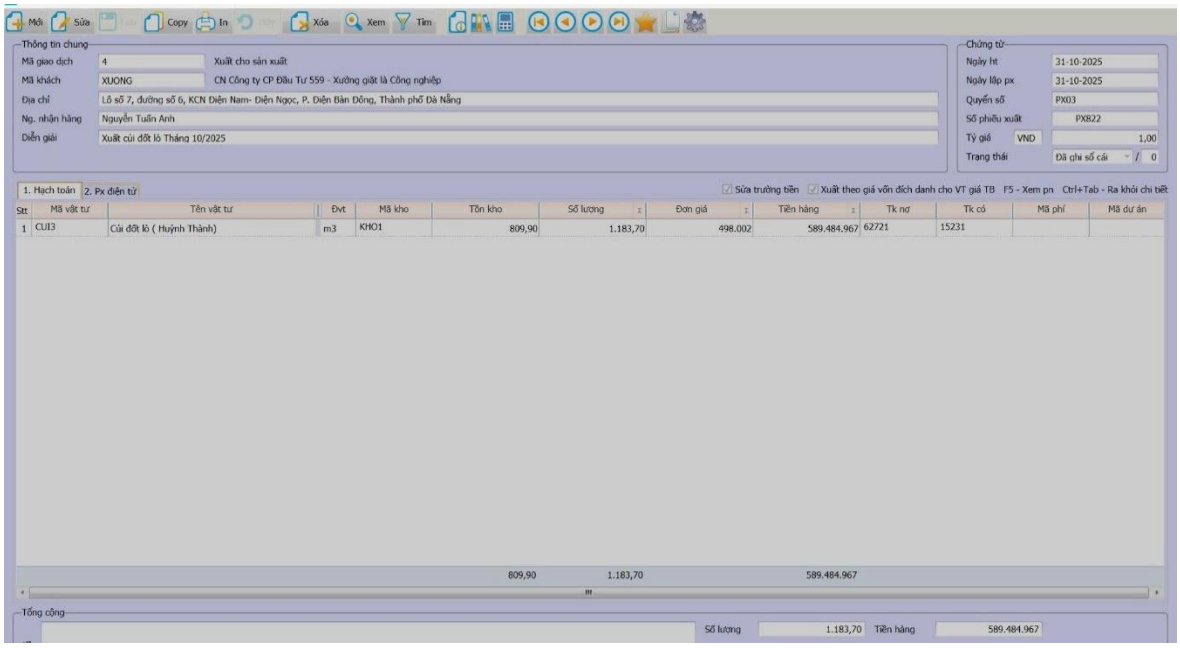

Mới | Sửa | Copy | In | Xóa | Xem | Tìm

Thông tin chung

Mã giao dịch: 4 — Xuất cho sản xuất

Mã khách: XUONG — CN Công ty CP Đầu Tư 559 - Xưởng giặt là Công nghiệp

Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, P. Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng

Ng. nhận hàng: Nguyễn Tuấn Anh

Diễn giải: Xuất củi đốt lò Tháng 10/2025

Chứng từ

Ngày ht: 31-10-2025

Ngày lập px: 31-10-2025

Quyển số: PX03

Số phiếu xuất: PX822

Tỷ giá: VND 1,00

Trạng thái: Đã ghi sổ cái / 0

1. Hạch toán | 2. Px điện tử

Sửa trường tiền | Xuất theo giá vốn đích danh cho VT giá TB | F5 - Xem pn | Ctrl+Tab - Ra khỏi chi tiết

Stt	Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Tồn kho	Số lượng	Đơn giá	Tiền hàng	Tk nợ	Tk có	Mã phí	Mã dự án
1	CUI3	Củi đốt lò (Huỳnh Thành)	m3	KHO1	809,90	1.183,70	498.002	589.484.967	62721	15231		
					809,90	1.183,70		589.484.967				

Tổng cộng: Số lượng 1.183,70 — Tiền hàng 589.484.967

Hình ảnh 2.25 Phiếu xuất kho củi đốt lò tháng 10.2025

CN Công Ty CP Đầu Tư 559 - Xưởng Giặt Là Công nghiệp
Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Ngọc, TX Điện Bàn , Tỉnh Quảng Nam

Mã số thuế: 0400580789-003
Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2025
Số: PX822

Nợ: 62721
Có: 15231

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Tuấn Anh
- Lý do xuất kho: Xuất củi đốt lò Tháng 10/2025
- Xuất tại kho (ngăn lô): KHO1

STT	TÊN, NHÃN HIỆU, QUY CÁCH, PHẨM CHẤT VẬT TƯ, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA	MÃ KHO	MÃ VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	B	C	D	E	1	2	3
1	Củi đốt lò (Huỳnh Thành)	KHO1	CUI3	m3	1.183,70	498.002	589.484.967
	CỘNG:						589.484.967

- Tổng cộng số tiền (Viết bằng chữ): Năm trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi bốn nghìn, chín trăm sáu mươi bảy đồng chẵn
- Số chứng từ gốc kèm theo: 0

Ngày 31 tháng 10 năm 25

NGƯỜI LẬP PHIẾU	NGƯỜI NHẬN HÀNG	THỦ KHO	PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN	PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Lê Thị Phương Thảo	Nguyễn Tuấn Anh	Lê Thị Phương Thảo	Huỳnh Thị Hương	Lê Quốc Khánh

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết, để mở sổ chi tiết TK 6271,62721. Kế toán thực hiện thao tác: Vào Tổng hợp => Sổ sách kế toán => Sổ chi tiết một tài khoản => Gõ chọn TK chi tiết 6271 hoặc 62721 => Đồng ý.

Bảng biểu 2.8 Sổ chi tiết tài khoản 6271

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Dùng cho TK 627
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 6271
Đối tượng: Chi phí nhân viên phân xưởng
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
01/10/2025	PX775	01/10/2025	Xuất gia vị, gạo nấu ăn tháng 10.2025	1561	1.418.518	
06/10/2025	PX784	06/10/2025	Xuất gia vị, gạo nấu ăn tháng 10.2025	1561	1.418.518	
			…			
18/10/2025	PC316	18/10/2025	TT tiền cơm cho nhân viên ngày 10/10/2025	1111	1.850.000	
18/10/2025	PC316	18/10/2025	TT tiền cơm cho nhân viên ngày 10/10/2025	1111	1.850.000	
			…			
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tính lương thời gian tháng 10.2025 - Xưởng	3341	599.508.316	
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tiền công nấu ăn + phục vụ bếp tháng 10.2025	3341	8.571.429	
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tính lương ngoài giờ tháng 10.2025 - Xưởng	3341	134.865.096	
31/10/2025	KT233	31/10/2025	Thực phẩm nấu ăn cho nhân viên tháng 10.2025	33518	37.505.120	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 6271 - 63214	63214		904.751.926
01/11/2025	PC326	01/11/2025	TT tiền lương nhân viên thuê ngoài thực hiện công việc giặt ủi	1111	1.925.000	
01/11/2025	KT236	01/11/2025	Tính hỗ trợ công nhân viên chịu ảnh hưởng lũ lụt năm 2025 - Xưởng	3341	28.000.000	
			…			
			- Cộng số phát sinh	x	**3.043.312.724**	**3.043.312.724**
			Tổng cộng		**3.043.312.724**	**3.043.312.724**

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bảng biểu 2.9 Sổ chi tiết tài khoản 62721

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Dùng cho TK 627
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 62721
Đối tượng: Chi phí vật liệu củi đốt
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/10/2025	PX822	31/10/2025	Xuất củi đốt lò tháng 10.2025	15231	589.484.967	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 62721 - 63214	63214		589.484.967
02/11/2025	PX836	02/11/2025	Xuất củi đốt lò tháng 11.2025	15231	46.272.270	
30/11/2025	PX879	30/11/2025	Xuất củi đốt lò tháng 11.2025	15231	471.956.490	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 627 - 632 62721 - 63214	63214		518.228.760
31/12/2025	PX945	31/12/2025	Xuất củi đốt lò tháng 12.2025	15231	605.670.029	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 627 - 632 62721 - 63214	63214		605.670.029
			- Cộng số phát sinh	x	**1.713.383.756**	**1.713.383.756**
			Tổng cộng		**1.713.383.756**	**1.713.383.756**

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ — *(Ký, họ tên)*
Kế toán trưởng — *(Ký, họ tên)*
Giám đốc — *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bảng biểu 2.10 Sổ chi tiết tài khoản 63214

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Dùng cho TK 632
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 63214
Đối tượng: Kết chuyển chi phí sản xuất
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 6271 - 63214	6271	904.751.926	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 62721 - 63214	62721	589.484.967	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 62722 - 63214	62722	2.119.338	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 62723 - 63214	62723	3.011.700	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 62731 - 63214	62731	10.948.547	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 62732 - 63214	62732	48.528.008	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 62733 - 63214	62733	35.539.487	
			….			
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 627 - 632 62775 - 63214	62775	4.741.618	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 627 - 632 62776 - 63214	62776	13.870.760	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 627 - 632 62777 - 63214	62777	1.153.332	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 627 - 632 627781 - 63214	627781	3.300.000	
			…			
			- Cộng số phát sinh	x	**7.326.692.196**	**7.326.692.196**
			Tổng cộng			

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ — *(Ký, họ tên)*
Kế toán trưởng — *(Ký, họ tên)*
Giám đốc — *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu vào phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày ở trang 78.

Sau khi lên Sổ Nhật Ký Chung số liệu sẽ được trích theo tài khoản Sổ Cái. Để mở Sổ Cái TK 632 " Giá vốn hàng bán " kế toán thực hiện thao tác: Vào Tổng hợp => Sổ sách kế toán => Sổ cái một tài khoản => Gõ chọn TK 632 => Đồng ý.

Bảng biểu 2.11 Sổ Cái TK 632

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 4 Năm 2025
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Số hiệu : 632

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				**0**	**0**
			Số phát sinh trong kỳ					
01/10/2025	PX774	01/10/2025	Xuất sử dụng bao ni lon T10.2025			15224	2700000	
02/10/2025	PX776	02/10/2025	Xuất sử dụng bao ni lon T10.2025			15224	2700000	
02/10/2025	PX778	02/10/2025	Xuất sử dụng xà phòng T10.2025			15223	148.905	
			…					
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 6271 - 63214			6271	904.751.926	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 62721 - 63214			62721	589.484.967	
01/12/2025	PX 887	01/12/2025	Xuất sử dụng bao ni lon T12.2025			15224	2.880.000	
01/12/2025	PX888	01/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng T12.2025			15223	251.780	
			…					
06/12/2025	PX896	06/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T12.2025			15222	895.000	
06/12/2025	PX896	06/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T12.2025			15223	251.780	
			…					
29/12/2025	PX927	29/12/2025	Xuất sử dụng bao ni lon T12.2025			15224	900.000	
30/12/2025	PX929	30/12/2025	Xuất sử dụng hóa chất giặt tẩy T12.2025			1521	247.937.760	
30/12/2025	PX930	30/12/2025	Xuất sử dụng hóa chất giặt tẩy ngâm AIM T12.2025			1521	12.931.250	
			…					
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 632-911			911		3.038.912.183
			Cộng số phát sinh				**8.235.646.863**	**8.235.646.863**
			Số dư cuối kỳ				**0**	**0**

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Người đại diện theo pháp luật**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính tại Chi nhánh

Trong năm 2025 Chi nhánh không phát sinh chi phí tài chính.

2.2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng tại Chi nhánh

Trong năm 2025 Chi nhánh không phát sinh chi phí bán hàng.

2.2.2.4 Kế toán chi phí quản lí doanh nghiệp tại chi nhánh

Đặc điểm Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại chi nhánh

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại chi nhánh phát sinh đa dạng các chi phí như chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài,…

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, Giấy báo Nợ.
- Giấy đề nghị thanh toán.
- Hóa đơn GTGT,…

b. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 – Chi phí quản lí doanh nghiệp.
- TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng.
  + TK 64231 – Chi phí đồ dùng văn phòng: đồng phục.
  + TK 64232 – Chi phí đồ dùng văn phòng: phân bổ CCDC.

+ TK 64233 – Chi phí đồ dùng văn phòng: khác.

- TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426 – Chi phí dự phòng.
- TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ TK 64271 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: điện thoại.
+ TK 64272 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: EMS.
+ TK 64273 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: VPP.
+ TK 64274 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phí ngân hàng.
+ TK 64275 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: chi phí tiền khai trương.
+ TK 64276 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: chi phí kiểm toán.
+ TK 64277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: chi phí khác.

- TK 6428 – Chi phí khác bằng tiền.

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK 642.
- Sổ cái TK 642 và các tài khoản liên quan khác,..

d. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại chi nhánh

Trường hợp 1: Chi nhánh phát sinh chi phí tiền lương của nhân viên bộ phận văn phòng và bảo vệ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hình ảnh 2.26 Bảng thanh toán tiền lương tháng 10.2025

CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559
XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP

Tháng 10/2025

STT	Họ Tên	Chức danh	Số nhân viên	Mức lương	LƯƠNG THỜI GIAN										LƯƠNG TĂNG C	
					Công thời gian			Công làm việc đêm						Tổng cộng	Tổng Cộng	
					Số công	Lương thực nhận	Ca đêm vào ca 17h30	Ca đêm vào ca 17h00	Ca đêm 16h30	Ca đêm 16h	Ca đêm 15h	Ca đêm 14h	Lương ca đêm			
	VĂN PHÒNG - BẢO VỆ															
TOTAL - VĂN PHÒNG & BẢO VỆ			11.0	115,293,909	284.0	120,779,165	-	-	-	-	-	-	-	123,954,165	131,251	
	XƯỞNG				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
TOTAL - XƯỞNG			95	592,393,942	2,268	594,787,799	-	-	-	23	44	21	1,270,517	599,508,316	134,733,845	
NA3	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nấu ăn	1	10,000,000	18.0	6,428,571							-	6,428,571	-	
NA4	Lê Thị Hường	Nấu ăn	1	10,000,000	6.0	2,142,857							-	2,142,857	-	
TOTAL - TOÀN CHI NHÁNH			108	727,687,851	2,576.0	721,995,535	-	-	-	23	44	21	1,270,517	732,033,910	134,865,096	
					2,576.0		-	-	-	23	44	21				

Kế toán sẽ lập bảng lương sau đó dựa vào bảng lương hạch toán lên phần mềm các nghiệp vụ phát sinh, vào "Tổng hợp"-> " Phiếu kế toán".

Hình ảnh 2.27 Giao diện hạch toán tiền lương tháng 10.2025

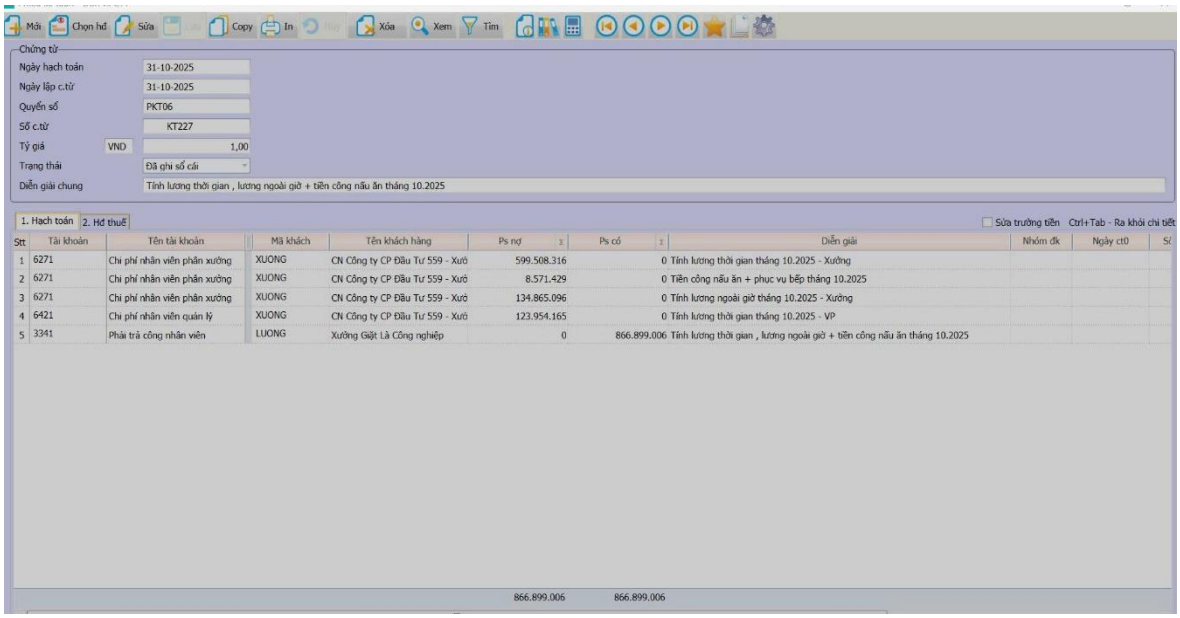

Trường hợp 2: Các khoản chi phí BHXH, BHYT,BHTN,BHTNLĐ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hình ảnh 2.28 Danh sách trích đóng BHXH, BHYT, BHTN tháng 10.2025

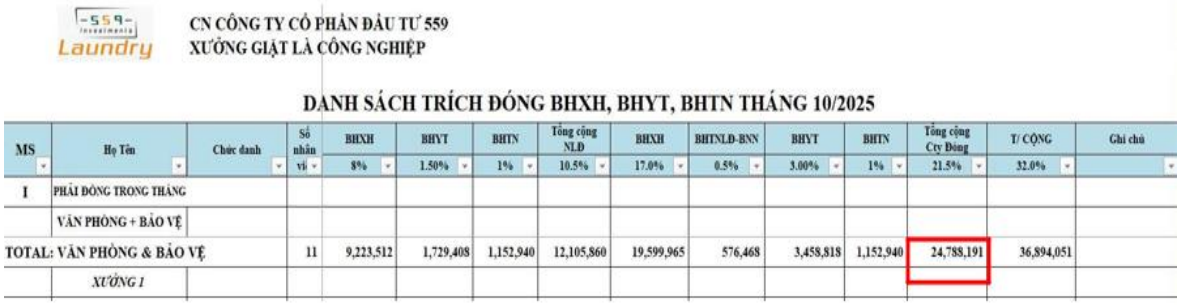

CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559
XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP

DANH SÁCH TRÍCH ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN THÁNG 10/2025

MS	Họ Tên	Chức danh	Số nhân vị	BHXH	BHYT	BHTN	Tổng cộng NLĐ	BHXH	BHTNLĐ-BNN	BHYT	BHTN	Tổng cộng Cty Đóng	T/ CỘNG	Ghi chú
				8%	1.50%	1%	10.5%	17.0%	0.5%	3.00%	1%	21.5%	32.0%	
I	PHẢI ĐÓNG TRONG THÁNG													
	VĂN PHÒNG + BẢO VỆ													
TOTAL: VĂN PHÒNG & BẢO VỆ			11	9,223,512	1,729,408	1,152,940	12,105,860	19,599,965	576,468	3,458,818	1,152,940	24,788,191	36,894,051	
	XƯỞNG 1													

Hình ảnh 2.29 Giao diện hạch toán BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ tháng 10.2025

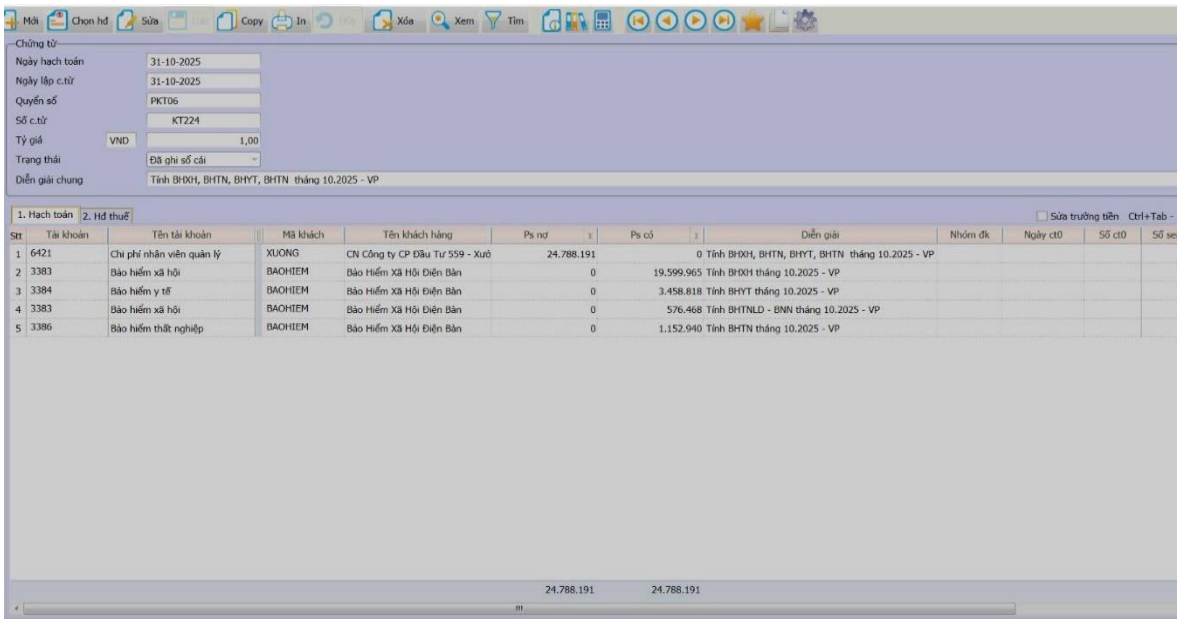

Trường hợp 3: Chi nhánh ghi nhận chi phí dịch vụ viễn thông tháng 11/2025 theo hóa đơn số 119725 của VNPT.

Hình ảnh 2.30 Hóa đơn GTGT 119725

NH.

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Điện thoại:18001260

VNPT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Ngày (Date) 02 Tháng (Month) 12 Năm (Year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25THC
Số (No.): 119725

Tên người bán (Seller): VIỄN THÔNG ĐÀ NẴNG-TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH)
Mã số thuế (Tax code): 0400102140
Địa chỉ (Address): 346 đường 2/9, Phường Hoà Cường, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Số tài khoản (Bank account):
Ngân hàng (Bank name):

Tên người mua (Buyer): Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Đầu Tư 559 - Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Mã số thuế (Tax code): 0400580789-003
Mã số ĐVQHNS (Budgetary Unit Code):
Số định danh cá nhân (ID No):
Địa chỉ (Address): Lô Số 7, Đường Số 6, Khu CN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK
Số tài khoản (Bank account):
Ngân hàng (Bank name):
Số điện thoại (Tel): 02353944559 Mã khách hàng (Customer Code): 274261/ QNM267310
Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Tháng 11/2025				
1	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 11 năm 2025	Tháng	1	813.366	813.366
				Cộng tiền hàng (Total amount) :	813.366
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 10%				Tiền thuế GTGT (VAT amount) :	81.337
				Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :	894.703

Số tiền viết bằng chữ (In words): Tám trăm chín mươi tư nghìn bảy trăm lẻ ba đồng

NGƯỜI MUA HÀNG (BUYER)

Số tiền đã thanh toán: 96.649
Số tiền thanh toán: 798.054

NGƯỜI BÁN HÀNG (SELLER)

SIGNATURE VALID
KÝ BỞI: VIỄN THÔNG ĐÀ NẴNG-TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH)
KÝ NGÀY: 02/12/2025 01:40:32

Tra cứu hóa đơn tại (Lookup the invoice at): https://0400102140-tt78.vnpt-invoice.com.vn
Mã tra cứu (Lookup code): QNM272531202511
Tên nhân viên/Bộ phận mua hàng (Procurement staff/department): Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Đầu Tư 559 - Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Mã nhân viên bán hàng (Sales staff code): Tuyến: 1362_7_1362-001:0011; NV: 529; Mã TB DD: 3944559
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Kế toán sẽ lập ủy nhiệm chi thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông tháng 11/2025 cho VNPT. Ngân hàng đã trích tiền từ tài khoản để thanh toán cước viễn thông tháng 11/2025 theo UNC và nhận được phiếu hạch toán.

Xem Ủy nhiệm chi và phiếu hạch toán tại phụ lục số 06.

Kế toán vào phân hệ Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay => chọn Giấy báo Nợ (chi) của ngân hàng => nhấn thêm "Mới" => sau đó nhập liệu: loại phiếu, ngày hạch toán, tài khoản Nợ/Có, số tiền,..=> Nhấn "Lưu" để hoàn tất.

Hình ảnh 2.31 Giao diện hạch toán UNC 479

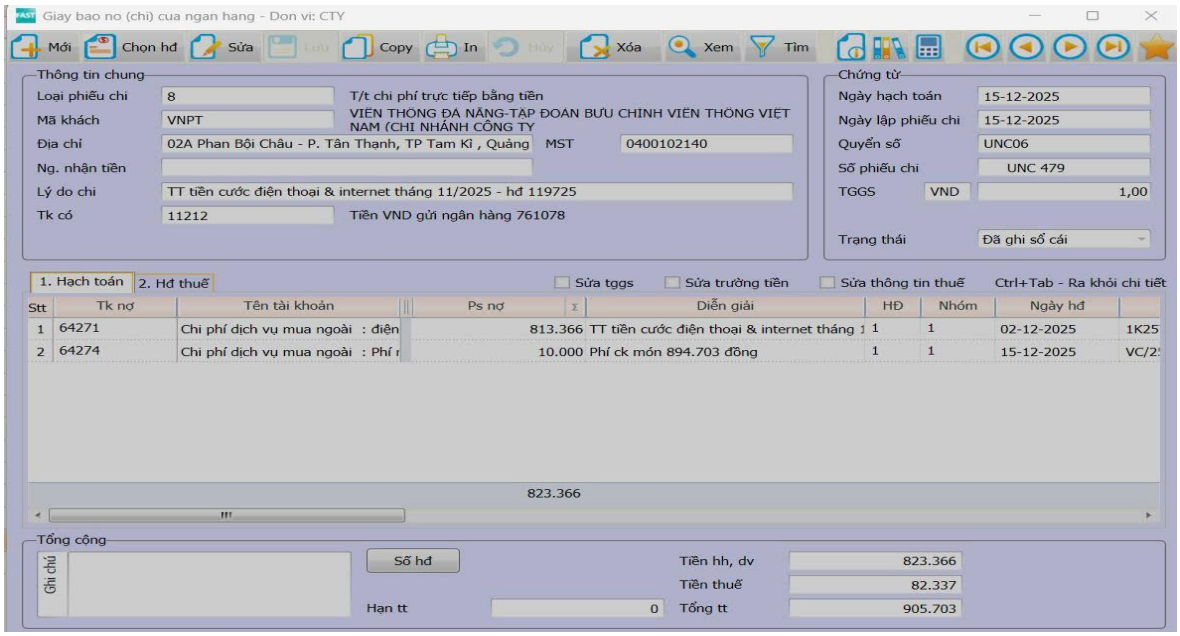

Trường hợp 4: Chi nhánh phát sinh chi phí dịch vụ mua ngoài: văn phòng phẩm (xuất kho dùng cho bộ phận HC-NS).

Bộ phận HC-NS lập phiếu yêu cầu xuất vật tư: xuất giấy in, văn phòng phẩm sử dụng cho T12.2025.

Vào phân hệ "Kho" -> Tính giá xuất kho. → tích chọn "tính tất cả các vật tư, hàng hóa" → Chọn "kỳ tính giá"→ Chọn "tính theo kho" → " Thực hiện".

Kế toán lập phiếu xuất kho trên phần mềm: Vào phân hệ Tồn kho => chọn mục Phiếu xuất kho, chọn xuất vật tư cho sản xuất => nhấn thêm " Mới" để tạo phiếu xuất kho => nhập các thông tin chung: diễn giải, ngày lập phiếu,…=> nhấn " Lưu" để hoàn tất.

Hình ảnh 2.32 Phiếu yêu cầu xuất vật tư (VPP)

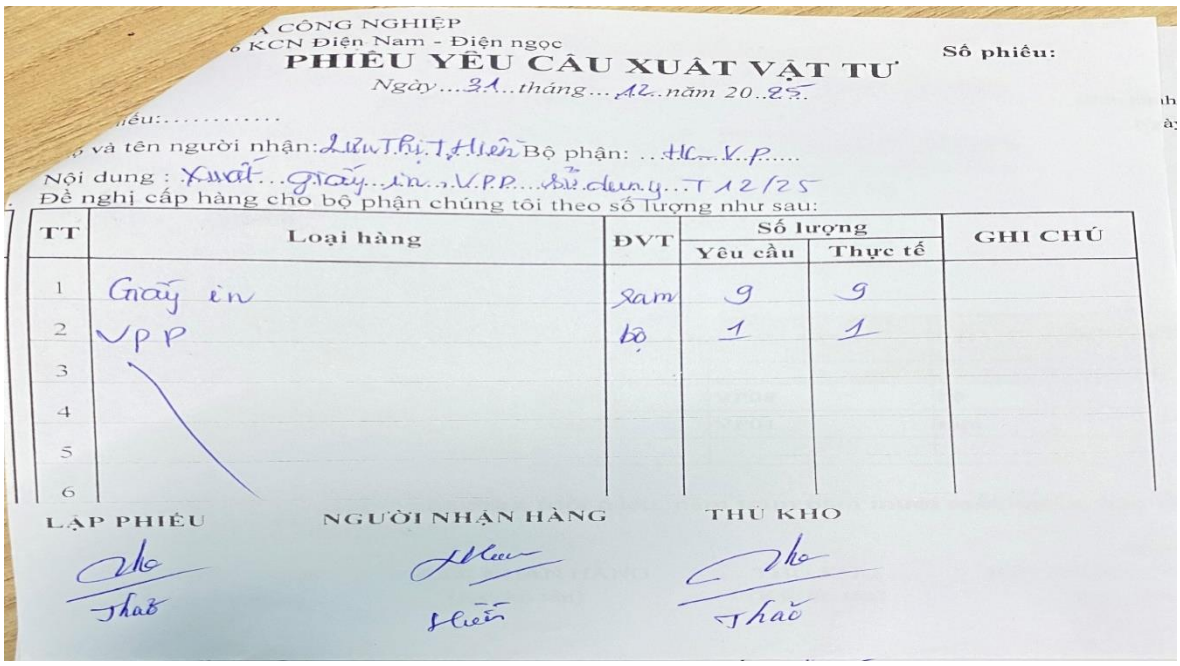

Hình ảnh 2.33 Giao diện hạch toán phiếu xuất kho VPP

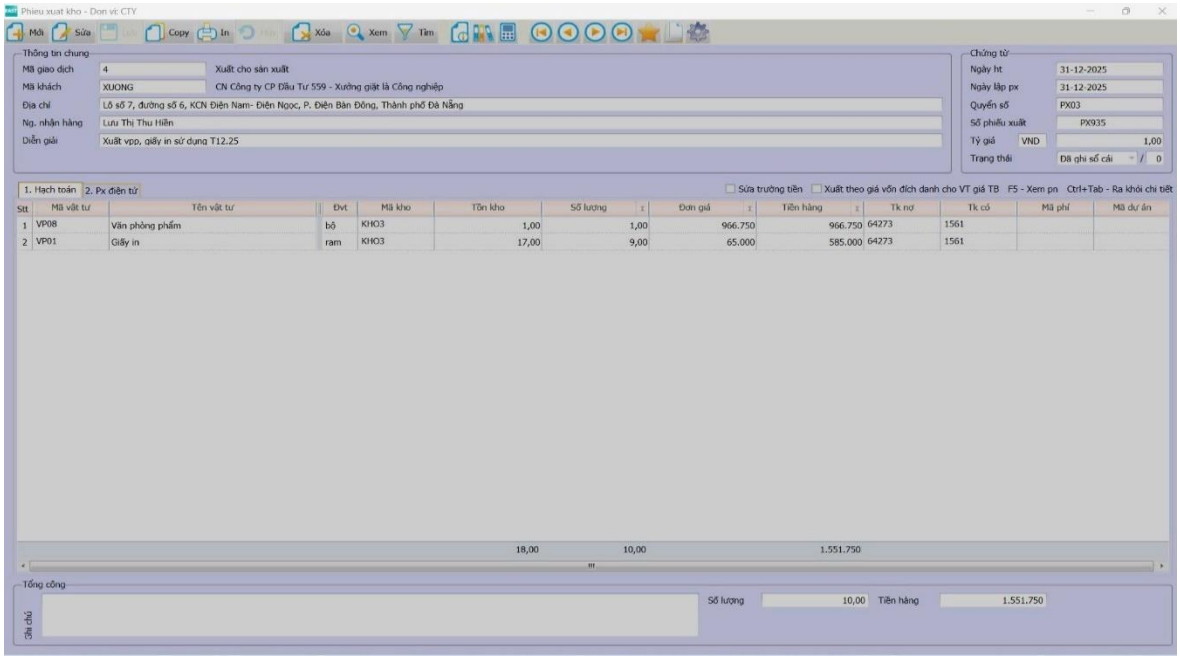

Hình ảnh 2.34 Phiếu xuất kho VPP

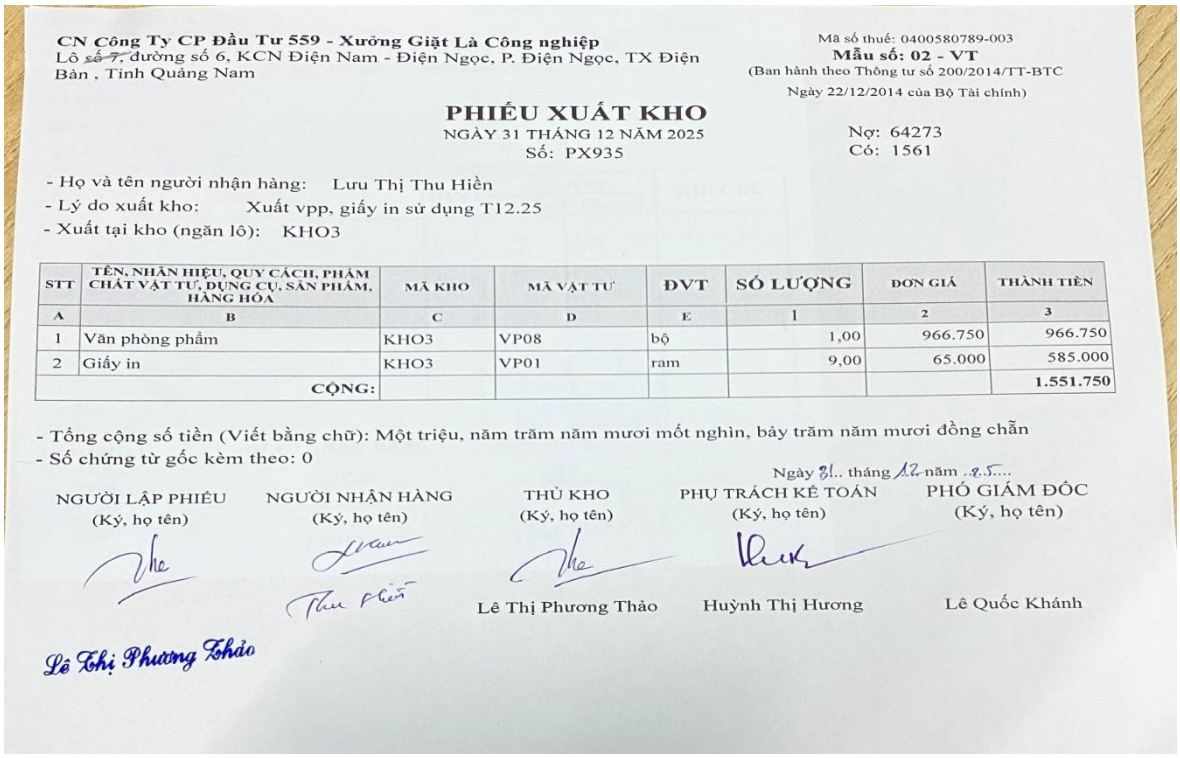

CN Công Ty CP Đầu Tư 559 - Xưởng Giặt Là Công nghiệp
Lô ~~số 7,~~ đường số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Ngọc, TX Điện Bàn , Tỉnh Quảng Nam

Mã số thuế: 0400580789-003
Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025
Số: PX935

Nợ: 64273
Có: 1561

- Họ và tên người nhận hàng: Lưu Thị Thu Hiền
- Lý do xuất kho: Xuất vpp, giấy in sử dụng T12.25
- Xuất tại kho (ngăn lô): KHO3

STT	TÊN, NHÃN HIỆU, QUY CÁCH, PHẨM CHẤT VẬT TƯ, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA	MÃ KHO	MÃ VẬT TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	B	C	D	E	1	2	3
1	Văn phòng phẩm	KHO3	VP08	bộ	1,00	966.750	966.750
2	Giấy in	KHO3	VP01	ram	9,00	65.000	585.000
	CỘNG:						1.551.750

- Tổng cộng số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu, năm trăm năm mươi mốt nghìn, bảy trăm năm mươi đồng chẵn
- Số chứng từ gốc kèm theo: 0

Ngày 31.. tháng 12 năm ..25....

NGƯỜI LẬP PHIẾU (Ký, họ tên)	NGƯỜI NHẬN HÀNG (Ký, họ tên)	THỦ KHO (Ký, họ tên)	PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN (Ký, họ tên)	PHÓ GIÁM ĐỐC (Ký, họ tên)
Lê Thị Phương Thảo		Lê Thị Phương Thảo	Huỳnh Thị Hương	Lê Quốc Khánh

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết, để mở sổ chi tiết TK 6421, TK 64271, 64273, 64274 Kế toán thực hiện thao tác: Vào Tổng hợp => Sổ sách kế toán => Sổ chi tiết một tài khoản => Gõ chọn TK chi tiết 6421, 64271, 64273 hoặc 64274 => Đồng ý.

Bảng biểu 2.12 Sổ chi tiết TK 6421

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Dùng cho TK 642
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 6421
Đối tượng: Chi phí nhân viên quản lý
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHXH tháng 10.2025 - vp	3383	19.599.965	
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHYT tháng 10.2025 - vp	3384	3.458.818	
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHTNLD tháng 10.2025 - vp	3383	576.468	
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHTN tháng 10.2025 - vp	3386	1.152.940	
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tính lương thời gian tháng 10.2025	3341	123.954.165	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 6421 - 911	911		148.742.356
			…			
30/11/2025	KT254	30/11/2025	Tính lương thời gian tháng 11.2025	3341	124.153.518	
30/11/2025	KT254	30/11/2025	Tính lương ngoài giờ văn phòng tháng 11.2025	3341	915.752	
			…			
			- Cộng số phát sinh	x	**553.820.369**	**553.820.369**
			Tổng cộng			

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ — *(Ký, họ tên)*
Kế toán trưởng — *(Ký, họ tên)*
Giám đốc — *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bảng biểu 2.13 Sổ chi tiết TK 64271

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Dùng cho TK 642
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 64271
Đối tượng: Chi phí dịch vụ mua ngoài: điện thoại
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
20/10/2025	UNC404	20/10/2025	TT tiền cước điện thoại và internet T9.2025	11212	802.619	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 64271 - 911	911		802.619
14/11/2025	UNC437	14/11/2025	TT tiền cước điện thoại và internet T10.2025	11212	816.126	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 642 - 911 64271 - 911	911		816.126
15/12/2025	UNC479	15/12/2025	TT tiền cước điện thoại và internet T11.2025- hđ 119725	11212	813.366	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 64271 - 911	911		813.366
			- Cộng số phát sinh	x	**2.432.111**	**2.432.111**
			Tổng cộng		**2.432.111**	**2.432.111**

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ — *(Ký, họ tên)*
Kế toán trưởng — *(Ký, họ tên)*
Giám đốc — *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bảng biểu 2.14 Sổ chi tiết TK 64273

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản

Dùng cho TK 642
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 64273
Đối tượng: Chi phí dịch vụ mua ngoài: VPP
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/10/2025	PX828	31/10/2025	Xuất VPP, giấy in T10.2025	1561	1.305.000	
31/10/2025	KT231	31/10/2025	P/b T10.2025 - VPP	24218	133.333	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 64273 - 911	911		1.438.333
30/11/2025	PX881	30/11/2025	Xuất VPP, giấy in T11.2025	1561	1.680.500	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 642 - 911 64273 - 911	911		1.680.500
31/12/2025	PX935	31/12/2025	Xuất VPP, giấy in T12.2025	1561	1.551.750	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 64273 - 911	911		1.551.750
			- Cộng số phát sinh	x	**4.670.583**	**4.670.583**
			Tổng cộng		**4.670.583**	**4.670.583**

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ — *(Ký, họ tên)*
Kế toán trưởng — *(Ký, họ tên)*
Giám đốc — *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bảng biểu 2.15 Sổ chi tiết TK 64274

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản

Dùng cho TK 642
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 64274
Đối tượng: Chi phí dịch vụ mua ngoài: phí ngân hàng
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
			…			
15/12/2025	UNC476	15/12/2025	Phí ck món 193.424.839 đồng (AIM)	11212	58.027	
15/12/2025	UNC477	15/12/2025	Phí ck món 43.117.920 đồng (Bao bì Bảo Toàn Phát)	11212	20.000	
15/12/2025	UNC478	15/12/2025	Phí ck món 253.080.422 đồng (Huỳnh Thành)	11212	10.000	
15/12/2025	UNC479	15/12/2025	Phí ck món 894.703 đồng	11212	10.000	
			…			
31/12/2025	UNC503	31/12/2025	Phí ck món 843.572.716 đồng	11211	10.000	
31/12/2025	UNC504	31/12/2025	Phí ck món 5.571.716 đồng	11212	10.000	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 64274-> 911	911		698.227
			- Cộng số phát sinh	x	**1.886.761**	**1.886.761**
			Tổng cộng		**1.886.761**	**1.886.761**

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ — *(Ký, họ tên)*
Kế toán trưởng — *(Ký, họ tên)*
Giám đốc — *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu vào phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày ở trang 78.

Sau khi lên Sổ Nhật Ký Chung số liệu sẽ được trích theo tài khoản Sổ Cái. Để mở Sổ Cái TK 642 " Chi phí quản lý doanh nghiệp " kế toán thực hiện thao tác: Vào Tổng hợp => Sổ sách kế toán => Sổ cái một tài khoản => Gõ chọn TK 642 => Đồng ý.

Bảng biểu 2.16 Sổ Cái TK 642

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 4 Năm 2025
Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Số hiệu : 642

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				**0**	**0**
			Số phát sinh trong kỳ					
			...					
02/10/2025	UNC384	02/10/2025	Chuyển tiền về cty 559			11211	10.000	
08/10/2025	UNC387	08/10/2025	Chuyển tiền về cty 559			11211	10.000	
08/10/2025	DV597	08/10/2025	Dầu diesel T10.2025			331111	944.444	
			…					
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHXH tháng 10.2025 - vp			3383	19.599.965	
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHYT tháng 10.2025 - vp			3384	3.458.818	
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHTNLD tháng 10.2025 - vp			3383	576.468	
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHTN tháng 10.2025 - vp			3386	1.152.940	
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tính lương thời gian tháng 10.2025			3341	123.954.165	
			…					
12/12/2025	DV720	12/12/2025	Dầu diesel T12.2025			331111	938.889	
15/12/2025	UNC470	15/12/2025	Chi tiền mua 6 vé tiệc giáng sinh			11212	5.575.556	
15/12/2025	UNC479	15/12/2025	TT tiền cước điện thoại và internet T11.2025- hđ 119725			11212	813.366	
15/12/2025	UNC479	15/12/2025	Phí ck món 894.703 đồng			11212	10.000	
			…					
31/12/2025	UNC504	31/12/2025	Phí ck món 5.571.893 đồng			11212	10.000	
31/12/2025	PX935	31/12/2025	Xuất vpp, giấy in sử dụng T12.2025			1561	1.551.750	
31/12/2025	PX936	31/12/2025	Xuất mực in brother dùng T12.2025			1561	462.962	
			…					
31/12/2025	KT287	31/12/2025	Điều chỉnh giảm chi phí kiểm định			33518		41.250.000
31/12/2025	KT	31/12/2025	Kết chuyển 642-911					575.242.096
			…					
			Cộng số phát sinh				**961.162.228**	**961.162.228**
			Số dư cuối kỳ				**0**	**0**

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Người đại diện theo pháp luật**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.5 Kế toán chi phí khác tại Chi nhánh

Đặc điểm Kế toán chi phí khác tại Chi nhánh

Chi phí khác phát sinh tại chi nhánh chủ yếu là các khoản chi mang tính chất không thường xuyên, bao gồm chi phí bồi thường và một số khoản chi chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện về chứng từ kế toán theo quy định.

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo Nợ.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Giấy đề nghị thanh toán.

- Hợp đồng kinh tế,…

b. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 811 – Chi phí khác.
  - TK 8111 – Chi phí phạt, bồi thường và CP khác.
  - TK 8112 – Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
  - TK 8113 – Lỗ do đánh giá lại tài sản.
  - TK 8118 – Chi phí khác.

c. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK 811.
- Sổ cái TK 811 và các tài khoản liên quan khác.

d. Kế toán chi phí khác tại chi nhánh

Trường hợp 1: Chi nhánh phát sinh chi phí vá lốp xe và thay lót dù xe tải (43C 08326).

Ngày 26/12/2025 Bộ phận giao nhận vá lốp xe và thay lót dù cho xe tải 43C08326 và nhận được hóa đơn bán lẻ, sau đó lập giấy đề nghị thanh toán để nhận lại tiền, Kế toán căn cứ hóa đơn bán hàng và giấy đề nghị thanh toán lập phiếu chi.

Xem hóa đơn bán lẻ tại phụ lục số 07.

Hình ảnh 2.35 Giấy đề nghị thanh toán

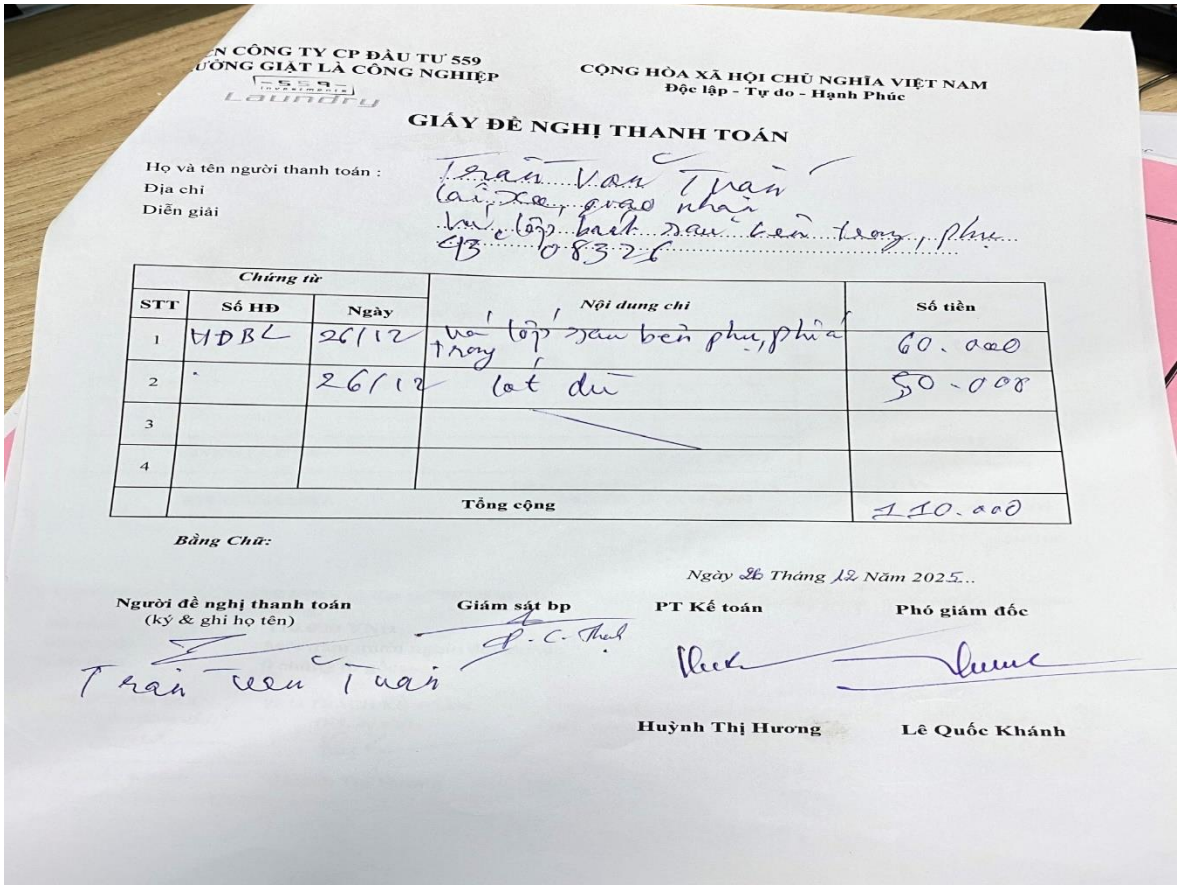

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ 559
ƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Họ và tên người thanh toán : Trần Văn Tuấn
Địa chỉ : Lái xe giao nhận
Diễn giải : vá lốp bánh sau bên trong phụ 43 08326

Chứng từ			Nội dung chi	Số tiền
STT	Số HĐ	Ngày		
1	HDBL	26/12	vá lốp sau bên phụ phía trong	60.000
2	.	26/12	lót dù	50.000
3				
4				
	Tổng cộng			110.000

Bằng Chữ:

Ngày 26 Tháng 12 Năm 2025

Người đề nghị thanh toán (ký & ghi họ tên)	Giám sát bp	PT Kế toán	Phó giám đốc
Trần Văn Tuấn		Huỳnh Thị Hương	Lê Quốc Khánh

Kế toán lập phiếu chi, chi tiền mặt thanh toán lại cho nhân viên bộ phận giao nhận Kế toán vào phân hệ Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay -> phiếu chi tiền mặt. Nhấn thêm " Mới" để nhập liệu, nhập các thông tin loại phiếu chi, thông tin chung, TK Nợ/Có, số tiền,…, nhấn "Lưu" để ghi sổ và in phiếu chi.

Hình ảnh 2.36 Giao diện phần mềm hạch toán chi tiền mặt

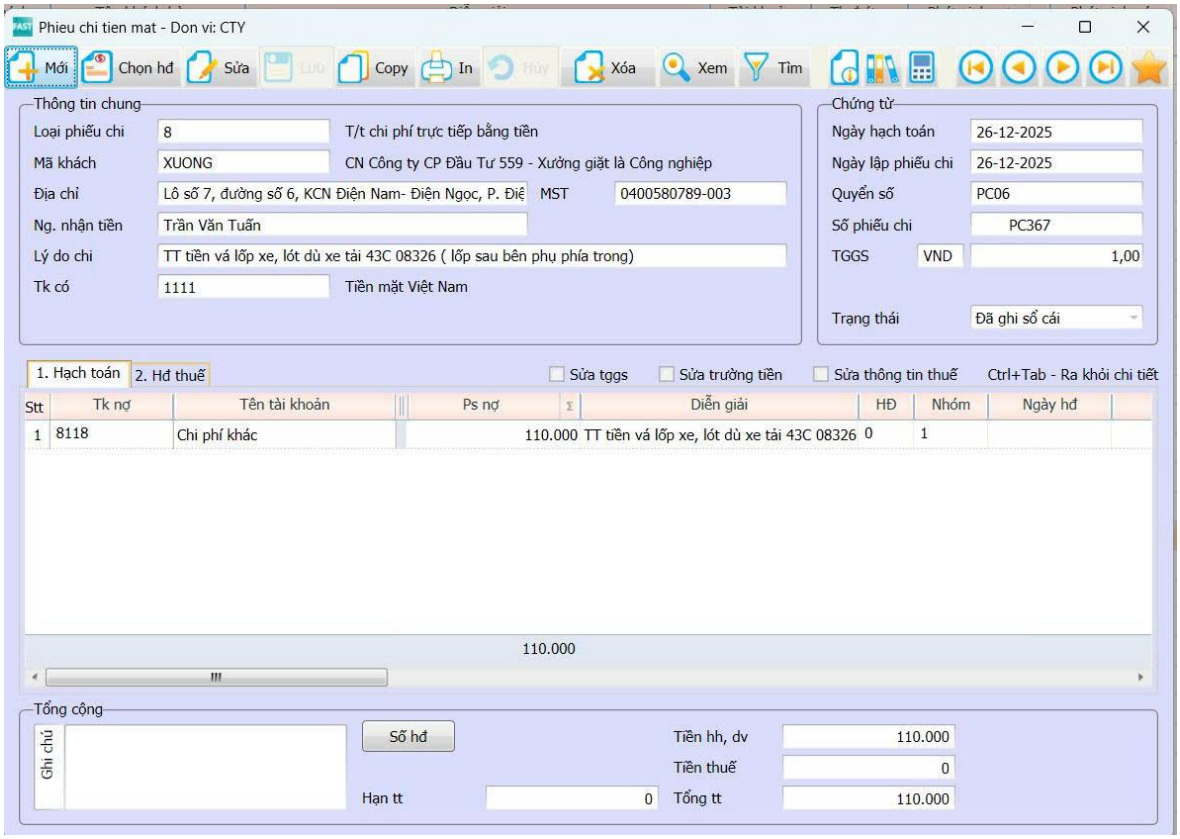

Hình ảnh 2.37 Phiếu chi vá lốp xe và thay lót dù xe tải

CN Công Ty CP Đầu Tư 559 - Xưởng Giặt Là Công nghiệp
Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Ngọc, TX Điện Bàn , Tỉnh Quảng Nam

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI
NGÀY 26 THÁNG 12 NĂM 2025

Liên số: 2
Quyển số: PC06
Số phiếu: PC367
Nợ: 8118 110.000
Có: 1111 110.000

Họ,tên người nhận tiền: Trần Văn Tuấn
Đơn vị: XUONG - CN Công ty CP Đầu Tư 559 - Xưởng giặt là Công nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, P. Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng
Lý do chi: TT tiền vá lốp xe, lót dù xe tải 43C 08326 (lốp sau bên phụ phía trong)
Số tiền: 110.000 VND
Bằng chữ: Một trăm mười nghìn đồng chẵn
Kèm theo: 0 chứng từ gốc:

Ngày 26 tháng 12 năm 25

PHÓ GIÁM ĐỐC	PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN	THỦ QUỸ	NGƯỜI LẬP PHIẾU	NGƯỜI NHẬN TIỀN
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Lê Quốc Khánh	Huỳnh Thị Hương	Thảo	Thảo	Thuấn

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): .....

Trường hợp 2: Chi nhánh phát sinh chi phí bồi thường hàng hư hỏng cho khách hàng.

Trong quá trình hoạt động, chi nhánh phát sinh sai sót dẫn đến hư hỏng hàng hóa là một rủi ro không thể tránh khỏi. Khi xảy ra sự cố, doanh nghiệp tiến hành lập biên bản xác nhận trách nhiệm và thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định nội bộ.

Hình ảnh 2.38 Biên bản xác nhận bồi thường hàng hư hỏng

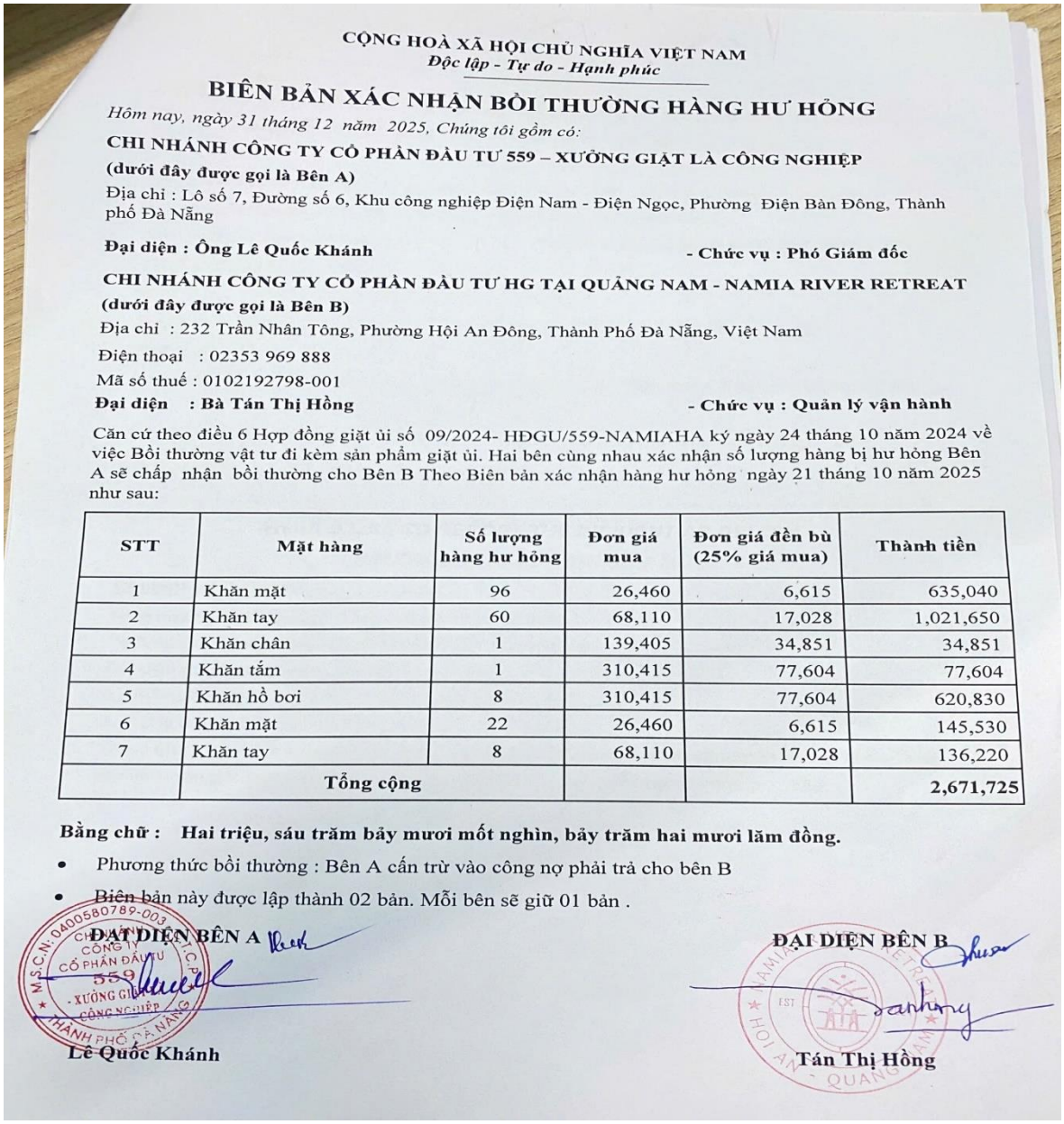

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN BỒI THƯỜNG HÀNG HƯ HỎNG

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2025, Chúng tôi gồm có:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559 – XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP
(dưới đây được gọi là Bên A)
Địa chỉ : Lô số 7, Đường số 6, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng

Đại diện : Ông Lê Quốc Khánh **- Chức vụ : Phó Giám đốc**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HG TẠI QUẢNG NAM - NAMIA RIVER RETREAT
(dưới đây được gọi là Bên B)
Địa chỉ : 232 Trần Nhân Tông, Phường Hội An Đông, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại : 02353 969 888
Mã số thuế : 0102192798-001
Đại diện : Bà Tán Thị Hồng **- Chức vụ : Quản lý vận hành**

Căn cứ theo điều 6 Hợp đồng giặt ủi số 09/2024- HĐGU/559-NAMIAHA ký ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc Bồi thường vật tư đi kèm sản phẩm giặt ủi. Hai bên cùng nhau xác nhận số lượng hàng bị hư hỏng Bên A sẽ chấp nhận bồi thường cho Bên B Theo Biên bản xác nhận hàng hư hỏng ngày 21 tháng 10 năm 2025 như sau:

STT	Mặt hàng	Số lượng hàng hư hỏng	Đơn giá mua	Đơn giá đền bù (25% giá mua)	Thành tiền
1	Khăn mặt	96	26,460	6,615	635,040
2	Khăn tay	60	68,110	17,028	1,021,650
3	Khăn chân	1	139,405	34,851	34,851
4	Khăn tắm	1	310,415	77,604	77,604
5	Khăn hồ bơi	8	310,415	77,604	620,830
6	Khăn mặt	22	26,460	6,615	145,530
7	Khăn tay	8	68,110	17,028	136,220
	Tổng cộng				**2,671,725**

Bằng chữ : Hai triệu, sáu trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng.

- Phương thức bồi thường : Bên A cấn trừ vào công nợ phải trả cho bên B
- Biên bản này được lập thành 02 bản. Mỗi bên sẽ giữ 01 bản .

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Lê Quốc Khánh **Tán Thị Hồng**

Phương thức bồi thường: Bên A cấn trừ vào công nợ phải trả cho bên B khoản bồi thường sẽ được ghi nhận vào chi phí khác của chi nhánh, đồng thời làm giảm khoản phải thu khách hàng.

Kế toán tiến hành lập phiếu ghi Nợ, ghi Có tài khoản công nợ: vào Tổng hợp -> chọn Phiếu kế toán -> chọn thêm "Mới" -> nhập các thông tin chung, bút toán Nợ/Có, số tiền,…-> nhấn "Lưu" và in phiếu kế toán lưu trữ tại chi nhánh.

Hình ảnh 2.39 Giao diện hạch toán phiếu kế toán CN59

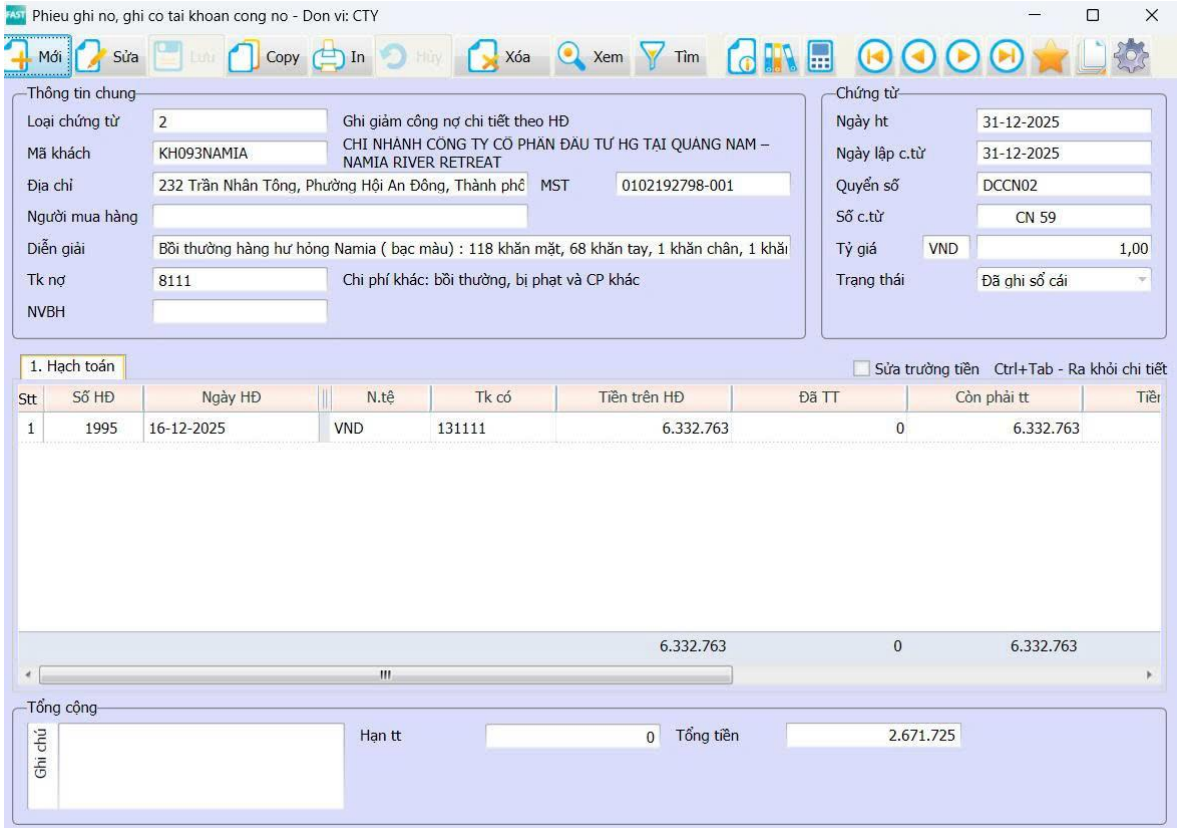

Hình ảnh 2.40 Phiếu ghi Nợ/Có tài khoản công nợ

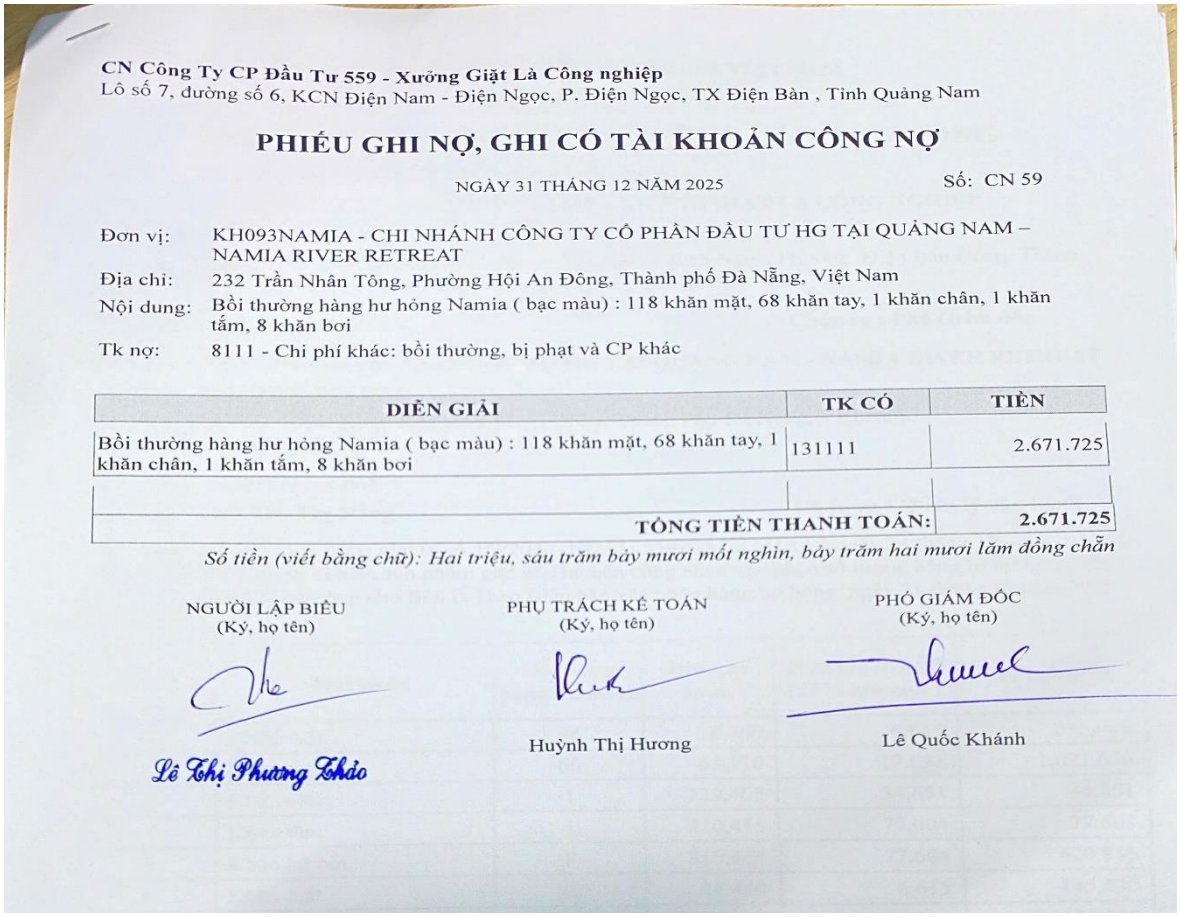

CN Công Ty CP Đầu Tư 559 - Xưởng Giặt Là Công nghiệp
Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Ngọc, TX Điện Bàn , Tỉnh Quảng Nam

PHIẾU GHI NỢ, GHI CÓ TÀI KHOẢN CÔNG NỢ

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025 Số: CN 59

Đơn vị: KH093NAMIA - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HG TẠI QUẢNG NAM – NAMIA RIVER RETREAT
Địa chỉ: 232 Trần Nhân Tông, Phường Hội An Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Nội dung: Bồi thường hàng hư hỏng Namia (bạc màu) : 118 khăn mặt, 68 khăn tay, 1 khăn chân, 1 khăn tắm, 8 khăn bơi
Tk nợ: 8111 - Chi phí khác: bồi thường, bị phạt và CP khác

DIỄN GIẢI	TK CÓ	TIỀN
Bồi thường hàng hư hỏng Namia (bạc màu) : 118 khăn mặt, 68 khăn tay, 1 khăn chân, 1 khăn tắm, 8 khăn bơi	131111	2.671.725
TỔNG TIỀN THANH TOÁN:		2.671.725

Số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu, sáu trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng chẵn

NGƯỜI LẬP BIỂU (Ký, họ tên)	PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN (Ký, họ tên)	PHÓ GIÁM ĐỐC (Ký, họ tên)
Lê Thị Phương Thảo	Huỳnh Thị Hương	Lê Quốc Khánh

Sau khi nhập liệu, số liệu sẽ vào sổ chi tiết, để mở sổ chi tiết TK 8111, 8118 Kế toán thực hiện thao tác: Vào Tổng hợp ⟶ Sổ sách kế toán ⟶ Sổ chi tiết một tài khoản Gõ chọn TK chi tiết 8111 hoặc 8118 ⟶ Đồng ý.

Bảng biểu 2.17 Sổ chi tiết TK 8111

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Dùng cho TK 811
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 8111
Đối tượng: Chi phí khác: bồi thường, bị phạt và CP khác
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/10/2025	CN46	31/10/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Tia Wellness	131111	1.794.550	
31/10/2025	CN47	31/10/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Sanouva	131111	166.950	
31/10/2025	CN48	31/10/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Nesta Hội An	131111	312350	
			…			
31/12/2025	CN58	31/12/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Minh Toàn Safi Ocean	131111	3.500.000	
31/12/2025	CN59	31/12/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Namia	131111	2.671.725	
31/12/2025	CN60	31/12/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Sanouva	131111	53.660	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 811 - 911 8111-> 911	911		6.969.296
			- Cộng số phát sinh	x	**19.713.766**	**19.713.766**
			Tổng cộng		**19.713.766**	**19.713.766**

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ — *(Ký, họ tên)*
Kế toán trưởng — *(Ký, họ tên)*
Giám đốc — *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bảng biểu 2.18 Sổ chi tiết TK 8118

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc,p. Điện Bàn Đông, TP. ĐN

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Dùng cho TK 811
Quý 4 Năm 2025

Tài khoản: 8118
Đối tượng: Chi phí khác
Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		**0**	**0**
			- Số phát sinh trong kỳ			
03/10/2025	PC303	03/10/2025	TT tiền vận chuyển ống nước	1111	100.000	
03/10/2025	PC303	03/10/2025	TT tiền in phiếu nhận củi	1111	130.000	
03/10/2025	PC303	03/10/2025	TT tiền mua chai OKAY tẩy rêu	1111	30.000	
			…			
19/12/2025	PC365	19/12/2025	TT tiền mua hoa, trái cây cúng	1111	160.000	
26/12/2025	PC367	26/12/2025	TT tiền vá lốp xe, lót dù xe tải 43C08326	1111	110.000	
			…			
30/12/2025	PKT264	30/12/2025	Lắp mới bóng đèn pha 30W	1411	125.000	
30/12/2025	PKT264	30/12/2025	Sửa bơm hóa chất xử lý nước thải	1411	85.000	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 811 - 911 8118-> 911	911		7.269.059
			- Cộng số phát sinh	x	**28.817.059**	**28.817.059**
			Tổng cộng		**28.817.059**	**28.817.059**

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm .....

Người ghi sổ — *(Ký, họ tên)*
Kế toán trưởng — *(Ký, họ tên)*
Giám đốc — *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Bên cạnh đó, sau khi nhập liệu vào phần mềm còn chuyển số liệu vào sổ nhật ký chung được trình bày ở trang 78.

Sau khi lên Sổ Nhật Ký Chung số liệu sẽ được trích theo tài khoản Sổ Cái. Để mở Sổ Cái TK 811 " Chi phí khác " kế toán thực hiện thao tác: Vào Tổng hợp →Sổ sách kế toán → Sổ cái một tài khoản → Gõ chọn TK 811 →Đồng ý.

Bảng biểu 2.19 Sổ Cái TK 811

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 4 Năm 2025
Tên tài khoản: Chi phí khác
Số hiệu : 811

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				**0**	**0**
			Số phát sinh trong kỳ					
03/10/2025	PC303	03/10/2025	TT tiền vận chuyển ống nước			1111	100.000	
03/10/2025	PC303	03/10/2025	TT tiền in phiếu nhận củi			1111	130.000	
03/10/2025	PC303	03/10/2025	TT tiền mua chai OKAY tẩy rêu			1111	30.000	
			…					
19/12/2025	PC365	19/12/2025	TT tiền mua hoa, trái cây cúng			1111	160.000	
26/12/2025	PC367	26/12/2025	TT tiền vá lốp xe, lót dù xe tải 43C08326			1111	110.000	
			…					
30/12/2025	PKT264	30/12/2025	Lắp mới bóng đèn pha 30W			14111	125.000	
30/12/2025	PKT264	30/12/2025	Sửa bơm hóa chất xử lý nước thải			14111	85.000	
31/12/2025	CN58	31/12/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Minh Toàn Safi Ocean			131111	3.500.000	
31/12/2025	CN59	31/12/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Namia			131111	2.671.725	
31/12/2025	CN60	31/12/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Sanouva			131111	53.660	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 811-911 8111->911			911		6.969.296
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 811-911 8118->911			911		7.269.059
			Cộng số phát sinh				**48.530.825**	**48.530.825**
			Số dư cuối kỳ				**0**	**0**

- Số này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Người đại diện theo pháp luật**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2.6 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi nhánh

Đặc điểm kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi nhánh

Chi nhánh không phải là đơn vị kê khai và nộp thuế độc lập mà nghĩa vụ thuế được thực hiện tập trung tại trụ sở chính. Do đó, chi nhánh chỉ có trách nhiệm tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát sinh trong kỳ, sau đó chuyển số liệu về công ty mẹ để tổng hợp và quyết toán thuế chung. Trong trường hợp này, chi nhánh thường không phát sinh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nên không hạch toán vào các tài khoản thuế như chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc lập tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính chủ yếu mang tính chất phục vụ quản lý nội bộ không làm phát sinh nghĩa vụ thuế thực tế tại chi nhánh. Nhìn chung, công tác kế toán tại chi nhánh tập trung vào việc phản ánh trung thực kết quả hoạt động

kinh doanh và duy trì mối quan hệ nội bộ với trụ sở chính, thay vì thực hiện đầy đủ quy trình kế toán thuế như một đơn vị độc lập.

a. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai thuế thu nhập tạm tính

b. Sổ sách sử dụng

- Chi nhánh không hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp nên không sử dụng các sổ như sổ nhật kí chung, sổ cái TK 821,..

c. Tài khoản sử dụng

- Chi nhánh không hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp nên không sử dụng các TK như TK 821, TK 3334

d. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại chi nhánh

Hình ảnh 2.41 Tờ khai tạm tính thuế TNDN Quý 4 Năm 2025

Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày

TỜ KHAI THUẾ TNDN TẠM TÍNH (MẪU SỐ 01A/TNDN)

(Dành cho người nộp thuế khai theo thu nhập thực tế phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2025

[02] Lần đầu: [X] **[03]** Bổ sung lần thứ: [ ] [] Doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa

[] Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

[04] Tên người nộp thuế: CN Công Ty CP Đầu Tư 559 - Xưởng Giặt Là Công nghiệp

[05] Mã số thuế: 0400580789-003

[06] Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc

[07] Quận/Huyện: **[08]** Tỉnh/Thành phố: Đà Nẵng

[09] Điện thoại: **[10]** Fax: **[11]** E-mail:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/Huyện: **[16]** Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại: **[18]** Fax: **[19]** E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu phát sinh trong kỳ	[21]	8,424,846,497
2	Chi phí phát sinh trong kỳ	[22]	9,232,916,453
3	Lợi nhuận phát sinh trong kỳ ([23]=[21]-[22])	[23]	(808,069,956)
4	Điều chỉnh tăng lợi nhuận theo pháp luật thuế	[24]	354,763,864
5	Điều chỉnh giảm lợi nhuận theo pháp luật thuế	[25]	-
6	Thu nhập chịu thuế ([26]=[23]+[24]-[25])	[26]	(453,306,092)
7	Thu nhập miễn thuế	[27]	-
8	Số lỗ chuyển kỳ này	[28]	-
9	Thu nhập tính thuế ([29]=[26]-[27]-[28])	[29]	(453,306,092)
9.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	[30]	(453,306,092)
9.2	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 22%	[31]	-
9.3	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất ưu đãi	[32]	-
	+ Thuế suất ưu đãi (%)	[32a]	-
9.4	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất khác	[33]	-
	+ Thuế suất khác (%)	[33a]	-
10	Thuế TNDN phát sinh [34] = ([30] x 20%) + ([31]x22%) + ([32] x [32a]) + ([33] x [33a])	[34]	-
11	Thuế TNDN dự kiến miễn, giảm	[35]	-
11.1	Trong đó: + số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định (nếu có)	[35a]	-
11.2	+ Miễn, giảm khác ngoài Luật Thuế TNDN (nếu có)	[35b]	-
12	Thuế TNDN phải nộp trong kỳ ([36]= [34]-[35])	[36]	-

[37] Đối tượng được gia hạn []

[37a] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo: [37b] Thời hạn được gia hạn:

[37c] Số thuế TNDN được gia hạn: 0

[37d] Số thuế TNDN không được gia hạn: 0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHẬN VIÊN ĐẠI LÝ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ghi chú: *- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp*

Hỗ trợ hạch toán MLNSNN

Hạch toán chỉ tiêu [36] vào mục 1050 tiểu mục 1052

Ngày 20 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi họ tên, chức vụ và đóng dấu

Lê Quốc Khánh

2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh

Đặc điểm kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh

Kết quả kinh doanh là kết quả đạt được cuối cùng từ việc hoạt động kinh doanh và cũng từ các hoạt động khác của Chi nhánh sau một thời gian nhất định, và nó được biểu hiện thông qua số tiền lãi hoặc lỗ.

2.2.3.1 Sổ sách kế toán sử dụng

- Phiếu kết chuyển.
- Sổ nhật ký chung - Sổ cái TK 911.
- Sổ chi tiết TK 911.

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

- TK 911 "Xác định kết quả hoạt động kinh doanh" - Các tài khoản liên quan: 421,511, 515, 521, 531,532,627, 632, 635 ,642, 711, 811, 821.

2.2.3.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh

Chi nhánh thực hiện kết chuyển xác định kết quả kinh doanh định kỳ vào cuối mỗi tháng: vào Tổng hợp => chọn bút toán tự động cuối kỳ => chọn Bút toán kết chuyển tự động => chọn Kỳ cần kết chuyển => nhấn Nhận để phần mềm tạo phiếu kế toán kết chuyển tự động.

Hình ảnh 2.42 Giao diện tạo bút toán tự động

Kéo một trường vào đây để nhóm theo trường đó.

Chọn	Stt	Tên bút toán	Tk nợ	Tk có	Loại KC	Kc theo dự án	Kc theo BPHT	Kc theo đ.hàng bán	Mã ĐVCS	Số c.từ 01
	4	kết chuyển 627-632	63214	627	1. Có --> Nợ	0	0	0	CTY	
	5	kết chuyển 632-911	911	6321	1. Có --> Nợ	0	0	0	CTY	
	7	kết chuyển 642-911	911	642	1. Có --> Nợ	0	0	0	CTY	
	8	kết chuyển 811-911	911	811	1. Có --> Nợ	0	0	0	CTY	
	9	kết chuyển 821-911	911	821	1. Có --> Nợ	0	0	0	CTY	
	10	kết chuyển 635-911	911	635	1. Có --> Nợ	0	0	0	CTY	
	11	kết chuyển 521-511	5113	521	1. Có --> Nợ	0	0	0	CTY	
	12	kết chuyển 531-511	5113	531	1. Có --> Nợ	0	0	0	CTY	
	13	kết chuyển 532-511	5113	532	1. Có --> Nợ	0	0	0	CTY	
	14	kết chuyển 511-911	5113	911	2. Nợ --> Có	0	0	0	CTY	
	15	kết chuyển 515-911	515	911	2. Nợ --> Có	0	0	0	CTY	
	16	kết chuyển 711-911	711	911	2. Nợ --> Có	0	0	0	CTY	
	17	kết chuyển 911-4212	911	4212	3. KC lãi lỗ	0	0	0	CTY	

Bảng biểu 2.20 Sổ Cái TK 911

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 4 Năm 2025
Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu : 911

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng	TK đối	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				**0**	**0**
			Số phát sinh trong kỳ					
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 632 - 911 63211 - 911			63211	267.972.760	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 632 - 911 632122 - 911			632122	7.117.500	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 632 - 911 632123 - 911			632123	1.136.471	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 632 - 911 63213 - 911			63213	42.160.285	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 632 - 911 63214 - 911			63214	2.365.094.181	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 6421 - 911			6421	148.742.356	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 64231 - 911			64231	6.175.667	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 64232 - 911			64232	4.325.786	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 64233 - 911			64233	1.469.244	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 64271 - 911			64271	802.619	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 64272 - 911			64272	240.961	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 64273 - 911			64273	1.438.333	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 64274 - 911			64274	628.173	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 64276 - 911			64276	3.750.000	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 642 - 911 6428 - 911			6428	2.859.259	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 811 - 911 8111 - 911			8111	2.615.780	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 811 - 911 8118 - 911			8118	16.206.000	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 511 - 911 51131 - 911			51131		2.892.717.414
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 5151 - 911 5151 - 911			5151		450.088
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 911 - 4212 911 - 4212			4212	20.432.127	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 632 - 911 63211 - 911			63211	237.415.899	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 632 - 911 632122 - 911			632122	5.777.000	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 632 - 911 632123 - 911			632123	1.557.883	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 632 - 911 63213 - 911			63213	36.021.066	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 632 - 911 63214 - 911			63214	2.232.481.635	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 642 - 911 6421 - 911			6421	153.357.461	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 642 - 911 64231 - 911			64231	6.175.667	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 642 - 911 64232 - 911			64232	3.879.234	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 642 - 911 64233 - 911			64233	1.035.057	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 642 - 911 64271 - 911			64271	816.126	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 642 - 911 64272 - 911			64272	132.402	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 642 - 911 64273 - 911			64273	1.680.500	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 642 - 911 64274 - 911			64274	560.361	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 642 - 911 64276 - 911			64276	3.750.000	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 642 - 911 6428 - 911			6428	2.850.926	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 811 - 911 8111 - 911			8111	10.128.690	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 811 - 911 8118 - 911			8118	5.342.000	
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 511 - 911 51131 - 911			51131		2.534.745.677
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 5151 - 911 5151 - 911			5151		241.633
30/11/2025	PKT	30/11/2025	Kết chuyển 911 - 4212 911 - 4212			4212		167.974.597
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 632 - 911 63211 - 911			63211	260.869.010	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 632 - 911 632122 - 911			632122	5.537.499	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 632 - 911 632123 - 911			632123	2.014.244	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 632 - 911 63213 - 911			63213	41.375.000	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 632 - 911 63214 - 911			63214	2.729.116.380	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 6421 - 911			6421	251.720.552	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 64231 - 911			64231	6.175.667	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 64232 - 911			64232	11.368.208	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 64233 - 911			64233	1.431.531	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 6426 - 911			6426	326.655.711	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 64271 - 911			64271	813.366	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 64272 - 911			64272	104.400	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 64273 - 911			64273	1.551.750	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 64274 - 911			64274	698.227	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 64276 - 911			64276	-37.500.000	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 642 - 911 6428 - 911			6428	12.222.684	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 811 - 911 8111 - 911			8111	6.969.296	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 811 - 911 8118 - 911			8118	7.269.059	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 511 - 911 51131 - 911			51131		3.231.032.488
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 5151 - 911 5151 - 911			5151		315.718
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 711 - 911 7118 - 911			7118		1
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 911 - 4212 911 - 4212			4212		397.044.427
			Cộng số phát sinh				**9.224.522.043**	**9.224.522.043**
			Số dư cuối kỳ				**0**	**0**

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Người đại diện theo pháp luật**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình ảnh 2.43 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 4 Năm 2025

CN Công Ty CP Đầu Tư 559 - Xưởng Giặt Là Công nghiệp
Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, P. Điện Ngọc, TX Điện Bàn , Tỉnh Quảng Nam

Mẫu số: B 02 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TỪ NGÀY: 01-10-2025 ĐẾN NGÀY: 31-12-2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.25**	**8.658.495.579**	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**8.658.495.579**	
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.27**	**8.235.646.863**	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11)	**20**		**422.848.716**	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	**VI.26**	**1.007.439**	
7. Chi phí tài chính	**22**	**VI.28**		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	**24**			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**919.912.228**	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	**30**		**(496.056.073)**	
11. Thu nhập khác	**31**		**1**	
12. Chi phí khác	**32**		**48.530.825**	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(48.530.824)**	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**(544.586.897)**	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**VI.30**		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**VI.30**		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**(544.586.897)**	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**			

Lập, ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU	PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN	PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng biểu 2.21 SỔ NHẬT KÝ CHUNG Quý 4 Năm 2025

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý 4 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
01/10/2025	MN620	01/10/2025	Nhập mua củi đốt lò			15231	10.308.641	
01/10/2025	MN620	01/10/2025	Nhập mua củi đốt lò			33518		10.308.641
01/10/2025	MN621	01/10/2025	Nhập mua biến tầng máy giặt			15342	25.000.000	
01/10/2025	MN621	01/10/2025	Nhập mua biến tầng máy giặt			33518		25.000.000
01/10/2025	PX774	01/10/2025	Xuất sử dụng bao nilon T10.2025			63213	2.700.000	
01/10/2025	PX774	01/10/2025	Xuất sử dụng bao nilon T10.2025			15224		2.700.000
			…					
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tính lương thời gian tháng 10.2025 - Xưởng			6271	599.508.316	
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tính lương thời gian tháng 10.2025 - Xưởng			3341		599.508.316
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tiền công nấu ăn + phục vụ bếp tháng 10.2025			6271	8.571.429	
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tiền công nấu ăn + phục vụ bếp tháng 10.2025			3341		8.571.429
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tính lương ngoài giờ tháng 10.2025 - Xưởng			6271	134.865.096	
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tính lương ngoài giờ tháng 10.2025 - Xưởng			3341		134.865.096
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Thực phẩm nấu ăn cho nhân viên tháng 10.2025			6271	37.505.120	
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Thực phẩm nấu ăn cho nhân viên tháng 10.2025			33518		37.505.120
31/10/2025	PX822	31/10/2025	Xuất củi đốt lò tháng 10.2025			62721	589.484.967	
31/10/2025	PX822	31/10/2025	Xuất củi đốt lò tháng 10.2025			15231		589.484.967
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 6271 - 63214			63214	904.751.926	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 6271 - 63214			6271		904.751.926
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 62721 - 63214			63214	589.484.967	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 627 - 632 62721 - 63214			62721		589.484.967
			…					
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHXH tháng 10.2025 - vp			6421	19.599.965	
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHXH tháng 10.2025 - vp			3383		19.599.965
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHYT tháng 10.2025 - vp			6421	3.458.818	
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHYT tháng 10.2025 - vp			3384		3.458.818
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHTNLĐ tháng 10.2025 - vp			6421	576.468	
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHTNLĐ tháng 10.2025 - vp			3383		576.468
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHTN tháng 10.2025 - vp			6421	1.152.940	
31/10/2025	KT224	31/10/2025	Tính BHTN tháng 10.2025 - vp			3386		1.152.940
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tính lương thời gian tháng 10.2025			6421	123.954.165	
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tính lương thời gian tháng 10.2025			3341		123.954.165
			…					
01/11/2025	PC326	01/11/2025	TT tiền lương nhân viên thuê ngoài			6271	1.925.000	
01/11/2025	PC326	01/11/2025	TT tiền lương nhân viên thuê ngoài			1111		1.925.000
01/11/2025	BC451	01/11/2025	Khách lẻ TT tiền giặt			11211	4.067.569	
01/11/2025	BC451	01/11/2025	Khách lẻ TT tiền giặt			131111		4.067.569
01/11/2025	BC452	01/11/2025	Khách lẻ TT tiền giặt			11211	1.001.474	
01/11/2025	BC452	01/11/2025	Khách lẻ TT tiền giặt			131111		1.001.474
01/11/2025	MN668	01/11/2025	Nhập mua củi đốt lò			15231	30.925.924	
01/11/2025	MN668	01/11/2025	Nhập mua củi đốt lò			33518		30.925.924
			…					
06/12/2025	MN726	06/12/2025	Nhập mua củi đốt lò			15231	20.517.682	
06/12/2025	MN726	06/12/2025	Nhập mua củi đốt lò			33518		20.517.682
06/12/2025	PX895	06/12/2025	Xuất sử dụng bao nilon T12.2025			63213	1.044.000	
06/12/2025	PX895	06/12/2025	Xuất sử dụng bao nilon T12.2025			15224		1.044.000
06/12/2025	PX896	06/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T12.2025			632122	895.000	
06/12/2025	PX896	06/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T12.2025			15222		895.000
06/12/2025	PX896	06/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T12.2025			632123	251.780	
06/12/2025	PX896	06/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T12.2025			15223		251.780
			…					
15/12/2025	UNC479	15/12/2025	TT tiền cước điện thoại & internet T11.2025 hđ 119725			64271	813.366	
15/12/2025	UNC479	15/12/2025	TT tiền cước điện thoại & internet T11.2025 hđ 119725			64274	10.000	
15/12/2025	UNC479	15/12/2025	TT tiền cước điện thoại & internet T11.2025 hđ 119725			13311	82.337	
15/12/2025	UNC479	15/12/2025	TT tiền cước điện thoại & internet T11.2025 hđ 119725			11212		905.703
15/12/2025	UNC480	15/12/2025	TT tiền mua ổ cứng và bộ vi xử lý - hđ 62			331111	19.464.300	
15/12/2025	UNC480	15/12/2025	TT tiền mua ổ cứng và bộ vi xử lý - hđ 62			11212		19.464.300
			…					
19/12/2025	2002	19/12/2025	Giặt ủi T12.2025 - SANOUVA			131111	19.697.559	
19/12/2025	2002	19/12/2025	Giặt ủi T12.2025 - SANOUVA			51131		18.238.481
19/12/2025	2002	19/12/2025	Giặt ủi T12.2025 - SANOUVA			33311		1.459.078
19/12/2025	2003	19/12/2025	Giặt ủi T12.2025 - SEAFRONT			131111	13.676.348	
19/12/2025	2003	19/12/2025	Giặt ủi T12.2025 - SEAFRONT			51131		12.663.285
19/12/2025	2003	19/12/2025	Giặt ủi T12.2025 - SEAFRONT			33311		1.013.063
			…					

26/12/2025	PC367	26/12/2025	TT tiền vá lốp xe, lót dù xe tải 43C 08326			8118	110.000	
26/12/2025	PC367	26/12/2025	TT tiền vá lốp xe, lót dù xe tải 43C 08326			1111		110.000
26/12/2025	BC517	26/12/2025	Diamond sea tt công nợ T09.2025			11211	139.483.731	
26/12/2025	BC517	26/12/2025	Diamond sea tt công nợ T09.2025			131111		139.483.731
			…					
29/12/2025	2072	29/12/2025	Giặt ủi T12.2025 - CICILIA			131111	52.023.272	
29/12/2025	2072	29/12/2025	Giặt ủi T12.2025 - CICILIA			51131		48.169.696
29/12/2025	2072	29/12/2025	Giặt ủi T12.2025 - CICILIA			33311		3.853.576
29/12/2025	2073	29/12/2025	Giặt ủi T12.2025 - TUONG			131111	243.000	
29/12/2025	2073	29/12/2025	Giặt ủi T12.2025 - TUONG			51131		225.000
29/12/2025	2073	29/12/2025	Giặt ủi T12.2025 - TUONG			33311		18.000
			…					
30/12/2025	PX929	30/12/2025	Xuất sử dụng chất giặt tẩy AIM T12.2025			63211	247.937.760	
30/12/2025	PX929	30/12/2025	Xuất sử dụng chất giặt tẩy AIM T12.2025			1521		247.937.760
30/12/2025	PX930	30/12/2025	Xuất sử dụng chất giặt tẩy ngâm AIM T12.2025			63211	12.931.250	
30/12/2025	PX930	30/12/2025	Xuất sử dụng chất giặt tẩy ngâm AIM T12.2025			1521		12.931.250
			…					
31/12/2025	BC534	31/12/2025	Lãi TGNH T12.2025 -TK 076			11211	17.198	
31/12/2025	BC534	31/12/2025	Lãi TGNH T12.2025 -TK 076			5151		17.198
31/12/2025	BC545	31/12/2025	Lãi TGNH T12.2025 -TK 078			11212	298.520	
31/12/2025	BC545	31/12/2025	Lãi TGNH T12.2025 -TK 078			5151		298.520
			…					
31/12/2025	PX934	31/12/2025	Xuất sử dụng sổ bill T12.2025			62774	3.262.019	
31/12/2025	PX934	31/12/2025	Xuất sử dụng sổ bill T12.2025			1531		3.262.019
31/12/2025	PX935	31/12/2025	Xuất sử dụng vpp, giấy in T12.2025			64273	1.551.750	
31/12/2025	PX935	31/12/2025	Xuất sử dụng vpp, giấy in T12.2025			1561		1.551.750
			…					
31/12/2025	CN59	31/12/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Namia			8111	2.671.725	
31/12/2025	CN59	31/12/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Namia			131111		2.671.725
31/12/2025	CN60	31/12/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Sanouva			8111	53.660	
31/12/2025	CN60	31/12/2025	Bồi thường hàng hư hỏng KS Sanouva			131111		53.660
			…					
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x	**88.315.778.578**	**88.315.778.578**

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Người đại diện theo pháp luật**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 559- XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP

3.1 Nhận xét và đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

3.1.1 Nhận xét chung

Nhìn chung, bộ máy kế toán đặc biệt là công tác Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp đã được tổ chức tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu quản lý tài chính và phù hợp với quy mô hoạt động của đơn vị. Hệ thống chứng từ và quy trình kế toán cơ bản tuân thủ các quy định hiện hành, góp phần cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, chi nhánh có đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn tương đối vững, nắm bắt được các quy định về chế độ kế toán và thuế hiện hành, góp phần đảm bảo số liệu kế toán có độ tin cậy cao. Công tác lưu trữ chứng từ được thực hiện khá đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Mối quan hệ phối hợp giữa bộ phận kế toán với các bộ phận khác như HC-NS, giao nhận, bộ phận xưởng cũng tương đối chặt chẽ, giúp việc ghi nhận doanh thu và chi phí được kịp thời và chính xác hơn.

3.1.2 Ưu điểm

Về tổ chức bộ máy kế toán: Tổ chức bộ máy kế toán của Chi nhánh được tổ chức tương đối hợp lý, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động của đơn vị, đảm bảo tuân thủ các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Về quy trình luân chuyển chứng từ: Quy trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận được thiết lập khá rõ ràng, giúp đảm bảo tính liên kết và nhất quán trong việc ghi nhận doanh thu và chi phí. Bên cạnh đó, Chi nhánh đã có sự ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác ghi chép và tổng hợp số liệu, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý thông tin, giảm thiểu khối lượng công việc thủ công.

Về hệ thống tài khoản: Hệ thống tài khoản dùng để phản ánh nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối đầy đủ, đúng chế độ, chứng từ kế toán theo quy định, trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý.

Bên cạnh đó, thông tin kế toán được cập nhật và báo cáo định kỳ theo tháng/quý giúp Ban giám đốc theo dõi kết quả kinh doanh, tỷ lệ tăng trưởng doanh thu và tình hình

công nợ khách hàng. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc ra quyết định quản lý và định hướng phát triển dịch vụ.

3.1.3 Nhược điểm

3.1.3.1 Về ghi nhận doanh thu của Chi nhánh

Thời điểm ghi nhận doanh thu trong các trường hợp (khách hàng hợp đồng dài hạn) chưa thực sự phù hợp với nguyên tắc ghi nhận doanh thu theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Do đặc thù Chi nhánh thực hiện xuất hóa đơn theo chu kỳ định kỳ (7 ngày xuất hóa đơn một lần), doanh thu thường được ghi nhận theo thời điểm lập hóa đơn, trong khi dịch vụ giặt là đã được hoàn thành và bàn giao cho khách hàng trước đó. Cách ghi nhận này có thể dẫn đến việc doanh thu chưa phản ánh đúng kỳ kế toán phát sinh, ảnh hưởng đến tính kịp thời và chính xác của thông tin kế toán. ***(Được mô tả ở phần kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh).***

3.1.3.2 Về chứng từ ở kế toán giá vốn hàng bán

Chi nhánh áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên đối với hàng tồn kho. Tuy nhiên, đối với nguyên vật liệu củi đốt phục vụ cho hoạt động giặt là, đơn vị chưa thực hiện lập phiếu xuất kho tại thời điểm phát sinh mà đến cuối kỳ mới tiến hành kiểm kê và lập phiếu xuất kho tổng hợp. Việc này làm cho số liệu tồn kho trong kỳ chưa phản ánh kịp thời tình hình sử dụng thực tế, gây khó khăn trong công tác kiểm soát mức tiêu hao nguyên vật liệu và chưa đảm bảo nguyên tắc ghi nhận thường xuyên, kịp thời của phương pháp kê khai thường xuyên. ***(Được mô tả ở phần kế toán giá vốn hàng bán tại Chi nhánh).***

3.1.3.3 Về phân loại khoản mục cấu thành chi phí giá vốn hàng bán

Chi nhánh thực hiện hạch toán trực tiếp một số khoản chi phí như hóa chất ECOLAB, hóa chất phụ,... vào TK 632 và một số khoản chi phí phục vụ chung cho phân xưởng như củi đốt, tiền lương nhân viên phân xưởng vào TK 627 sau đó kết chuyển sang TK 63214. Cách hạch toán này giúp đơn giản hóa công tác kế toán, tuy nhiên chưa phản ánh rõ cơ cấu chi phí theo từng khoản mục, gây khó khăn cho việc kiểm soát và phân tích chi phí dịch vụ.***(Được mô tả ở phần kế toán giá vốn hàng bán tại Chi nhánh).***

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp

3.2.1 Về ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Để khắc phục hạn chế trong việc ghi nhận doanh thu chưa phù hợp với thời điểm hoàn thành dịch vụ, chi nhánh cần thực hiện ghi nhận doanh thu theo nguyên tắc cơ sở dồn tích, tức là ghi nhận tại thời điểm dịch vụ đã hoàn thành và bàn giao cho khách

hàng, không phụ thuộc vào thời điểm xuất hóa đơn. Trường hợp khách hàng ký hợp đồng dài hạn và xuất hóa đơn định kỳ, kế toán có thể thực hiện bút toán ghi nhận doanh thu tạm tính theo từng lần hoàn thành dịch vụ, sau đó đối chiếu và điều chỉnh khi xuất hóa đơn chính thức. Đồng thời, chi nhánh cần tăng cường phối hợp giữa bộ phận kế toán và bộ phận vận giao nhận nhằm cập nhật kịp thời thông tin về tiến độ và khối lượng dịch vụ đã hoàn thành. Việc ứng dụng phần mềm quản lý để theo dõi chi tiết từng đơn hàng/dịch vụ cũng góp phần đảm bảo doanh thu được ghi nhận đúng kỳ, nâng cao tính chính xác và minh bạch của thông tin kế toán.

3.2.2 Về chứng từ ở kế toán giá vốn hàng bán

Chi nhánh cần thực hiện lập phiếu xuất kho đối với củi đốt tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ xuất dùng nhằm đảm bảo phản ánh kịp thời tình hình sử dụng nguyên vật liệu. Đồng thời, kế toán cần phối hợp với bộ phận kho theo dõi số lượng xuất dùng thực tế để cập nhật số liệu thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hàng tồn kho, hạn chế chênh lệch giữa thực tế và sổ sách kế toán, đồng thời đảm bảo tuân thủ nguyên tắc của phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi nhánh có thể lập phiếu xuất kho sau mỗi lần xuất theo mẫu sau:

Hình ảnh 3.1 Phiếu xuất kho đề xuất

CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, P. Điện Ngọc,
TX Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

Mã số thuế: 0400580789-003
Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 05 Tháng 10 Năm 2025 Nợ: 62721
Số: PX801 Có: 1523

- Họ và tên người nhận hàng:
- Lý do xuất kho:
- Xuất tại kho: KHO1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã kho	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3
1	Củi đốt lò (Huỳnh Thành)	KHO1	CUI3	m3	300	489.002	149.400.600
CỘNG							149.400.600

- Tổng cộng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm nghìn, sáu trăm đồng chẵn
- Số chứng từ gốc kèm theo: 0

Người Lập Phiếu	Người Nhận Hàng	Thủ Kho	Phụ Trách Kế Toán	Phó Giám Đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

3.2.3 Về phân loại khoản mục cấu thành chi phí giá vốn hàng bán

Chi nhánh nên thực hiện phân loại các khoản mục chi phí gồm: Chi phí NVLTT (TK 621), chi phí nhân công trực tiếp (TK 622), chi phí sản xuất chung (TK 627) rồi sau đó kết chuyển vào TK 632 nhằm nâng cao hiệu quả và cung cấp thông tin cụ thể về các khoản mục cấu thành nên chi phí giá vốn hàng bán. Cụ thể:

TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: phản ánh các chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động giặt là như hóa chất ECOLAB, hóa chất CLEANCHEM, xà phòng, bao ni lông, hóa chất giặt khô, hóa chất tẩy điểm.

TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp: phản ánh tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất dịch vụ tại xưởng.

TK 627 – Chi phí sản xuất chung: phản ánh các chi phí phục vụ và quản lý chung tại xưởng như củi đốt, muối súc bồn, dầu nhen, điện, nước, khấu hao TSCĐ, chi phí sửa chữa máy móc, chi phí nhiên liệu lò hơi, công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài,…

Bảng biểu 3.1 Sổ cái TK 621

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 4 Năm 2025
Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Số hiệu : 621

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				**0**	**0**
			Số phát sinh trong kỳ					
			…					
06/12/2025	PX896	06/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T12.2025			15222	895.000	
06/12/2025	PX896	06/12/2025	Xuất sử dụng xà phòng + hồ ủi T12.2025			15223	251.780	
			…					
30/12/2025	PX930	30/12/2025	Xuất sử dụng hóa chất giặt tẩy ngâm AIM T12.2025			1521	12.931.250	
			…					
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 6211 - 632			632		260.869.010
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 6214 - 632			632		5.537.499
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 6215 - 632			632		2.014.244
			…					
			Cộng số phát sinh				**908.954.617**	**908.954.617**
			Số dư cuối kỳ					

- Số này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) | **Người đại diện theo pháp luật** (Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng biểu 3.2 Sổ cái TK 622

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 4 Năm 2025
Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp
Số hiệu : 622

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				**0**	**0**
			Số phát sinh trong kỳ					
			…					
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tính lương thời gian tháng 10.2025 - Xưởng			3341	599.508.316	
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tiền công nấu ăn + phục vụ bếp tháng 10.2025			3341	8.571.429	
31/10/2025	KT227	31/10/2025	Tính lương ngoài giờ tháng 10.2025 - Xưởng			3341	134.865.096	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 622 - 632			632		904.751.926
			…					
			Cộng số phát sinh				**3.043.312.724**	**3.043.312.724**
			Số dư cuối kỳ				**0**	**0**

- Số này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) | **Người đại diện theo pháp luật** (Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng biểu 3.3 Sổ cái TK 627

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, TP Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 4 Năm 2025
Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung
Số hiệu : 627

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				**0**	**0**
			Số phát sinh trong kỳ					
			…					
31/10/2025	PX822	31/10/2025	Xuất củi đốt lò tháng 10.2025			15231	589.484.967	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 6271 - 632			632		589.484.967
			…					
31/12/2025	PX938	31/12/2025	Xuất muối súc bồn sử dụng T12.25			1528	3.513.650	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 6272 - 632			632		3.513.650
			…					
			Cộng số phát sinh				**4.283.379.522**	**4.283.379.522**
			Số dư cuối kỳ				**0**	**0**

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) | **Người đại diện theo pháp luật** (Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng biểu 3.4 Sổ cái TK 632

Đơn vị: CN Công ty CP Đầu Tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp
Địa chỉ: Lô số 7, đường số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông,

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 4 Năm 2025
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Số hiệu : 632

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				**0**	**0**
			Số phát sinh trong kỳ					
			…					
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 622 - 632			622	904.751.926	
31/10/2025	PKT	31/10/2025	Kết chuyển 6271 - 632			6271	589.484.967	
			…					
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 6211 - 632			6211	260.869.010	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 6214 - 632			6214	5.537.499	
31/12/2025	PKT	31/12/2025	Kết chuyển 6215 - 632			6215	2.014.244	
			…					
			Cộng số phát sinh				**8.235.646.863**	**8.235.646.863**
			Số dư cuối kỳ				**0**	**0**

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) | **Người đại diện theo pháp luật** (Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾT LUẬN

Sau thời gian thực tập tại chi nhánh Công ty Cổ phần đầu tư 559 – Xưởng Giặt Là Công Nghiệp, em đã có cơ hội tiếp cận môi trường làm việc thực tế, vận dụng kiến thức đã học vào công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dịch vụ và các phần hành kế toán liên quan. Qua quá trình quan sát, hỗ trợ và học hỏi từ các anh/chị trong bộ phận kế toán, em rút ra được một số bài học kinh nghiệm như sau:

* Về kiến thức chuyên môn

Đợt thực tập giúp em củng cố lại những kiến thức đã học trên giảng đường như: cách luân chuyển chứng từ kế toán, phân loại tài khoản và hạch toán các nghiệp vụ phát sinh. Em cũng hiểu rõ hơn về quy trình cung cấp dịch vụ giặt là từ khâu tiếp nhận – xử lý – giao trả đến lập hóa đơn và thu tiền. Qua đó, em nhận thấy tầm quan trọng của việc hạch toán chính xác, đầy đủ và kịp thời để phản ánh đúng tình hình hoạt động kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc ra quyết định.

* Về kỹ năng thực tế

Thực tập đã giúp em hình thành nhiều kỹ năng làm việc cần thiết như: kiểm tra đối chiếu chứng từ, nhập liệu trên phần mềm kế toán, lập bảng theo dõi doanh thu công nợ khách hàng, lưu trữ hồ sơ và phối hợp giữa các bộ phận. Em học được cách xử lý tình huống phát sinh, trao đổi công việc rõ ràng, cũng như cách tổ chức thời gian và phân loại công việc để đảm bảo tiến độ. Bên cạnh đó, em có cơ hội tiếp xúc với các biểu mẫu, chứng từ thực tế mà trước đây chỉ biết qua lý thuyết, từ đó hiểu rõ yêu cầu cẩn trọng và chính xác trong lĩnh vực kế toán.

* Về ý thức nghề nghiệp

Đợt thực tập giúp em nhận thức sâu sắc rằng nghề kế toán đòi hỏi tính trung thực, cẩn thận, tuân thủ pháp luật và nguyên tắc bảo mật thông tin. Mỗi số liệu kế toán đều có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và quyết định quản trị, vì vậy người làm kế toán phải có tinh thần trách nhiệm cao, không được chủ quan hay làm việc thiếu kiểm soát. Em cũng học được thái độ nghiêm túc trong công việc, tinh thần hỗ trợ lẫn nhau và tôn trọng quy trình quản lý nội bộ của đơn vị.

Nhìn chung, đợt thực tập là trải nghiệm quan trọng giúp em củng cố chuyên môn, hoàn thiện kỹ năng và định hình thái độ nghề nghiệp đúng đắn. Những bài học này sẽ là nền tảng để em tiếp tục rèn luyện và phát triển trong chặng đường làm việc thực tế sau này.

Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian nghiên cứu và kinh nghiệm thực tiễn, khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý

kiến của quý thầy cô và các anh/chị tại đơn vị để bài nghiên cứu được hoàn thiện hơn. Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của giảng viên hướng dẫn và sự hỗ trợ của đơn vị thực tập đã giúp hoàn thành khóa luận này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu kế toán của chi nhánh công ty Cổ phần đầu tư 559- Xưởng Giặt Là Công Nghiệp.

2. Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3. Các văn bản: luật kế toán, các thông tư và nghị định.

4. Một số khóa luận tốt nghiệp của Anh/Chị sinh viên khóa trước.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN ……..

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày ….. tháng …… năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, ……, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- **Các công cụ AI đã sử dụng:**

.....
.....
.....

- **Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

.....
.....
.....

- **Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

.....
.....

.....

.....

.....

- **Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.**
    - ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____

PHỤ LỤC

Phụ lục số 01

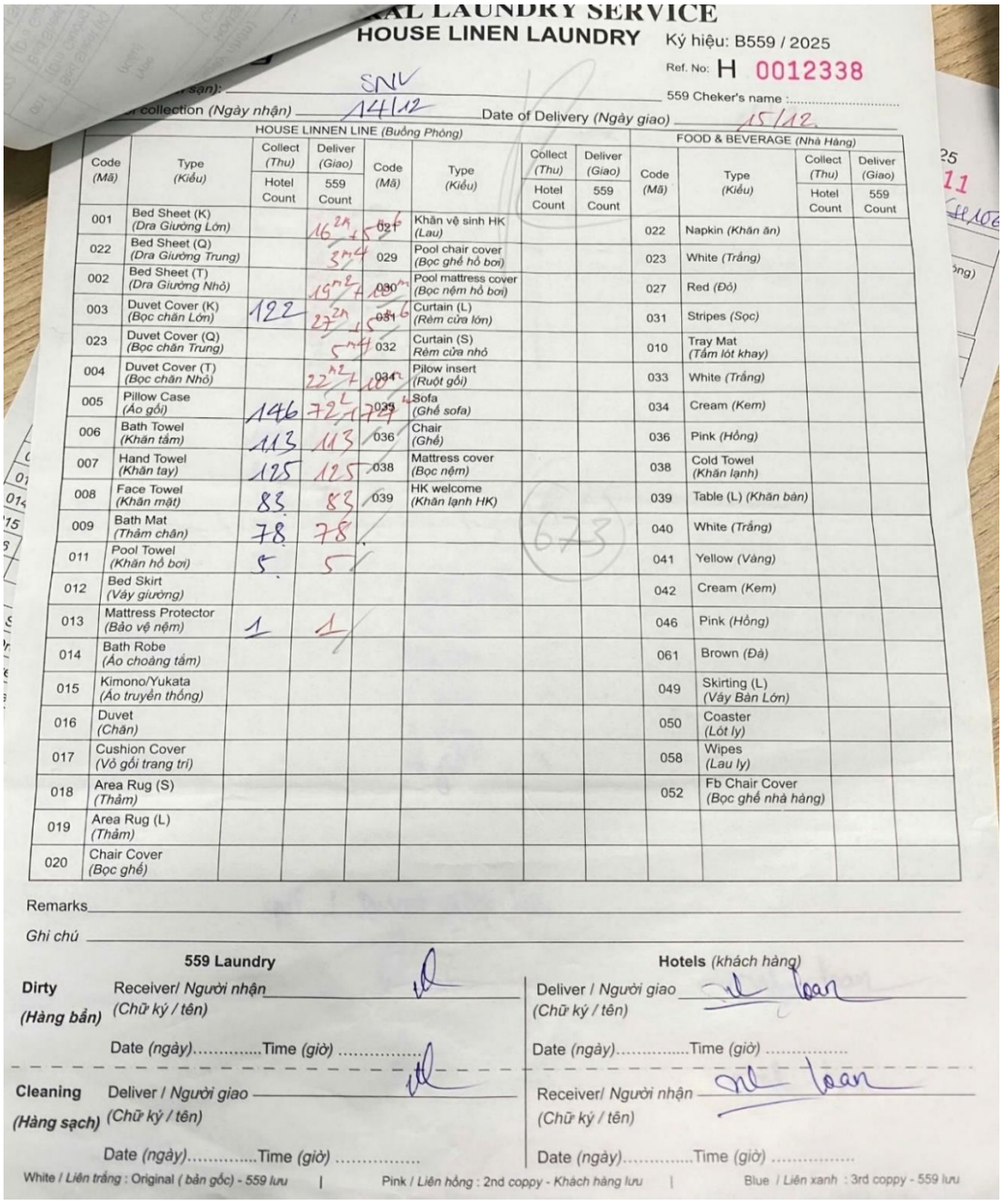

AL LAUNDRY SERVICE

HOUSE LINEN LAUNDRY Ký hiệu: B559 / 2025

Ref. No: H 0012338

559 Cheker's name :.....

...sạn): SNV

...collection (Ngày nhận) 14/12 Date of Delivery (Ngày giao) 15/12

HOUSE LINNEN LINE (Buồng Phòng)								FOOD & BEVERAGE (Nhà Hàng)			
Code (Mã)	Type (Kiểu)	Collect (Thu) Hotel Count	Deliver (Giao) 559 Count	Code (Mã)	Type (Kiểu)	Collect (Thu) Hotel Count	Deliver (Giao) 559 Count	Code (Mã)	Type (Kiểu)	Collect (Thu) Hotel Count	Deliver (Giao) 559 Count
001	Bed Sheet (K) (Dra Giường Lớn)		16 2n + 5	021	Khăn vệ sinh HK (Lau)			022	Napkin (Khăn ăn)		
022	Bed Sheet (Q) (Dra Giường Trung)		3n4	029	Pool chair cover (Bọc ghế hồ bơi)			023	White (Trắng)		
002	Bed Sheet (T) (Dra Giường Nhỏ)		19n2 + 100	030	Pool mattress cover (Bọc nệm hồ bơi)			027	Red (Đỏ)		
003	Duvet Cover (K) (Bọc chăn Lớn)	122	23 2n + 15	031	Curtain (L) (Rèm cửa lớn)			031	Stripes (Sọc)		
023	Duvet Cover (Q) (Bọc chăn Trung)		5n4	032	Curtain (S) Rèm cửa nhỏ			010	Tray Mat (Tấm lót khay)		
004	Duvet Cover (T) (Bọc chăn Nhỏ)		22n2 + 100	034	Pilow insert (Ruột gối)			033	White (Trắng)		
005	Pillow Case (Áo gối)	146	72 2 + 79	035	Sofa (Ghế sofa)			034	Cream (Kem)		
006	Bath Towel (Khăn tắm)	113	113	036	Chair (Ghế)			036	Pink (Hồng)		
007	Hand Towel (Khăn tay)	125	125	038	Mattress cover (Bọc nệm)			038	Cold Towel (Khăn lạnh)		
008	Face Towel (Khăn mặt)	83	83	039	HK welcome (Khăn lạnh HK)			039	Table (L) (Khăn bàn)		
009	Bath Mat (Thảm chân)	78	78					040	White (Trắng)		
011	Pool Towel (Khăn hồ bơi)	5	5					041	Yellow (Vàng)		
012	Bed Skirt (Váy giường)							042	Cream (Kem)		
013	Mattress Protector (Bảo vệ nệm)	1	1					046	Pink (Hồng)		
014	Bath Robe (Áo choàng tắm)							061	Brown (Đỏ)		
015	Kimono/Yukata (Áo truyền thống)							049	Skirting (L) (Váy Bàn Lớn)		
016	Duvet (Chăn)							050	Coaster (Lót ly)		
017	Cushion Cover (Vỏ gối trang trí)							058	Wipes (Lau ly)		
018	Area Rug (S) (Thảm)							052	Fb Chair Cover (Bọc ghế nhà hàng)		
019	Area Rug (L) (Thảm)										
020	Chair Cover (Bọc ghế)										

673

Remarks

Ghi chú

559 Laundry

Dirty (Hàng bẩn) Receiver/ Người nhận (Chữ ký / tên)

Date (ngày).....Time (giờ) .....

Cleaning (Hàng sạch) Deliver / Người giao (Chữ ký / tên)

Date (ngày).....Time (giờ) .....

Hotels (khách hàng)

Deliver / Người giao (Chữ ký / tên) loan

Date (ngày).....Time (giờ) .....

Receiver/ Người nhận (Chữ ký / tên) loan

Date (ngày).....Time (giờ) .....

White / Liên trắng : Original (bản gốc) - 559 lưu | Pink / Liên hồng : 2nd coppy - Khách hàng lưu | Blue / Liên xanh : 3rd coppy - 559 lưu

Phụ lục số 02

Vietcombank

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH
GIẤY BÁO CÓ - CREDIT ADVICE

VIETCOMBANK QUẢNG NAM
Số 35, đường Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng.
Mã số thuế / *Tax code* : 0100112437-034

Ngày / *Date* : 26/01/2026
Không phải hóa đơn GTTT
Số chứng từ / *Doc No* 260126.0001.00287

Người ra lệnh *(Orderer)*		**Người hưởng *(Beneficiary)***	
Họ tên / *A/C Name*	: CTCP DAU TU NAM TRI	Họ tên / *A/C Name*	: CN CTCP DT 559-XUONG GIAT LA CONG NGHIEP
Số TK / *A/C No*	: 0041001010577	Số TK / *A/C No*	: 0651000761076
Địa chỉ / *Address*	: 68 PHAN CHAU TRINH, P.HAI CHAU, Q.HAI CH AU, TP.DA NANG, VIET NAM	Địa chỉ / *Address*	: LO SO 7, DUONG SO 6, KCN DIEN NAM DIEN NGOC, PHUONG DIEN BAN DONG, TP DA NANG
MST / *Số CMT / ID No*	: 0401309677	MST / *Số CMT / ID No*	: 0400580789-003
Ngày cấp / *Issue Date*	:	Ngày cấp / *Issue Date*	:
Nơi cấp / *Issue Place*	:	Nơi cấp / *Issue Place*	:
Tại ngân hàng / *With Bank*	: NH TMCP Ngoai thuong Viet Nam - CN VCB DA NANG-TRU SO CN	Tại ngân hàng / *With Bank*	: NH TMCP Ngoai thuong Viet Nam - CN VCB QUANG NAM-TRU SO CN
Số tiền nợ / *Debit Amount*	: 76.219.332,00	Số tiền có / *Credit Amount*	: 76.208.332,00
Loại tiền / *Currency*	: VND	Loại tiền / *Currency*	: VND
Bằng chữ / *In Words*	: Bảy mươi sáu triệu hai trăm mười chín nghìn ba trăm ba mươi hai đồng	Bằng chữ / *In Words*	: Bảy mươi sáu triệu hai trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi hai đồng
Số tiền phí / *Fee*	: 10.000,00 Loại tiền / *Currency* : VND		
Trong đó VAT / *VAT*	: 1.000,00 Loại tiền / *Currency* : VND		

Tỷ giá / *Rate* :

Nội dung / *Details* : CTCP DTU NAM TRI TT CP GIAT LA T12.25

Ngân hàng gửi / *Order Bank* : NH TMCP Ngoai thuong Viet Nam - CN VCB DA NANG-TRU SO CN

Ngân hàng nhận / *Ben Bank* : NH TMCP Ngoai thuong Viet Nam - CN VCB QUANG NAM-TRU SO CN

Ngày in / *Print Date* : 27/03/2026

Xác nhận của ngân hàng / *Bank's Confirmation* :

Signature Valid
Được ký bởi: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG NAM
Ngày ký: 27/03/2026

Phụ lục số 03

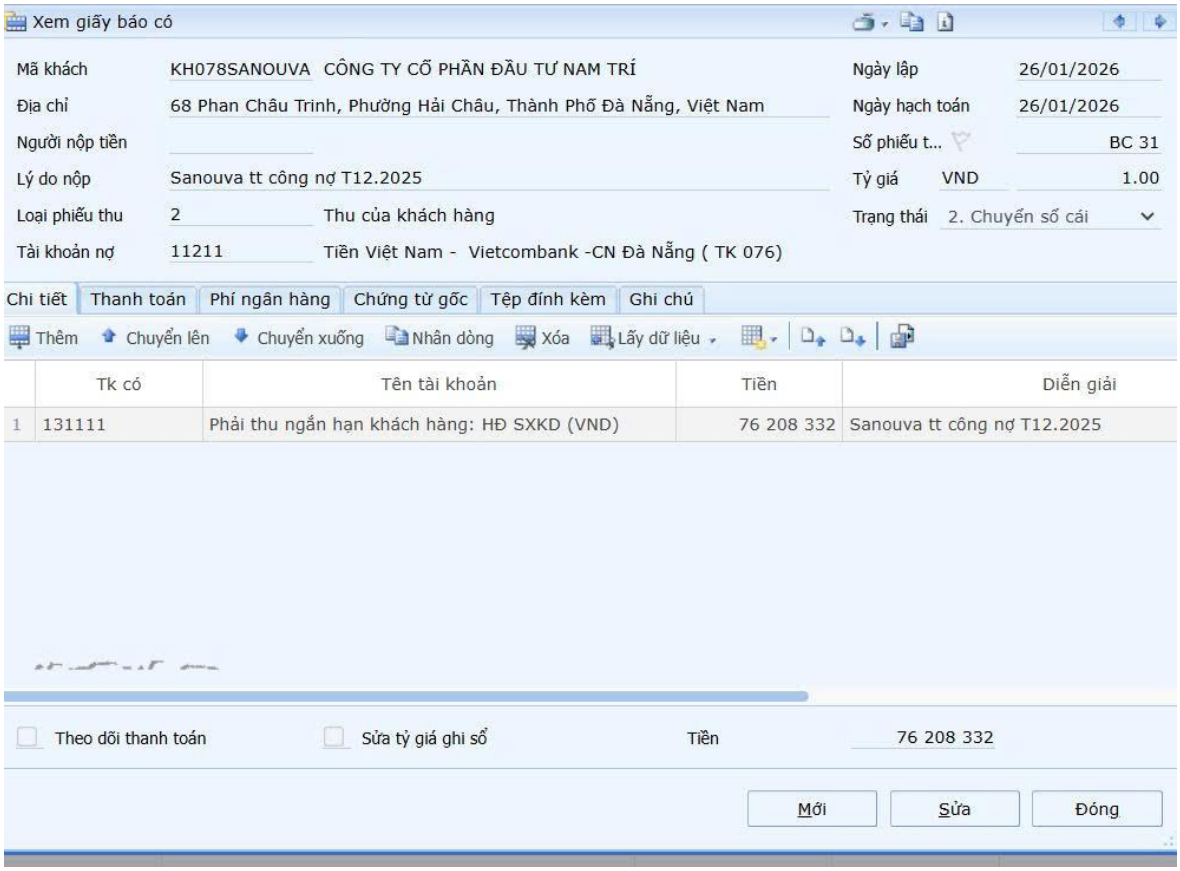

Xem giấy báo có

Mã khách	KH078SANOUVA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM TRÍ	Ngày lập	26/01/2026
Địa chỉ	68 Phan Châu Trinh, Phường Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam	Ngày hạch toán	26/01/2026
Người nộp tiền		Số phiếu t...	BC 31
Lý do nộp	Sanouva tt công nợ T12.2025	Tỷ giá VND	1.00
Loại phiếu thu	2 Thu của khách hàng	Trạng thái	2. Chuyển sổ cái
Tài khoản nợ	11211 Tiền Việt Nam - Vietcombank -CN Đà Nẵng (TK 076)		

Chi tiết | Thanh toán | Phí ngân hàng | Chứng từ gốc | Tệp đính kèm | Ghi chú

Thêm | Chuyển lên | Chuyển xuống | Nhân dòng | Xóa | Lấy dữ liệu

	Tk có	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải
1	131111	Phải thu ngắn hạn khách hàng: HĐ SXKD (VND)	76 208 332	Sanouva tt công nợ T12.2025

Theo dõi thanh toán | Sửa tỷ giá ghi sổ | Tiền 76 208 332

Mới | Sửa | Đóng

Phụ lục số 04

Vietcombank

VIETCOMBANK QUẢNG NAM
Số 35, đường Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng.
Mã số thuế / *Tax code* : 0100112437-034

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH
GIẤY BÁO CÓ - CREDIT ADVICE

Ngày / *Date* : 27/12/2025
Không phải hóa đơn GTTT
Số chứng từ / *Doc No* 271225.5161.77066

Người ra lệnh *(Orderer)*		**Người hưởng *(Beneficiary)***	
Họ tên / *A/C Name*	: CONG TY CP DICH VU DI DONG TRUC TUYEN	Họ tên / *A/C Name*	: CN CTCP DT S59-XUONG GIAT LA CONG NGHIEP
Số TK / *A/C No*	: 0001053197780	Số TK / *A/C No*	: 0651000761076
Địa chỉ / *Address*	: TANG 6,TOA NHA PHU MY HUNG,SO 8 DUONG HO ANG VAN THAI,P.TAN MY,TP.HCM	Địa chỉ / *Address*	: LO SO 7, DUONG SO 6, KCN DIEN NAM DIEN NGOC, PHUONG DIEN BAN DONG, TP DA NANG
MST / *Số CMT / ID No*	: 0305289153	MST / *Số CMT / ID No*	: 0400580789-003
Ngày cấp / *Issue Date*	:	Ngày cấp / *Issue Date*	:
Nơi cấp / *Issue Place*	:	Nơi cấp / *Issue Place*	:
Tại ngân hàng / *With Bank*	: NH TMCP Ngoai thuong Viet Nam - CN VCB HUNG VUONG-TRU SO CN	Tại ngân hàng / *With Bank*	: NH TMCP Ngoai thuong Viet Nam - CN VCB QUANG NAM-TRU SO CN
Số tiền nợ / *Debit Amount*	: 243.000,00	Số tiền có / *Credit Amount*	: 243.000,00
Loại tiền / *Currency*	: VND	Loại tiền / *Currency*	: VND
Bằng chữ / *In Words*	: Hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng	Bằng chữ / *In Words*	: Hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng
Số tiền phí / *Fee*	: 0,00 Loại tiền / *Currency* : VND		
Trong đó VAT / *VAT*	: 0,00 Loại tiền / *Currency* : VND		

Tỷ giá / *Rate* :

Nội dung / *Details* : PARTNER.DIRECT_DEBITS_VCB.MSE.112345980959.20251227.112345980959-0935698811_HK ck khach ngoai

Ngân hàng gửi / *Order Bank* : NH TMCP Ngoai thuong Viet Nam - CN VCB HUNG VUONG-TRU SO CN

Ngân hàng nhận / *Ben Bank* : NH TMCP Ngoai thuong Viet Nam - CN VCB QUANG NAM-TRU SO CN

Ngày in / *Print Date* : 31/12/2025

Xác nhận của ngân hàng / *Bank's Confirmation* :

Signature Valid
Được ký bởi: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG NAM
Ngày ký: 31/12/2025

Ghi chú: Văn bản này được xuất tự động từ hệ thống Ngân hàng điện tử của Vietcombank và không ràng buộc trách nhiệm của Vietcombank trong trường hợp Khách hàng cung cấp văn bản này cho bên thứ ba./.
Note: *This document is automatically generated from Vietcombank's digital banking system and does not bind Vietcombank in case the Customer provides this document to a third party./.*

Phụ lục số 05

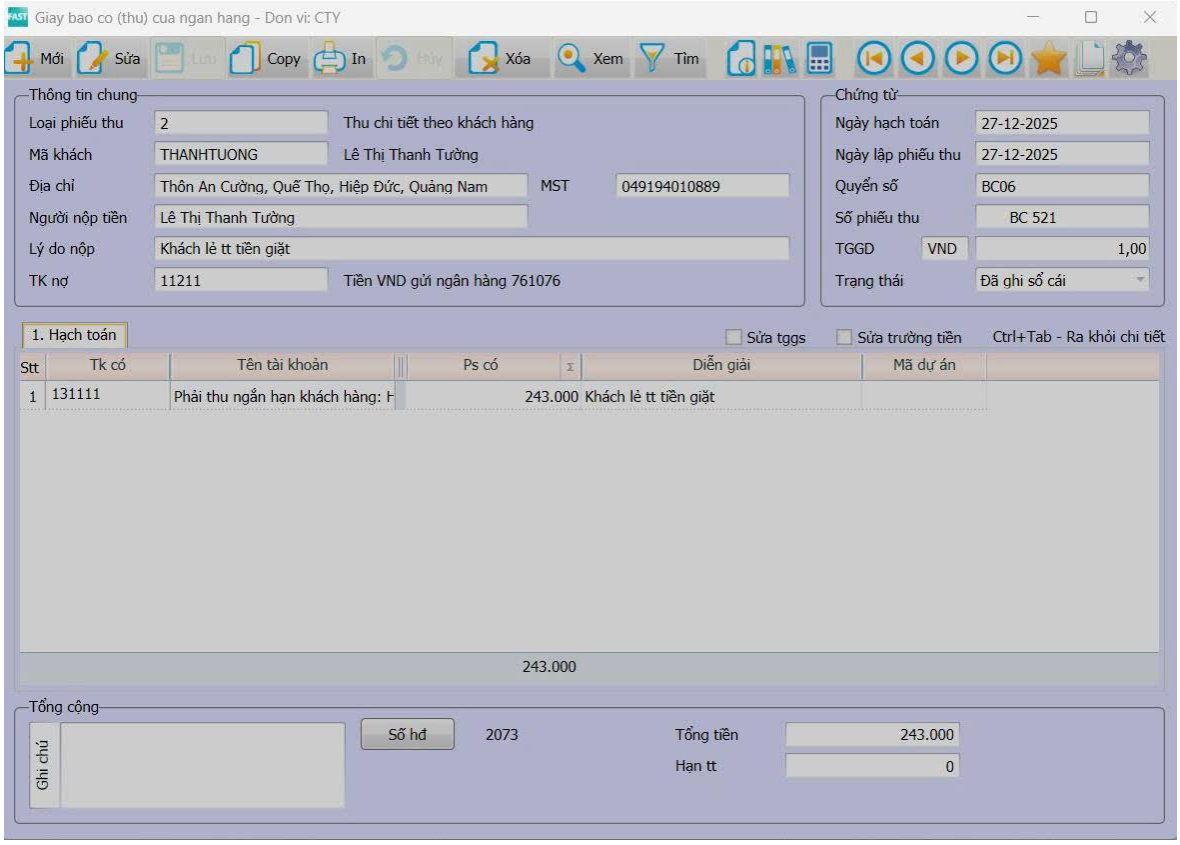
Giay bao co (thu) cua ngan hang - Don vi: CTY
Mới
Sửa
Lưu
Copy
In
Hủy
Xóa
Xem
Tìm
Thông tin chung
Loại phiếu thu
2
Thu chi tiết theo khách hàng
Mã khách
THANHTUONG
Lê Thị Thanh Tường
Địa chỉ
Thôn An Cường, Quế Thọ, Hiệp Đức, Quảng Nam
MST
049194010889
Người nộp tiền
Lê Thị Thanh Tường
Lý do nộp
Khách lẻ tt tiền giặt
TK nợ
11211
Tiền VND gửi ngân hàng 761076
Chứng từ
Ngày hạch toán
27-12-2025
Ngày lập phiếu thu
27-12-2025
Quyển số
BC06
Số phiếu thu
BC 521
TGGD
VND
1,00
Trạng thái
Đã ghi sổ cái
1. Hạch toán
Sửa tggs
Sửa trường tiền
Ctrl+Tab - Ra khỏi chi tiết
Stt
Tk có
Tên tài khoản
Ps có
Diễn giải
Mã dự án
1
131111
Phải thu ngắn hạn khách hàng: H
243.000
Khách lẻ tt tiền giặt
243.000
Tổng cộng
Ghi chú
Số hđ
2073
Tổng tiền
243.000
Hạn tt
0

Phụ lục số 06

Form NHBL 04-06/99, Liên 1: Lưu, Liên 2: KH

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠ
CHI NHÁNH
ĐC:
Mã VAT:

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH
ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER
Ngày (Date): 15/12/25

NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN *(Please Debit Account)*

SỐ TK (A/C No.): 0651000761078
TÊN TK (A/C Name): CN CÔNG TY CPĐT 559 - XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP
ĐỊA CHỈ (Address):
TẠI NH (With Bank): Vietcombank Quảng Nam

SỐ TIỀN *(With Amount)*
BẰNG SỐ *(In Figures)*: 894,703 VND
BẰNG CHỮ *(In Words)*: *Tám trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm lẻ ba đồng.*

PHÍ NH (Bank Charges)
Phí trong *Including*
Phí ngoài *Excluding*

NỘI DUNG (Details of Payment): 274261/QNM267310 - Xưởng giặt là CN 559
TT tiền cước điện thoại & internet tháng 11/2025 - hđ 119725

& GHI CÓ TÀI KHOẢN (& Credit Account)

SỐ TK (A/C No.): 0651000851570
TÊN TK (A/C Name):
ĐỊA CHỈ (Address): Viễn Thông Đà Nẵng - TD Bưu chính Viễn thông VN
TẠI NH (With Bank): Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Quảng Nam

KẾ TOÁN TRƯỞNG KÝ *Chief Accountant*
Huỳnh Thị Hương

CHỦ TÀI KHOẢN KÝ & ĐÓNG DẤU *Account Holder & Stamp*
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 559 - XƯỞNG GIẶT LÀ CÔNG NGHIỆP - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KT. GIÁM ĐỐC
Lê Quốc Khánh

DÀNH CHO NGÂN HÀNG *(For Bank's Use only)* Mã VAT:
VIETCOMBANK - CN QUẢNG NAM
PHÒNG GIAO DỊCH ĐIỆN NAM-ĐIỆN NGỌC
ĐÃ CHUYỂN TIỀN

Thanh toán viên | Kiểm soát | Giám đốc

Hạn mức GD: 100,000,000VND GD TRONG HAN MUC CUA TTV

479

Form NHBL 04-06/99, Liên 1: Lưu, Liên 2: KH

Vietcombank
CHI NHÁNH QUẢNG NAM
35 Trần Hưng Đạo – TP. Tam Kỳ
Tỉnh Quảng Nam
MST: 0100112437 – 034

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH
PHIẾU HẠCH TOÁN - POSTING SLIP
Ngày (*Date*) 15-12-2025
So CT – Doc No: 151225.0009.00321

KH: VC/ 25 T
Ma VAT KH: 0400580789-003

06505 QNA0031185 15-12-25 17:23:16 51CC Transfer 0009. 00321 0651000761078

	TÀI KHOẢN (ACCOUNT)			SỐ TIỀN (AMOUNT)
NỢ *(Debit)*:	0651000761078	CN CTCP DT 559-XUONG GIAT LA CONG NGHIEP	MCN: 6505	**********905.703 VND
CÓ 1 *(Credit 1)*:	CC001	THU PHI CK TK CHUYEN TK		**********11.000 VND
CÓ 2 *(Credit 2)*:	0651000851570	VIEN THONG DA NANG-TAP DOAN BUU CHINH VIEN THONG VIET NAM	MCN: 12203	**********894.703 VND
CÓ 3 *(Credit 3)*:				

THUE VAT: 1,000VND PHI NH: 10,000VND

Số tiền bằng chữ:
Amount in words
Chin tram linh nam nghin bay tram linh ba DONG chan,

Nội dung:
Remarks
274261/QNM267310 XUONG GIAT 559 TT TIEN CUOC DIEN THOAI&INTERNET T11/2025 HD 119725

TY GIA:

VIETCOMBANK - CN QUẢNG NAM
PHÒNG GIAO DỊCH ĐIỆN NAM-ĐIỆN NGỌC
ĐÃ CHUYỂN TIỀN

Thanh toán viên | Kiểm soát | Giám đốc

Phụ lục số 07

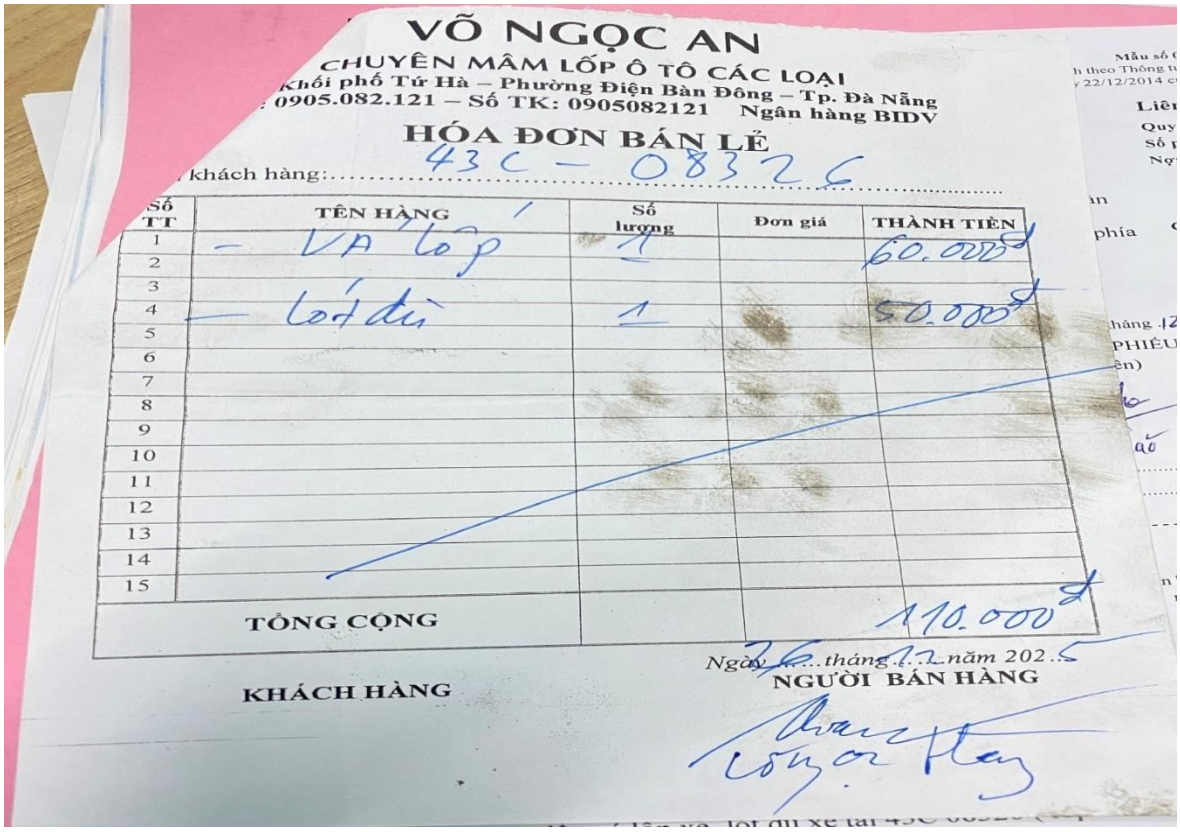

VÕ NGỌC AN

CHUYÊN MÂM LỐP Ô TÔ CÁC LOẠI

Khối phố Tứ Hà – Phường Điện Bàn Đông – Tp. Đà Nẵng

: 0905.082.121 – Số TK: 0905082121 Ngân hàng BIDV

HÓA ĐƠN BÁN LẺ

khách hàng: 43C – 08326

Số TT	TÊN HÀNG	Số lượng	Đơn giá	THÀNH TIỀN
1	– VA lốp	1		60.000đ
2				
3				
4	– Lót đi	1		50.000đ
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
TỔNG CỘNG				110.000đ

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

KHÁCH HÀNG

NGƯỜI BÁN HÀNG